**BÀI 5: ĐỐI DIỆN VỚI NỖI ĐAU**

Thời gian thực hiện: 11 tiết 5 + ôn tập kiểm tra

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7.0 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1.0 tiết)

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 5: Đối diện với nỗi đau** | 12 t |
| **ĐỌC** | ***7*** |
| *-* Đọc VB1: *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (trích, Uy-li-am Sếch-xpia)  - Thực hành tiếng Việt: Câu rút gọn  - Đọc VB2: *Lơ Xít* (trích, Coóc-nây)  - Đọc VB3: *Bí ẩn của làn nước* (Bảo Ninh)  - Thực hành tiếng Việt: Câu đặc biệt | 2  1  2  1  1 |
| **VIẾT:** Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (kịch) | ***3*** |
| **NÓI VÀ NGHE**: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học) | ***1*** |
| **CỦNG CỐ MỞ RỘNG**  **TH ĐỌC:** *Âm mưu và tình yêu* (trích, Giô-han Cơ-rít-xtốp-phơ Phri-đơ-rích Si-lơ |  |

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

*1. Năng lực.*

-Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

-Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

- Nhận biết được đặc điểm của câu rút gọn, câu đặc biệt và hiểu được chức năng của các kiểu câu này để sử dụng một cách hiệu quả.

- Viết được bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

*2. Phẩm chất*

- Coi trọng những giá trị nhân văn cao đẹp; lựa chọn hành động và cách ứng xử phù hợp để có được hạnh phúc chân chínhBiết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

B.THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, video…

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, máy tính

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

**1. Thao tác 1: Giới thiệu bài họcPP vấn đáp + Kĩ thuật chia sẻ 01 phút**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Em hãy kể ra một vài tình huống mà con người rơi vào tâm trạng đau đớn.

|  |  |
| --- | --- |
| 5 khổ đau lớn nhất của đời người, nếm trải qua rồi sẽ chẳng còn gì có thể  khiến bạn tổn thương hơn | 6 cách giúp bạn vượt qua những nỗi đau về tinh thần |

**-** Bản thân em đã trải qua tình huống đau đớn nào chưa? Nếu có thì hãy chia sẻ lại cách mà em đã vượt qua nỗi đau đó.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** HS chia sẻ trước lớp.

- GV động viên, khích lệ

Dự kiến sản phẩm:

\*Một vài tình huống mà con người rơi vào tâm trạng đau đớn: người thân yêu qua đời; bị người yêu phản bội/ bỏ rơi; phải làm những điều mà bản thân không hề muốn;...

**Bước 4:** **Kết luận**, **nhận định**

**GV giới thiệu bài mới**:

*Các em thân mến! Cuộc sống này có muôn vàn điều bất ngờ khiến chúng ta nhiều lúc phải đối mặt với mâu thuẫn, rơi vào mâu thuẫn khó giải quyết, chịu đựng đau đớn và mất mát...*

*Trong bài học 5 này, qua các văn bản bi kịch sẽ giúp các em hiểu hơn về sự phong phú, phức tạp cùng những tình huống đau đớn của con người trong cuộc sống, để từ đó hướng ta đến những tình cảm nhân văn cao cả, thôi thúc ta hành động tích cực, xứng đáng với hai chữ Con Người.*

1. **Thao tác 2: Tìm hiểu khái quát về bài học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Làm việc cá nhân:  GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* (SGK/tr 116), lời đề từ và đọc lướt qua nội dung các phần của bài học 5, cho biết:  + *Chủ đề bài học 5 “Đối diện với nỗi đau” gồm những văn bản đọc nào?*  *+ Các VB đọc chính thuộc loại văn bản gì?*  *+ VB đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại gì?*  *+ Ý nghĩa của những VB đọc hiểu của bài học 5 là gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **\* Chủ đề bài học:** Đối diện với nỗi đau  **\*Thể loại:**  **- VB đọc chính:** thể loại bi kịch.  + VB1: *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (trích, Uy-li-am Sếch-xpia)  + VB2: *Lơ Xít* (trích, Coóc-nây)  **- VB truyện ngắn kết nối chủ điểm:** *Bí ẩn của làn nước* (Bảo Ninh)  \* Hai VB đọc và văn bản đọc kết nối chủ đề cho ta thấy được văn học, bằng cách thể hiện những tình thế gay gắt, những sự việc bi thảm,... đã khơi dậy nỗi xúc động thống thiết, đem đến những trải nghiệm căng thẳng và lo âu sâu sắc cho người đọc, qua đó, hướng người đọc đến những tình cảm nhân văn cao cả, thôi thúc hành động tích cực... |

**Tiết 57,58:**

**VĂN BẢN 1: RÔ-MÊ-Ô VÀ GIU- LI-ÉT**

**(Trích) - Uy-li-am Sếch-xpia)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại trong bi kịch được thể hiện qua đoạn trích.

- Nêu được những nhận thức về giá trị nhân văn trong văn học, những suy nghĩ về hành động và cách ứng xử để có hạnh phúc.

*2. Phẩm chất:* Coi trọng những giá trị nhân văn cao đẹp; lựa chọn hành động và cách ứng xử phù hợp để có được hạnh phúc chân chính.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Cách 1: PP vấn đáp**  **Câu hỏi:** Tình yêu là đề tài phổ biến trong văn học, nghệ thuật. Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về một tác phẩm viết về đề tài này.  **Cách 2: Chia sẻ 1 phút**   |  | | --- | | Em có suy nghĩ gì về tình yêu? Hãy chia sẻ suy nghĩ đó!  Với tôi tình yêu là..................  .............................................  .............................................. |   **Cách 3: Xem video**  - GV chiếu HS xem video bài hát ***A time for us*** (nhạc phim *Rô-mê-ô và Giu-li-et* bản 1968). Video nhạc có chứa những hình ảnh tóm tắt bộ phim.  https://www.youtube.com/watch?v=4FHpmn-KYec-  **Câu hỏi**: Chia sẻ cảm nhận của em về mối tình của Rô-mê-ô và Giu-li-et qua giai điệu bài hát và những hình ảnh của bộ phim.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | - **Cách 1**:  HS chia sẻ suy nghĩ về một tác phẩm viết về đề tài tình yêu: tác phẩm văn học, bộ phim, bức tranh, bài hát,...  .- **Cách 2**: HS nêu cảm nhận về mối tình của Rô-mê-ô và Giu-li-et : đó là mối tình đẹp, vượt lên trên rào cản thù hận giữa hai dòng họ; tuy nhiên kết thúc buồn;... |

**GV dẫn vào bài mới**: Tình yêu là đề tài quen thuộc. Mỗi thời kì, mỗi cá nhân khi yêu lại có cách riêng để thể hiện tình yêu của mình. Chúng ta cùng tìm hiểu xem con người thời Phục hưng đã yêu và bảo vệ tình yêu của mình như thế nào qua đoạn trích trong vở bi kịch nổi tiếng “Rô-mê-ô và Giu-li-ét” của U. Sếch –xpia.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Hoạt động 2.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp tìm hiểu chung về tri thức thể loại, tác giả Uy-li-am Sếch-xpia và văn bản *Rô-mê-ô và Giu-li-et..*

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về thể loại, tác giả và văn bản.

**d.Tổ chức thực hiện**

**Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu Tri thức thể loại bi kịch**

Đọc mục Tri thức ngữ văn (SHS/tr 117), hoàn thành vào các chỗ trống sau:

1. Xung đột trong bi kịch là
2. Xung đột trong bi kịch nảy sinh do
3. Nhân vật bi kịch là những con người
4. Lời thoại trong bi kịch
5. Đề tài của bi kịch thường
6. Cốt truyện của bi kịch

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu Tri thức thể loại bi kịch**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS theo dõi mục Tri thức Ngữ văn (SHS/tr 117) và hoàn thành Phiếu học tập số 1 theo cặp đôi.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **+** HS dựa vào mục Tri thức Ngữ văn đã tìm hiểu ở nhà, HS hoàn thành Phiếu học tập số 1 theo cặp đôi.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi một đại diện cặp đôi báo cáo sản phẩm đã hoàn thành trong phiếu học tập.  + Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức theo hình thức trình chiếu kết quả phiếu số 1. | I. TÌM HIỂU CHUNG  **1. Tri thức thể loại bi kịch**  **- Xung đột trong kịch** làxung đột không thể giải quyết giữa khát vọng cao đẹp của con người với khả năng, tình thế thực hiện.  - Xung đột trong bi kịch nảy sinh do **mâu thuẫn** giữa cái thiện với cái ác, cái cao cả với cái thấp hèn, cái mới với cái cũ, cái tiến bộ với cái phản tiến bộ, giữa các mặt khác nhau của tính cách, giữa mong muốn chủ quan và điều kiện khách quan, giữa các giá trị khác nhau của đời sống,...  - **Nhân vật bi kịch** là những con người có sức mạnh lớn lao, phẩm chất cao cả, mang trong mình những lí tưởng, khát vọng đẹp đẽ,... nhưng phải đối mặt với số phận nghiệt ngã, những quyết định khó khăn, sự không thuận lợi của hoàn cảnh,...  Phẩm chất, khát vọng > < Số phận, hoàn cảnh  - **Lời thoại trong bi kịch** thể hiện sự căng thẳng, những giằng xé nội tâm, có tính hùng biện, triết lí, mĩ lệ, trau chuốt...  - **Đề tài bi kịch** thường mượn từ lịch sử hay huyền thoại, đề cập những vấn đề lớn, có tính vĩnh cửu của cuộc sống con người.  - **Cốt truyện của bi kịch** biểu thị chuỗi hành động tuân theo quy tắc nhân quả, dẫn tới kết cục bi thảm của nhân vật chính. |
| **Thao tác 2: HD đọc văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - Phân vai cho 2 HS đọc diễn cảm đoạn trích: Giọng đọc dịu dàng, đằm thắm, cảm xúc nồng nàn:  + Lời của Rô-mê-ô thể hiện sự say đắm, choáng ngợp và khao khát yêu đương của một chàng trai vừa bị thần ái tình bắn trúng đích.  + Lời của Giu-li-et thể hiện sự băn khoăn, lo lắng, mạnh mẽ, mãnh liệt về tình yêu với Rô-mê-ô.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số HS đọc VB.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | **2. Đọc văn bản**  **-** Đọc  - Tìm hiểu chú thích (1), từ khó (nếu có). |
| **Thao tác 3: Tìm hiểu tác giả Sếch-xpia và vở kịch “Rô-mê-ô và Giu-li-ét”**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  Chia lớp thành 04 nhóm thực hiện các nhiệm vụ sau:  **- Nhóm 1,2:** Giới thiệu về tác giả Sếch-xpia.  **- Nhóm 3,4:** Giới thiệu vở kịch “Rô-mê-ô và Giu-li-et”  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  HS đại diện nhóm báo cáo kết quả.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức về tác giả Sếch-xpia và vở kịch “Rô-mê-ô và Giu-li-ét”.   |  | | --- | | - Thời kì Phục hưng – “*bước tiến bộ vĩ đại nhất từ trước đến bây giờ mà loài người chưa từng thất, một thời đại cần đến những con người khổng lồ và đã sinh ra được những con người khổng lồ.”*  - Nhà văn Pháp: *“Đọc Sếch-xpia tôi trở lên lớn hơn, thông minh hơn, trong sạch hơn, khi tôi đi đến đỉnh sáng tác của ông tôi có cảm giác như đứng trên ngọn núi cao, tất cả xung quanh tôi biến đi và hiện ra dưới một màu sắc mới”.*  + Gớt: *“Ngay trang đầu tiên của Sếch-xpia đã chinh phục tôi suốt cuộc đời”.* | | **3. Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **3.1. Tác giả Uy-li-am Sếch-xpia**  https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/3/3c/CHANDOS3.jpg  U.Sếch-xpia (1564-1616)  - Uy-li-am Sếch-xpia là nhà soạn kịch, nhà thơ nổi tiếng nhất của nước Anh thời Phục hưng.  - Quê hương, gia đình: ông sinh ra và lớn lên tại thị trấn Xtơ-rét-phớt (Stratford) ở tây nam nước Anh trong một gia đình buôn bán len dạ.  - Cuộc đời:  + Khoảng năm 14 tuổi, do gia đình sa sút, Sếch-xpia phải thôi học.  + Khoảng năm 1585, ông lên thủ đô kiếm sống, tham gia giúp việc cho một đoàn kịch, trở thành diễn viên, nhà soạn kịch kiêm đạo diễn, rồi người đồng sở hữu đoàn kịch.  + Năm 1599, Sếch-xpia tham gia dựng nên Nhà hát Địa Cầu.  - Sự nghiệp sáng tác:  + Gồm 37 vở kịch , 4 bản trường ca và 154 bài thơ Xon-nê (sonnet), được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau.  + Kịch của Sếch-xpia bao gồm nhiều thể loại (kịch lịch sử, hài kịch, bi kịch, bi hài kịch), trong đó nổi bật là bi kịch với nhiều kiệt tác như: *Rô-mê-ô và Giu-li-ét, Vua Lia, Ô-ten-lô, Mắc-bét và đặc biệt là Hăm-lét.*  **-** Kịch của Sếch-xpia hướng tới quảng đại quần chúng, là tiếng nói tâm hồn và khát vọng của họ.  **3.2. Vở kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-et***  - Vở kịch được viết vào năm 1595.  - Gồm 5 hồi bằng thơ xen lẫn văn xuôi.  - Vở kịch dựa trên câu chuyện có thật về mối hận thù giữa hai dòng họ Môn-ta-ghiu và Ca-piu-lét, tại thành Vê-rô-na (I-ta-li-a) thời Trung cổ.  - Tóm tắt: chú thích (1), SHS/Tr.118.  - Xung đột chính: xung đột giữa khát vọng cao đẹp của nhân vật với đời sống thực tiễn của xã hội (sự hận thù của hai dòng họ). |
| **Thao tác 4: Tìm hiểu đoạn trích *Rô-mê-ô và Giu-li-et***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để trả lời nhanh các câu hỏi sau:  *- Nêu vị trí của đoạn trích*.  - *Đoạn trích xoay quanh cuộc đối thoại của những nhân vật nào và sự kiện gì??* | **4. Tìm hiểu đoạn trích *Rô-mê-ô và Giu-li-et***  - **Vị trí của đoạn trích**: thuộc cảnh 2 hồi 2 của vở kịch.  - **Nhân vật:** Rô-mê-ô và Giu-li-ét.  - **Sự việc:** Cuộc gặp gỡ giữa Rô-mê-ô và Giu-li-et.  (Trong đêm hội hóa trang, Rô-mê-ô gặp và yêu say đắm Giu-li-ét. Nàng cũng rất yêu chàng. Ngay đêm ấy, Rô-mê-ô quay lại, leo qua tường, đối diện với buồng ngủ của Giu-li-ét tình cờ đúng lúc Giu-li-ét cũng ra đứng bên cửa sổ. Đôi tình nhân thổ lộ lòng mình). |

**2.2. Hoạt động 2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Hướng dẫn HS tìm hiểu những giá trị về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “Rô-mê-ô và Giu-li-et”(Uy-li-am Sếch-xpia).

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu tình thế gặp gỡ và xung đột kịch**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **HS trao đổi theo cặp, hoàn thành PHT số 02 sau:**   |  | | --- | | PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02  1.*Tình thế gặp gỡ giữa Rô-mê-ô và Giu-li-et:*  *- Mối quan hệ giữa hai người*  *..........................................................*  *- Không gian.........................................*  *- Thời gian.............................................*  *2. Dựa vào phần tóm tắt vở kịch, hãy cho biết hành động thổ lộ tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-et trong đoạn trích có liên hệ như thế nào với chuỗi hành động tiếp theo của hai nhân vật và kết cục của vở kịch?*  *...............................................................*  *3. Rút ra những xung đột trong toàn bộ vở kịch được đề cập trong đoạn trích.*  ................................................................ |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  + HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.  + Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định** | II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN  **1. Tình thế gặp gỡ và xung đột kịch**  **1.1. Tình thế gặp gỡ giữa Rô-mê-ô và Giu-li-ét**  - Mối quan hệ giữa hai người*:* Rô-mê-ô là con trai nhà Môn-ta-ghiu; Giu-li-ét là con gái nhà Ca-piu-let 🡪 Hai người thuộc về hai dòng họ thù địch, có mối thâm thù với nhau.  - Không gian: vườn nhà Giu-li-ét. (Đây là không gian ẩn chứa nhiều nguy hiểm, hàm chứa nhiều yếu tố bi kịch).  - Thời gian: đêm khuya, trăng sáng (Thời gian lãng mạn của những đôi tình nhân).  **🡺** Rô-mê-ô biết rõ gia đình và dòng họ mình vốn có mối thâm thù với nhà Ca-piu-lét nhưng chàng vẫn không quản ngại, vượt tường đến đứng dưới ban công phòng Giu-li-ét mong gặp được người mình yêu. Giu-li-ét cũng đã dự cảm được tình thế ngay trong đêm dạ hội khi biết danh tính Rô-mê-ô nhưng khi gặp Rô-mê-ô trong đêm, nàng vẫn đi theo tiếng gọi của trái tim, bày tỏ tình yêu với chàng.  => Hai nhân vật đã bất chấp mối thù dòng họ để gặp nhau và bày tỏ tình yêu.  **1.2. Mối liên hệ giữa cuộc gặp gỡ trong đoạn trích với cốt truyện của vở kịch**  - Sự kiện Rô-mê-ô gặp Giu-li-ét trong vườn nhà Ca-piu-lét, hai người bày tỏ tình yêu mặc dù biết hai gia đình có mối thâm thù sẽ dẫn đến những sự kiện khác như: bí mật làm lễ thành hôn; Giu-li-ét chấp nhận uống thuốc ngủ giả chết để cưỡng lại sự sắp đặt hôn nhân của gia đình và chờ đợi Rô-mê-ô trở về; Rô-mê-ô bí mật trở về, tưởng Giu-li-ét chết thật nên tự sát; Giu-li-ét tự sát khi thấy Rô-mê-ô chết.  - Kết cục của vở kịch: Cái chết của hai nhân vật là kết cục tất yếu khi hai dòng họ vẫn giữ mối thù hận mà đôi trẻ thì lại chẳng thể từ bỏ tình yêu.  =>Vở kịch kết thúc bằng cái chết của đôi uyên ương, nhưng cái chết của họ khẳng định một chân lí cao đẹp: không gì có thể ngăn cản được tình yêu. Tình yêu và sự quên thân của họ khiến cho hai dòng họ tỉnh ngộ và đi đến hoà giải. Cái chết của Rô-mê-ô và Giu-li-ét khích lệ con người tin tưởng vào sức mạnh của tình yêu, khẳng định cuộc sống không nên hận thù.  **1.3. Xung đột kịch trong đoạn trích**  Những xung đột được đề cập tới trong vở kịch: xung đột giữa hai dòng họ, xung đột giữa lễ giáo phong kiến và quyền tự do yêu đương. |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu lời thoại và diễn biến tâm trạng nhân vật**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 4 nhóm.  HS hoàn thành Phiếu học tập số 03 theo nhóm trong thời gian 05 phút:  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Lời độc thoại** | **Lời đối thoại** | **Tâm trạng nhân vật** | | **Rô-mê-ô** |  |  |  | | **Giu-li-ét** |  |  |  | | **- Nhận xét cách bày tỏ tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét.**  ..........................................................  **- Nhận xét tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét**  ........................................................... | | | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo nhóm.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức**.** | **2. Lời thoại và diễn biến tâm trạng nhân vật**  **2.1. Nhân vật Rô-mê-ô**  **- Những lời độc thoại:**  + Vượt tường vào nhà Giu-li-et để được ngắm nhìn và gần gũi người mình yêu.  + Khi nhìn thấy Giu-li-et bên cửa sổ, Rô-mê-ô đã không kìm được sự ngưỡng mộ của mình. Chàng đã ví vẻ đẹp của nàng như mặt trời:*“Đấy là phương Đông, và nàng Giu-li-et là mặt trời!”*  + Say sưa ca ngợi mắt Rô-mê-ô như các vì sao: “*Chẳng qua hai ngôi sao đẹp nhất bầu trời đi vắng, đã thiết tha nhờ mắt nàng lấp lánh, chờ đến lúc sao về”.* Sự so sánh được đẩy lên cấp độ cao hơn bằng một sự tự vấn: *“Ừ, nếu mắt nàng lên thay cho sao và sao xuống nằm dưới đôi lông mày kia thì thế nào nhỉ”.*  + Khao khát chinh phục, yêu đương hết sức mãnh liệt: *Kìa! Nàng tì má lên bàn tay! Ôi! Ước gì ta là chiếc bao tay, để được mơn trớn gò má ấy!*  *🡪* Cách nói của nhân vật Rô-mê-ô trong đoạn độc thoại: cách nói hoa mĩ, nhiều hình ảnh (mặt trời, trăng, sao), nhiều thán từ (dùng khá nhiều câu cảm thán thể hiện cảm xúc trào dâng), nhiều so sánh ví von... Điều này thể hiện tính chất mĩ lệ, trau chuốt của ngôn từ bi kịch.  - **Những lời đối thoại:**  + Nếu được Giu-li-et gọi là “người yêu”, chàng sẵn sàng từ bỏ tên, họ: *“Tôi không muốn bao giờ là Rô-mê-ô nữa”, “Nếu chính tay tôi đã viết tên đó, thì tôi xin xé nát nó ra” “tôi chẳng phải Rô-mê-ô mà cũng chẳng thuộc họ Môn-ta-ghiu”.*  + Vượt qua những nguy hiểm: *“tường vườn này cao”*, sự hận thù của hai dòng họ... nhờ *“đôi cánh của tình yêu”*. Với Rô-mê-ô, *“Mà cái gì tình yêu dám làm là làm được”.*  + Sẵn sàng thề nguyền cùng Giu-li-ét.  ***=>Nhận xét về tình cảm của Rô-mê-ô:***  - Tìm mọi cách, mọi lời có cánh để thể hiện lòng mình chủ động và đầy say mê.  - Là một chàng trai mạnh mẽ, đến với tình yêu chân thành, say đắm và dám vượt lên trên tất cả sự trở ngại để được sống với rung cảm của con tim. Đây là cảm xúc của con người đang yêu và đang được tình yêu đáp lại.  **2.2. Nhân vật Giu-li-ét**  **- Những lời độc thoại:**  + Bày tỏ tình yêu trực tiếp, không ngại ngùng: *“chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi”, “…chàng hãy đem tên họ ấy, nó đâu phải xương thịt của chàng, đổi lấy cả em đây”.*  + Như tự chất vấn mình rồi lại tự trả lời mình: *Cái tên nó có nghĩa gì đâu...*  + Tự đề xuất giải pháp: *Chàng hãy vứt bỏ tên họ của chàng đi.* Nàng thật táo bạo: *Nó đâu phải xương thịt của chàng...đổi lấy cả em đây.*  - **Những lời đối thoại**:  + Khi biết người đang trò chuyện với mình là Rô-mê-ô, Giu-li-ét đã nhắc đến dòng họ Môn-ta-ghiu; lo lắng cho Rô-mê-ô: “*Chàng làm thế nào mà vào được chốn này?...khó lòng thoát chết.”, “Họ mà bắt gặp chàng thì họ giết chàng mất”, “Em cầu mong cho họ đừng bắt gặp chàng nơi đây”*  + Bày tỏ trực tiếp tình yêu của mình: *“chàng Môn-ta-ghiu tuấn tú ơi..cho em là kẻ trăng hoa”*  + Không muốn Rô-mê-ô phải thề thốt, bởi mình đã trao lời ước hẹn, thề nguyền và cũng tin vào tình yêu của Rô-mê-ô: *“lòng em mênh mông....là vô tận”*  ***=> Nhận xét về tình cảm của Giu-li-ét:***  - Chủ động bày tỏ tình yêu của mình.  - Sẵn sàng đón nhận tình yêu, bất chấp sự hận thù của hai dòng họ. Đó là khát vọng được sống thật với con người của mình. Tuy nhiên, ở nàng sự lo lắng về mối thù giữa hai dòng họ luộn hiện hữu.  **🡺Nhận xét chung:**  **- Về lời thoại của nhân vật:**  *+ 6 lời thoại đầu*: Họ nói về nhau chứ không nói với nhau. Đó là những lời độc thoại bày tỏ nỗi lòng suy nghĩ của nhân vật.  ++ Lời độc thoại nội tâm: bày tỏ thành thật, không cần giấu diếm, chứa đựng cảm xúc chân thành, đằm thắm.  ++ Độc thoại có hàm chứa đối thoại: làm cho lời độc thoại thêm sinh động, nhiều màu sắc.  + 13 lời thoại sau: là những lời đối thoại thông thường giữa hai nhân vật.  => Lời thoại bi kịch mang tính chất mĩ lệ, trau chuốt .  **- Tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét:**  + Đó là một tình yêu say đắm. Họ luôn đồng hướng trong cảm xúc: cùng hình dung về nhau trong những vẻ đẹp cao quý, luôn dành cho nhau những cách gọi thể hiện sự trân trọng.  + Tình yêu ấy gặp những rào cản: bức tường cao nhà Giu-li-ét (rào cản hữu hình); sự hận thù của hai dòng họ (rào cản vô hình)  + Tình yêu trong sáng diễn ra trên cái nền của thù hận; thù hận bị đẩy lùi chỉ còn lại tình đời tình người bao la, phù hợp với lí tưởng nhân văn. |

**2.3. Hoạt động 2.3. Hướng dẫn Tổng kết**

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS trao đổi theo cặp trong bàn các yêu cầu sau:  *- Rút ra những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích.*  *- Qua đọc hiểu đoạn trích, hãy rút ra cách đọc hiểu một văn bản bi kịch.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động thảo luận theo cặp.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | III. TỔNG KẾT  *1. Chủ đề*  - Ca ngợi tình yêu tự do vượt lên trên sự hận thù.  - Vở kịch hướng người đọc (người xem) đến những giá trị nhân văn cao cả.  *2. Nghệ thuật*  - Xây dựng bối cảnh không gian và thời gian tinh tế, hợp lý với cuộc trò chuyện của hai nhân vật, làm nổi bật tính chất của bi kịch tình yêu nam nữ.  - Lời thoại bi kịch mang tính chất mĩ lệ, trau chuốt diễn tả thành công những cung bậc tình yêu tinh tế nhất của Rô-mê-ô và Giu-li-ét. Xây dựng ngôn ngữ độc thoại, đối thoại độc đáo diễn tả rõ nét các sắc thái tâm trạng phức tạp của nhân vật.  - Nghệ thuật so sánh trong lời thoại bay bổng, lãng mạn, phù hợp với những tâm hồn đang yêu, với tình yêu hết sức trong sáng của Rô-mê-ô và Giu-li-ét.  - Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, nhất là tâm lí nhân vật qua những độc thoại nội tâm…  **3. Cách đọc văn bản bi kịch**  - Đọc kĩ lời giới thiệu để có hiểu biết chung về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh ra đời, vị trí của đoạn trích.  - Tập trung vào lời thoại của nhân vật để xác định quan hệ của các nhân vật, tìm hiểu đặc điểm, tính cách của từng nhân vật.  - Phân tích hành động kịch, diễn biến cốt truyện; phân tích xung đột kịch.  - Qua diễn tiến của xung đột, thái độ, hành động, số phận của nhân vật trong xung đột nêu rõ chủ đề, ý nghĩa xã hội của tác phẩm. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Thực hành một số bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu**: Cảnh thề nguyền giữa Rô-mê-ô và Giu-li-ét trong đoạn trích gợi em liên tưởng đến cảnh thề nguyền nào trong văn học Việt Nam? Nêu suy nghĩ của em về điểm giống và khác nhau của những cảnh đó.  - **Hình thức:** Phỏng vấn chuyên gia**.**  Cử 01 HS làm MC, 01 HS là chuyên gia văn học Việt Nam, các HS còn lại là khán giả.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **- MC:** Dẫn dắt, hỏi câu hỏi để gợi dẫn:  *Cảnh thề nguyền của Rô-mê-ô và Giu-li-ét (Hồi hai, cảnh II) giống với cảnh thề nguyền trong nào trong văn học Việt Nam?*  - **Chuyên gia:** Những bài ca dao về đề tài tình yêu; cảnh thề nguyền của Kim Trọng và Thúy Kiều (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du).  **- MC:** *Điểm giống và khác nhau của cảnh thề nguyền của Rô-mê-ô và Giu-li-ét với cảnh thề nguyền của Kim Trọng và Thúy Kiều là gì?*  - **Chuyên gia:**  + Giống nhau:  ++ Hoàn cảnh thề nguyền: Trong đêm trăng.  ++ Đều là tình yêu tự do, vượt lên trên những ràng buộc, rào cản.  + Khác nhau:  Trong “Rô-mê-ô và Giu-li-ét”, vai chủ động là người nam (Rô-mê-ô); trong “Truyện Kiều”, vai chủ động là nữ (Thúy Kiều)  Trong “Rô-mê-ô và Giu-li-ét”, rào cản, khó khăn hiện hữu rất rõ; trong “Truyện Kiều”, điều đó mờ nhạt hơn.  **- Khán giả**: Từ những cảnh thề nguyền ấy, gợi chúng ta suy nghĩ về điều gì?  - Chuyên gia: Suy ngẫm về sức mạnh của tình yêu tự do, về khát vọng yêu đương của con người, về sự bình đẳng của nam - nữ trong tình yêu...  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS báo cáo trước lớp kết quả làm việc.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | - Cảnh thề nguyền của Rô-mê-ô và Giu-li-ét trong đoạn trích gợi liên tưởng đến cảnh thề nguyền trong văn học Việt Nam:  + Ca dao về đề tài tình yêu.  + Cảnh thề nguyền của Kim Trọng và Thúy Kiều  - Sự giống nhau và khác nhau trong cảnh thể nguyền của Rô-mê-ô và Giu-li-ét với Kim Trọng và Thúy Kiều:  + Giống nhau:  ++ Hoàn cảnh thề nguyền: Trong đêm trăng.  ++ Đều là tình yêu tự do, vượt lên trên những ràng buộc, rào cản.  + Khác nhau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Cảnh thề nguyền của Rô-mê-ô và Giu-li-et** | **Cảnh thề nguyền của Kim Trọng và Thúy Kiều** | | Vai chủ động | Nam | Nữ | | Yếu tố rào cản | Rõ nét | Mờ nhạt |   + Ý nghĩa: Các cảnh thề nguyền ấy gợi suy ngẫm về sức mạnh của tình yêu tự do, về khát vọng yêu đương của con người, về sự bình đẳng của nam - nữ trong tình yêu... |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập sáng tạo

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**1. Nhiệm vụ 1: Viết kết nối với đọc**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Đề bài:** Dựa vào xung đột mà Sếch-xpia đề cập trong vở *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* và thực tiễn cuộc sống, hãy viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về khát vọng tình yêu của con người.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* GV hướng dẫn HS viết nhanh tại lớp trong thời gian 10 phút.
* GV cung cấp bảng kiểm cho HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* GV gọi một số HS trình bày đoạn văn của mình.
* Các HS khác lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét đoạn văn của HS, chuẩn hoá kiến thức.

**Đoạn văn tham khảo:**

Vở kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* của tác giả Uy-li-am Sếch-xpia đã thể hiện khát vọng tình yêu của con người vượt lên trên hoàn cảnh khắc nghiệt. Có thể thấy, xung đột và hận thù không thể ngăn cản khát vọng tình yêu của con người dù xưa hay nay. Dù phải đối mặt với những trở ngại và áp lực từ xã hội và gia đình, song khát vọng tình yêu vẫn luôn tồn tại mãnh liệt trong lòng những người yêu nhau . Khát vọng tình yêu cao cả sẽ thúc đẩy con người vượt qua mọi khó khăn, rào cản, thách thức để đến được bên nhau, nguyện cùng nhau xây dựng mái ấm hạnh phúc. Khát vọng tình yêu cũng thôi thúc họ vượt lên trên những ích kỉ, tính toán tầm thường, không ngừng nỗ lực phấn đấu hoàn thiện bản thân để xứng đáng với người mình yêu. Chúng ta không chỉ ngợi ca tình yêu giữa Rô-mê-ô và Giu-li-ét mà chúng ta còn ngưỡng mộ khát vọng tình yêu tự do của Thúy Kiều – Kim Trọng, cảm động với mối tình Ngưu Lang – Chức Nữ,... Và còn biết bao cặp đôi yêu nhau khác đã vượt qua sự ngăn cấm của gia đình để chúng minh cho cha mẹ thấy được lựa chọn tình yêu của họ là đúng đắn. Tình yêu không có lỗi, hãy giữ gìn và đấu tranh để bảo vệ tình yêu chân chính của bạn nhé!

**2. Nhiệm vụ 2: Sân khấu hóa tác phẩm văn học**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Chia lớp thành 2 nhóm, thực hiện nhiệm vụ sau:**

**Sân khấu hóa đoạn trích kịch “Rô-mê-ô và Giu-li-ét**

- Các nhóm tự lên kịch bản phân vai diễn, chuẩn bị đạo cụ, trang phục...

- Chú ý.

+ Chọn nhân vật phù hợp đặc biệt là nhân vật chính.

+ Khi cho các bạn lựa chọn nhập vai nhân vật nên phỏng vấn: Bạn dự định vào vai nhân vật nào trong màn sân khấu hóa của nhóm và vì sao bạn lại chọn nhân vật đó?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động nhóm để hoàn thành dự án “Sân khấu hoá tác phẩm văn học”:

+ Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên, lên kịch bản và tập diễn đoạn văn bản được giao:

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

NHÓM:..............................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** | **Thành viên phụ trách** |
| 1 | ....... | ....... | ....... |
| 2 | ....... | ....... | ....... |
| 3 | ....... | ....... | ....... |
| ... | ....... | ....... | ....... |

+ Thực hiện theo các bước sau:

1. Tổ chức xây dựng kịch bản
2. Phân công vai diễn
3. Tổ chức tập dượt theo kịch bản
4. Diễn thử và chuẩn bị biểu diễn chính thức
5. Tổ chức biểu diễn

GV quan sát, tư vấn, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS sẽ báo cáo ở phần Đọc mở rộng sau bài học 5.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- GV nhận xét đánh giá kết quả của các các nhóm.

- Phần thưởng: Cho điểm hoặc tặng quà.

RÚT KINH NGHIỆM

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 59**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CÂU RÚT GỌN**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

\*Năng lực đặc thù:

HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của câu rút gọn để sử dụng một cách hiệu quả.

*2. Phẩm chất*

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- HS có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

-Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** Em hãy cho biết trích đoạn truyện cười sau gây cười ở chỗ nào? Vì sao?  *Một người sắp đi chơi xa, dặn con:*  *– Ở nhà, có ai hỏi, thì bảo bố đi chơi vắng nhé!*  *Sợ con mải chơi quên mất, ông ta lại cẩn thận lấy bút viết vào giấy, rồi bảo:*  *– Có ai hỏi, thì con cứ đưa cái giấy này.*  *Con cầm giấy bỏ vào túi áo. Cả ngày, chẳng thấy ai hỏi. Tối đến, sẵn có ngọn đèn, nó lấy giấy ra xem, rồi chẳng may vô ý để giấy cháy mất.*  *Hôm sau, có người đến chơi, hỏi:*  *– Bố cháu có nhà không?*  *Nó ngẩn ra, rồi sực nhớ, sờ vào túi. Không thấy giấy, liền nó:*  *–*[*Mất rồi!*](https://truyendangian.com/mat-roi-chay/)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **Dự kiến câu trả lời của HS:**  - Truyện gây cười ở câu trả lời của cháu bé: “*Mất rồi*”.  - Lí do:  + Lẽ ra khi vị khách hỏi về người bố, cháu bé cần đưa ra thông tin về người bố: “*Bố cháu đi chơi vắng nhà ạ*”, hoặc đưa ra thông tin rõ ràng về tờ giấy bằng câu đầy đủ: “*Tờ giấy bố cháu đưa bị mất rồi*”.  + Câu nói rút gọn chủ ngữ của cháu bé khiên vị khách kia hiểu lầm là bố cháu bé mất (chết). |

**=> GV kết nối, dẫn vào bài mới:** Trong giao tiếp, nhiều tình huống người nói vô tình sử dụng câu rút gọn khiến người khác hiểu sai về nội dung giao tiếp. Tuy nhiên trong nhiều tình huống, người nói cố tình sử dụng câu rút gọn do phương châm tiết kiệm trong việc sử dụng ngôn ngữ. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu đặc điểm và chức năng của câu rút gọn để sử dụng hiệu quả.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: HS Nhận biết được đặc điểm và chức năng của câu rút gọn.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, cặp đôi để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Theo dõi phần **Tri thức Ngữ văn** (tr 117/ SHS) và bảng nhận biết (tr 121-122/SHS).  Thảo luận cặp đôi thực hiện những yêu cầu sau:  **-** Nêu khái niệm , chức năng và dấu hiệu nhận biếtcâu rút gọn bằng cách hoàn thành **Phiếu học tập số 01** sau:   |  |  | | --- | --- | | **Câu rút gọn** | | | Khái niệm | .......... | | Lí do rút gọn |  | | Dấu hiệu nhận biết | .......... |   - GV cho HS nêu thêm ví dụ về câu rút gọn.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1- 2 cặp đôi trả lời miệng, trình bày kết quả.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chuẩn hóa kiến thức. | I. LÝ THUYẾT VỀ CÂU RÚT GỌN   |  |  | | --- | --- | | **Câu rút gọn** | | | **1. Khái niệm** | Câu rút gọn là câu có thành phần câu (thường là thành phần chính bị tỉnh lược). | | **2. Lí do rút gọn** | - Do phương châm tiết kiệm trong sử dụng ngôn ngữ, nhất là khi nói (lược bỏ những thông tin đã biết hoặc bị coi là lặp, dư thừa.  - Do dụng ý của người sử dụng (không muốn nêu rõ sự vật, sự việc nào đó trong câu) | | **3. Dấu hiệu nhận biết** | * Là câu có chủ ngữ hoặc vị ngữ bị tỉnh lược.   - Câu rút gọn cũng có thể là câu tỉnh lược cả thành phần chủ ngữ và vị ngữ, chỉ giữ lại thành phần cung cấp thông tin cần thiết, cốt lõi trong một ngữ cảnh giao tiếp cụ thể như trạng ngữ, bổ ngữ hoặc định ngữ. | |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:**

**-** Củng cố kiến thức về câu rút gọn.

- Thực hành các bài tập trong SHS.

**b. Sản phẩm:** Nội dung trả lời các bài tập 1, 2, 3, 4 (tr 121-123/SHS).

### c. Tổ chức hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Bài tập 1,2:** Thảo luận theo cặp.  **- Bài tập 3, 4:** Thảo luận theo nhóm  + Nhóm 1,2: Bài tập 3  + Nhóm 3,4: Bài tập 4  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện các yêu cầu mà GV đã phân công.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện HS/ đại diện nhóm trình bày sản phẩm.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **II. THỰC HÀNH**  **1. Bài tập 1 (Tr 121/SHS)**  Có 2 câu rút gọn trong lời thoại kịch này:   * Câu 1: *Hãy mang tên họ nào khác đi!* (Chủ ngữ được tỉnh lược) * Câu 2: *Đúng là từ miệng nàng nói ra nhé!* (Chủ ngữ được tỉnh lược).   **2. Bài tập 2 (Tr 122/SHS)**   * **Câu rút gọn thứ nhất: *Hãy mang tên họ nào khác đi!***   + Chuyển câu rút gọn thành câu đầy đủ: *Chàng hãy mang tên họ nào khác đi!*  + Tác dụng của câu rút gọn: Như nhiều câu cầu khiến khác, câu *Hãy mang tên họ nào khác đi!* được tỉnh lược chủ ngữ (biểu thị người tiếp nhận), làm cho ý cầu khiến được thể hiện một cách mạnh mẽ và dứt khoát hơn.  - **Câu rút gọn thứ hai: *Đúng là từ miệng nàng nói ra nhé!***  + Chuyển câu rút gọn thành câu đầy đủ: *Những lời này đúng là từ miệng nàng nói ra nhé!*  *+*Tác dụng của câu rút gọn: Câu *Đúng là từ miệng nàng nói ra nhé!* cũng được tỉnh lược chủ ngữ, có tác dụng dồn nén các thông tin trong 1 câu, tạo mối liên kết giữa câu nói của Rô-mê-ô với những câu mà Giu-li-ét đã nói trước đó, làm tăng tính khẩu ngữ, tính tự nhiên cho câu nói.  **3. Bài tập 3 (Tr 122/SHS)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Trường hợp | Câu rút gọn | Thành phần rút gọn | Tác dụng của việc rút gọn câu | | a | ***Thưa ngài, không!*** | Rút gọn chủ ngữ và thành phần trung tâm của vị ngữ (động từ “chuyển động”).  (Khôi phục đầy đủ: *Thưa ngài, những chiếc tàu không chuyển động!)* | Câu rút gọn chỉ giữ lại từ phủ định (“không”) nhằm nhấn mạnh vào thông tin cần trao đổi, làm tăng tính khẩu ngữ cho câu nói. | | b | ***Ngày nào ít: ba lần.*** | Rút gọn chủ ngữ, thành phần trung tâm của vị ngữ (động từ “phá”) và bổ ngữ cho động từ (danh từ “bom”).  (Khôi phục đầy đủ: *Ngày nào ít: chúng tôi phá bom ba lần.* | Câu rút gọn chỉ giữ lại thành phần phụ chỉ số lần thực hiện hành động phá bom trong một ngày (“ba lần”), đó là thông tin mà người nói muốn nhấn mạnh. |   4**. Bài tập 4 (Tr 122/SHS)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Trường hợp | Câu rút gọn | Khôi phục thành câu đầy đủ | Tác dụng của câu rút gọn | | a | ***Chưa*.** | Anh chưa bao giờ nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ. | Làm tăng tính khẩu ngữ cho câu nói. | | b | ***Cho ra kiểu cách con nhà võ.*** | Mỗi bước đi tôi làm cho ra kiểu cách con nhà võ. | Nhấn mạnh mục đích hoạt động. | | c | *Dùng xong sẽ mang trả lại.* | Chúng ta dùng xong sẽ mang trả lại. | Tăng tính khẩu ngữ cho câu nói. | | d | *Và ngồi đó rình mặt trời lên.* | Và tôi ngồi đó rình mặt trời lên. | Tạo sự liền mạch cho các hoạt động. | |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS tìm câu rút gọn; viết câu rút gọn trong ngữ cảnh cụ thể.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**1.** Tìm các câu rút gọn trong một đoạn trích truyện. Hãy khôi phục lại câu đầy đủ và rút ra tác dụng của các câu rút gọn trong ngữ cảnh của đoạn truyện.

**2**. Sáng tạo một đoạn hội thoại, trong đó có sử dụng một số câu rút gọn.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân, hoàn thành các nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* GV gọi một số HS trả lời.
* Các HS khác nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức.

RÚT KINH NGHIỆM

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TIẾT 60,61 :ÔN TẬP HỌC KÌ I** |

# A.MỤC TIÊU BÀI HỌC

*1.Năng lực*

-Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo

- Hệ thống được các kiến thức về loại, thể loại văn bản đọc; tiếng Việt; kiểu bài viết; kiểu bài nói và nghe đã học trong học kì I.

- Vận dụng được các kiến thức đã học, kĩ năng đã rèn luyện để giải quyết các bài tập tổng hợp.

*2. Phẩm chất*

- Trân trọng những giá trị văn học.

- Ý thức ôn tập nghiêm túc

# B.THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

*1. Giáo viên*

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Chuẩn bị phương tiện, học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Các câu hỏi kiểm tra kiến thức

*2. Học sinh.*

Trả lời các câu hỏi phần Nội dung ôn tập học kì I (Tr 142-145/SGK) vào vở soạn bài.

# C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Lê Thu Hương- 0839599591-Trường : THCS Mỹ Hà - Mỹ Lộc -Nam Định

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Khơi kiến thức nền để học sinh bước vào giờ ôn tập hiệu quả.

**b. Nội dung hoạt động:** HS tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

**Trò chơi “Ai là triệu phú”**

- GV sử dụng vòng quay **Wheel of names** để gọi tên HS sẽ tham gia ngồi vào “ghế nóng”.



- GV đọc câu hỏi. Mỗi câu hỏi sẽ có 15s suy nghĩ và trả lời.

- HS được gọi phải đưa ra câu trả lời nhanh. Nếu quá 15s mà HS không đưa ra được câu trả lời đúng sẽ phải dừng cuộc chơi, GV chọn tiếp một HS khác tiếp tục trả lời các câu hỏi còn lại.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.

- GV quan sát, khích lệ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

**Hệ thống câu hỏi của trò chơi “Ai là triệu phú”:**

1. Dòng nào nêu đúng đặc điểm nhân vật trong truyện truyền kì?

A. Là những vị thần có hình dạng và hành động phi thường, có khả năng biến hoá khôn lường.

B. Là những người anh hùng có sức mạnh, tài năng, phẩm chất và vẻ đẹp phi thường, dũng cảm, xả thân vì cộng đồng, tiêu biểu cho vẻ đẹp cộng đồng.

C. Là những người bình thường, thường có số phận bất hạnh

D. Thường có những nét kì lạ về nguồn gốc ra đời, ngoại hình hay năng lực siêu nhân.

2. Chi tiết nào trong truyện “Chuyện người con gái Nam Xương” (Nguyễn Dữ) **không** phải chi tiết kì ảo?

A. Phan lang lạc vào động rùa của Linh Phi được đãi yến, gặp Vũ Nương - được Linh phi rẽ rước đưa về dương thế.  
B. Vũ Nương đưa trâm cho Phan Lang mang về cho Trương Sinh.

C. Trương Sinh lập đàn giải oan cho Vũ Nương trên bến Hoàng Giang.  
D. Hình ảnh Vũ Nương hiện về khi Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang

3. Đâu là đặc điểm của thể thơ song thất lục bát?

A. Là thể thơ có nguồn gốc từ Trung Hoa.

B. Gồm những cặp câu 6 và 8 tiếng đan xen.

C. Kết hợp đan xen từng cặp câu 7 tiếng với từng cặp câu 6 và 8 tiếng.

D. Quy định cụ thể về số khổ thơ và số dòng thơ trong một bài.

4. Đâu là nghệ thuật nổi bật trong văn bản *Nỗi niềm chinh phụ (*trích *Chinh phụ ngâm)*?

A. Yếu tố hoang đường, kì ảo.

B. Miêu tả tâm lí nhân vật.

C. Ước lệ, tượng trưng.

D. Tạo tình huống bất ngờ.

5.  Đâu **không** phải cách chơi chữ thường gặp?

A. Dùng lối nói khoa trương, phóng đại

B. Dùng lối nói lái

C. Dùng từ trái nghĩa

D. Dùng từ gần nghĩa

6. Nhân vật trong truyện thơ Nôm có đặc điểm gì?

A. Những cô gái, chàng trai có nhiều sự thiếu sót, mắc sai lầm sau đó mới trưởng thành và hoàn thiện bản thân.

B. Những cô gái, chàng trai có vẻ đẹp toàn diện nhưng cuộc sống thường gặp nhiều trắc trở, gian nan.

C. Những cô gái, chàng trai tuy ngoại hình có nhiều khiếm khuyết nhưng tâm hồn thanh cao, trong sáng.

D. Những cô gái, chàng trai có vẻ đẹp toàn diện, gặp nhiều may mắn, hạnh phúc trong cuộc sống.

7. Đoạn trích *Kim – Kiều gặp gỡ* có nội dung chính là gì?

A. Thúy Kiều gặp gỡ Kim Trọng khi đang đi du xuân, hai người đã nảy sinh tình cảm yêu thương, quyến luyến.

B. Thúy Kiều gặp gỡ Kim Trọng khi đang đi du xuân, hai người đã nảy sinh tình cảm yêu thương, quyến luyến, Thúy Kiều trở về nhà với tâm trạng “ngổn ngang trăm mối”.

C. Thúy Kiều gặp gỡ Kim Trọng khi đang đi vãn cảnh chùa, hai người đã nảy sinh tình cảm yêu thương, quyến luyến, Thúy Kiều trở về nhà với tâm trạng “ngổn ngang trăm mối”.

D. Thúy Kiều gặp gỡ Kim Trọng khi đang đi vãn cảnh chùa, hai người đã nảy sinh tình cảm yêu thương, quyến luyến.

8. Đâu là nhận xét đúng về đặc điểm của văn bản nghị luận về tác phẩm văn học?

A. Thể hiện những đánh giá, nhận xét bao quát, ít bày tỏ quan điểm cá nhân.

B. Thể hiện góc nhìn phiến diện, mang tính cá nhân về một khía cạnh của tác phẩm.

C. Thể hiện quan điểm, thái độ, cách đánh giá và kiến giải của người viết về tác phẩm.

D. Thể hiện những suy tư, trăn trở của người viết về những thiếu sót của tác phẩm.

9. Người đọc đóng vai trò như thế nào đối với hoạt động đọc hiểu văn bản?

A. Làm tác phẩm trở nên nổi tiếng hơn.

B. Làm tác phẩm trở nên sâu sắc hơn.

C. Tạo nên sức sống lâu bền cho tác phẩm.

D. Làm phong phú thêm ý nghĩa của tác phẩm văn học, tạo nên lịch sử tiếp nhận tác phẩm.

10. Các xung đột, mâu thuẫn của bi kịch được tạo nên từ điều gì?

A. Tạo nên bởi hành động có ý thức của nhân vật trong việc thực hiện cái tất yếu mà nó tự thấy trước là không tránh khỏi bị tai họa.

B. Do sự trái ngược về thói quen, môi trường sống của nhân vật.

C. Do sự mẫu thuẫn quan điểm sống của nhân vật.

D. Do sự khác biệt thế hệ của nhân vật.

11. Đâu là nhận xét đúng về nhân vật bi kịch?

A. Có lý tưởng cao cả

B. Có số phận éo le, nghiệt ngã

C. Có sức mạnh phẩm chất cao cả, mang lí tưởng, khát vọng đẹp đẽ nhưng số phận nghiệt ngã

D. Có cuộc đời yên bình, ít sóng gió, khó khăn

12. Kiểu bài viết nào chưa được học trong chương trình Ngữ văn 9 bộ KNTT học kì I?

A. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)

B. Viết truyện ngắn sáng tạo (truyện có yếu tố trinh thám)

C. Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát)

D. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay)

13. Nội dung thực hành Nói và nghe nào không được tìm hiểu trong chương trình Ngữ văn 9 bộ KNTT học kì I?

A. Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)

B. Trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự (trong đời sống của lứa tuổi của học sinh hiện nay)

C. Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại)

D. Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học)

2. HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP KIẾN THỨC HỌC KÌ I

**a) Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, củng cố các đơn vị kiến thức học kì I: Hệ thống kiến thức về văn bản, viết, nói và nghe, về tiếng Việt đã học

**b) Nội dung hoạt động:** Thực hiện hoạt động nhóm

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- Với các câu hỏi 1 (SHS/tr 142):** Đây là những câu hỏi khái quát nội dung kiến thức của nhiều bài học. GV cho HS trao đổi theo cặp để xem lại kết quả đã chuẩn bị trước và gọi một số HS báo cáo sản phẩm.

**- Với các câu hỏi 2,3,4,5,6 (SHS/ tr 142): :** GV chia lớp thành 04 nhóm: Thảo luận và báo cáo sản phẩm theo phân công nhiệm vụ sau:

**+ Nhóm 1:** Câu hỏi 2, 3 – So sánh thể loại truyện truyền kì và truyện thơ Nôm

**+ Nhóm 2**: Câu hỏi 4 – Tổng hợp kiến thức tiếng Việt ở học kì I

+ **Nhóm 3:** Câu hỏi 5 – So sánh kiểu bài nghị luận xã hội và kiểu bài nghị luận văn học.

+ **Nhóm 4**: Câu hỏi 6 – So sánh kiểu bài trình bày ý kiến về một vấn đề và kiểu bài thảo luận về một vấn đề.

**- Lưu ý**: HS đã làm cá nhân trước tất cả các câu hỏi ôn tập ở nhà, do đó GV yêu cầu HS dành chủ yếu thời gian để trao đổi, thảo luận nhanh trong nhóm, hoàn thành các **Phiếu học tập** và báo cáo sản phẩm.

**Phiếu học tập 01-** **Câu hỏi 1 (SHS/tr 142)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Văn bản | Tác giả | Loại, thể loại | Nội dung | Đặc điểm hình thức |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Phiếu học tập 02 -** **Câu hỏi 2 (SHS/tr 142)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Điểm khác biệt | Truyện truyền kì | Truyện thơ Nôm |
| Chữ viết |  |  |
| Nhân vật |  |  |
| Ngôn ngữ |  |  |

**Phiếu học tập 03 –** **Câu hỏi 4 (SHS/tr 142)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Kiến thức tiếng Việt mới | Khái niệm cần nắm vững |
|  |  |  |

**Phiếu học tập 04 -** **Câu hỏi 5 (SHS/tr 142)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm khác nhau** | **Kiểu bài nghị luận xã hội** | **Kiểu bài nghị luận văn học** |
| **Lí lẽ** |  |  |
| **Bằng chứng** |  |  |

**Phiếu học tập 06 -** **Câu hỏi 6 (SHS/tr 142)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh** | **Kiểu bài** trình bày ý kiến về một vấn đề | **Kiểu bài** thảo luận về một vđ |
| **Giống nhau** |  | |
| **Khác nhau** |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Các nhóm tiến hành thảo luận, hoàn thành sản phẩm học tập ra (các) phiếu học tập của nhóm.

- GV quan sát, giúp đỡ (nếu cần).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời cá nhân câu hỏi 1.

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm đã thảo luận các câu hỏi 2, 3, 4, 5,6.

- Các HS hoặc các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét sản phẩm học tập của các nhóm.

DỰ KIẾN SẢN PHẨM HỌC TẬP

**Câu 1 ((SHS/tr 142):** Lập bảng hệ thống hóa thông tin về các văn bản đọc.

**Gợi ý**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 01-** **Câu hỏi 1 ((SHS/tr 142): Ôn tập các văn bản đọc** | | | | |
| **Văn bản** | **Tác giả** | **Loại, thể loại** | **Đặc điểm nổi bật** | |
| **Nội dung** | **Hình thức** |
| *Chuyện người con gái Nam Xương* | Nguyễn Dữ | Truyện truyền kì | - Khẳng định vẻ đẹp tâm hồn truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.  - Cảm thông với số phận bi kịch của ngươi phụ nữ dưới chế độ phong kiến. - Phê phán thói ghen tuông mù quáng, tính độc quyền gia trưởng của đàn ông trong gia đình.  - Tố cáo chiến tranh phi nghĩa | - Nghệ thuật xây dựng cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính.  - Nghệ thuật miêu tả nhân vật: Miêu tả qua lời người kể chuyện và qua lời nói của nhân vật (lời đối thoại, độc thoại của nhân vật).  - Sử dụng sáng tạo các yếu tố kì ảo, hoang đường. |
| *Dế chọi* | Bùi Tùng Linh | Truyện truyền kì | **-** Phê phán xã hội phong kiến đương thời với nhiều bất công, vô lí, giai cấp thống trị nhũng nhiễu nhân dân.  - Cảm thông với số phận nhỏ nhoi của người dân lương thiện. | - Nghệ thuật xây dựng cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính.  - Sử dụng sáng tạo các yếu tố kì ảo, hoang đường  - Lời người kể chuyện ngôi thứ ba, vừa miêu tả cảnh vật, vừa kể sự việc, vừa thể hiện suy nghĩ, tâm trạng của nhân vật. |
| *Nỗi niềm chinh phụ* | Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm | Thơ song thất lục bát | - Thể hiện sâu sắc tâm trạng và nỗi niềm của người chinh phụ trong hoàn cảnh tiễn người chinh phu ra trận.  -  Sự cảm thông vô bờ của tác giả và dịch giả: Đồng cảm, sẽ chia; tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa; đề cao khát vọng hạnh phúc của con người. | - Sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ kết hợp các hình ảnh tượng trưng, ước lệ giàu sức gợi.  - Ngôn ngữ giàu cảm xúc, được chọn lọc tinh tế; nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật đặc sắc. |
| *Tiếng đàn mưa* | Bích Khê | Thơ song thất lục bát | - Bài thơ tái hiện vẻ đẹp mong manh, tinh tế của bức tranh mưa xuân.  - Đồng thời tái hiện tâm trạng u buồn, sự cô đơn và nỗi nhớ quê hương sâu sắc của kẻ xa xứ. | - Sử dụng một số biện pháp tu từ đặc sắc: điệp ngữ, ẩn dụ,...  - Sử dụng hệ thống hình ảnh giàu sức gợi.  - Ngôn ngữ: giàu tính nhạc, phù hợp với việc miêu tả nỗi buồn man mác, sâu lắng. |
| *Kim Kiều gặp gỡ* | Nguyễn Du | Truyện thơ Nôm | - Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, của tuổi trẻ và tình yêu tự do.  - Thể hiện sự đồng cảm, đồng tình với khát vọng tình yêu của con người. | - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: khắc hoạ nhân vật ở cả hai phương diện: con người ngoại hiện và con người nội cảm với chiều sâu tâm lí. Kết hợp nhiều phương tiện nghệ thuật để khắc hoạ nhân vật: lời kể của người kể chuyện, lời độc thoại nội tâm của nhân vật, bút pháp tả cảnh ngụ tình,...  - Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ: kết hợp nhuần nhuyễn từ Hán Việt và từ thuần Việt, khai thác giá trị biểu cảm của lớp từ láy trong việc tả cảnh thiên nhiên và nội tâm con người. |
| *Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga* | Nguyễn Đình Chiểu | Truyện thơ Nôm | - Ca ngợi người anh hùng trí dũng song toàn, diệt bạo trừ gian, bảo vệ cuộc sống yên bình cho nhân dân.  **-** Ca ngợi lối sống trọng ân nghĩa.  **-** Thể hiện khát vọng công lí, ước mơ về mẫu anh hùng “cứu khốn, phò nguy”. | - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tập trung khắc hoạ con người ngoại hiện, quan tâm đến ngôn ngữ đối thoại của nhân vật.  - Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ: đậm chất Nam Bộ mộc mạc, bình dị, gần gũi; sử dụng từ Hán Việt và điển tích, điển cố khá nhuần nhuyễn. |
| “*Người con gái Nam Xương” – một bi kịch của con người* | Nguyễn Đăng Na | Văn bản nghị luận văn học | VB thể hiện quan điểm của tác giả Nguyễn Đăng Na về nội dung và đặc sắc nghệ thuật, sức hấp dẫn của tác phẩm *Người con gái Nam Xương (*Nguyễn Dữ). | - Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng rõ ràng, mạch lạc, giúp làm sáng tỏ luận đề.  - Lí lẽ và bằng chứng trong VB hướng vào trọng tâm vấn đề, người viết không phân tích tất cả chi tiết hay nhân vật có trong tác phẩm mà phân tích một cách chọn lọc.  - Sử dụng phương pháp so sánh trong lập luận. |
| *Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi* | Trần Văn Toàn | Văn bản nghị luận văn học | - Mang đến quan điểm mới mẻ về nhân dạng con người.  - Đem đến bài học cho người nghệ sĩ khi chọn viết tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi. | - Lập luận chặt chẽ, lô gic  - Cách nêu luận đề, xây dựng luận điểm và sử dụng lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.  - Ngôn ngữ trong sáng, khúc chiết. |
| *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* | Sếch-xpia | Bi kịch | - Ca ngợi tình yêu tự do vượt lên trên sự hận thù.  - Vở kịch hướng người đọc (người xem) đến những giá trị nhân văn cao cả. | - Xây dựng bối cảnh không gian và thời gian tinh tế, hợp lý.  - Lời thoại bi kịch mang tính chất mĩ lệ, trau chuốt.  - Nghệ thuật so sánh trong lời thoại bay bổng, lãng mạn.  - Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, nhất là tâm lí nhân vật qua những độc thoại nội tâm. |
| *Lơ Xít* | Coóc-nây | Bi kịch | - Đoạn trích thể hiện xung đột nội tâm của hai nhân vật Rô-đri-gơ và Si-men khi họ đấu tranh giữa tình cảm và lí trí.  - Sự lựa chọn hành động theo bổn phận, nghĩa vụ, trách nhiệm đã khiến các nhân vật trở thành mẫu mực của con người của thời đại duy lí. | Xây dựng xung đột kịch giàu kịch tính.  - Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc qua những lời thoại.  - Lời thoại của bi kịch có tính chất tính chất đối nghịch thể hiện sự giằng xé nội tâm nhân vật, tính trang trọng, tính triết lí. |

**Câu 2: (SHS/tr 142):** Nêu sự khác biệt giữa thể loại truyện truyền kì và truyện thơ Nôm trên một số tiêu chí: chữ viết được sử dụng, các loại nhân vật được miêu tả, đặc điểm ngôn ngữ.

**Gợi ý**

**Phiếu học tập 02 -** **Câu hỏi 2 (SHS/tr 142)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm khác biệt** | **Truyện truyền kì** | **Truyện thơ Nôm** |
| **Chữ viết** | - Chủ yếu viết bằng chữ Hán.  - Đến đầu thế kỉ XX, được sáng tác bằng chữ quốc ngữ. | Viết bằng chữ Nôm. |
| **Nhân vật** | - Thế giới nhân vật đa dạng, nổi bật nhất là ba nhóm: thần tiên, người trần, yêu quái.  - Đặc điểm nhân vật: thường có những nét kì lạ về nguồn gốc ra đời, ngoại hình hay năng lực siêu nhân. | - Ít khi xuất hiện nhân vật kỳ ảo.  - Nhân vật chính thường là những chàng trai, cô gái có vẻ đẹp toàn diện nhưng cuộc sống thường gặp nhiều trắc trở. |
| **Ngôn ngữ** | - Ngôn ngữ văn xuôi.  - Sử dụng nhiều điển cố, điển tích | - Ngôn ngữ thơ (chủ yếu là thơ lúc bát)  - Ngôn ngữ giản dị, gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân, nhưng cũng giàu tính ước lệ, sử dụng nhiều điển tích, điển cố. |

**Câu 3: (Trang 142/ SHS):** Không khí lịch sử, bối cảnh xã hội xuất hiện trong một số truyện truyền kì hoặc truyện thơ Nôm có giúp ích gì cho việc đọc hiểu tác phẩm không? Vì sao?

**Gợi ý**

 - Không khí lịch sử, bối cảnh xã hội xuất hiện trong truyện truyền kì và truyện thơ Nôm đóng vai trò quan trọng trong việc đọc hiểu tác phẩm.

- Bởi vì: Không khí lịch sử và bối cảnh xã hội là bức tranh nền bao quanh và ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung, ý nghĩa và giá trị của tác phẩm. Nhờ có sự hiểu biết về bối cảnh này, người đọc có thể hình dung rõ nét hơn về thời đại mà tác phẩm được sáng tác, từ đó có cơ sở để đánh giá về giá trị hiện thực của tác phẩm và cảm nhận sâu sắc hơn những thông điệp mà tác giả muốn truyền tải.

**Câu 4: (Trang 142/ SHS):** Trong học kì I, em đã được học những kiến thức tiếng Việt mới nào? Nêu những khái niệm cần nắm vững để giải quyết bài tập ở các bài học.

**Phiếu học tập 03 –** **Câu hỏi 4 (SHS/tr 142)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Kiến thức tiếng Việt mới** | **Khái niệm cần nắm vững** |
| **1** | **Điển tích, điển cố** | **-** Điển tích là câu chuyện trong sách xưa, được dẫn lại một cách cô đúc trong văn bản của các tác giả đời sau.  - Điển cố là sự việc hay câu chữ trong sách xưa, được dẫn lại trong văn bản của các tác giả đời sau. |
| **2** | **Nhận biết một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn** | **-** Các yếu tố Hán Việt đồng âm: đồng âm (cùng cách đọc, cách viết trong tiếng Việt hiện đại) nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau.  - Các yếu tố Hán Việt gần âm: gần nhau về cách đọc, cách viết trong tiếng Việt hiện đại, nhưng nghĩa khác nhau. |
| **3** | **Biện pháp tu từ chơi chữ** | -Chơi chữ là biện pháp tu từ vận dụng các đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa của từ ngữ một cách khéo léo nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, thú vị cho người đọc (người nghe). |
| **4** | **Biện pháp tu từ điệp vần, điệp thanh** | - Điệp thanh là biện pháp tu từ ngữ âm, tạo nên bằng cách lặp lại thanh điệu cùng loại (thanh bằng hoặc thanh trắc) nhằm tăng tính nhạc, nâng cao hiệu quả diễn đạt.  - Điệp vần là biện pháp tu từ ngữ âm, sử dụng những âm tiết có vần giống nhau, nhằm tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng, tăng tính nhạc để biểu đạt cảm xúc của người viết (người nói), đồng thời gây ấn tượng thẩm mĩ cho người đọc (người nghe). |
| **5** | **Chữ Nôm và chữ quốc ngữ** | - Chữ Nôm: Chữ Nôm là hệ thống chữ viết căn bản theo nguyên tắc ghi âm (ghi âm tiết).  - Chữ quốc ngữ: Chữ quốc ngữ là hệ thống chữ viết ghi âm, dùng các con chữ trong chữ viết Latinh để ghi tiếng Việt; giữa chữ và âm, giữa cách viết và cách đọc có sự tương ứng. |

**Câu 5: (Trang 142/ SHS):** Qua việc thực hiện các bài viết trong học kì I, em hãy nêu những điểm khác nhau trong việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng ở kiểu bài nghị luận xã hội và kiểu bài nghị luận văn học.

**Gợi ý**

**Phiếu học tập 04 -** **Câu hỏi 5 (SHS/tr 142)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm khác nhau** | **Kiểu bài nghị luận xã hội** | **Kiểu bài nghị luận văn học** |
| **Lí lẽ** | Là những kiến giải của người viết về các vấn đề, sự việc, hiện tượng đời sống. | - Là kiến giải của người viết về các vấn đề trong lĩnh vực văn học (tác phẩm văn học thuộc các thể loại, phong cách của tác giả, trào lưu văn học). |
| **Bằng chứng** | **Bằng chứng trong bài văn NLXH là con người, sự việc xảy ra trong đời sống, mang tính xác thực, có thể kiểm chứng.** | **Bằng chứng trong bài văn NLVH là các chi tiết, sự việc, nhân vật, câu thơ, câu văn, từ ngữ,..trong tác phẩm văn học và ý kiến của các nhà nghiên cứu về tác phẩm.** |

**Câu 6 (Trang 142/ SHS):** Nêu những nét giống nhau và khác nhau giữa kiểu bài trình bày ý kiến về một vấn đề và kiểu bài thảo luận về một vấn đề (lấy ví dụ từ các bài nói và nge đã thực hiện để minh hoạ).

**Phiếu học tập 06 -** **Câu hỏi 6 (SHS/tr 142)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh** | **Kiểu bài trình bày ý kiến về 1vđ** | **Kiểu bài thảo luận về một vấn đề** |
| **Giống nhau** | **- Người nói đều đưa ra ý kiến của bản thân để làm sáng tỏ vấn đề, để từ đó hiểu đúng vấn đề, thấy được ý nghĩa của vấn đề với đời sống và có thái độ, hành động phù hợp.**  **- Khi trình bày bài nói, có thể kết hợp ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ.** | |
| **Khác nhau** | Người nói phát biểu bài nói độc lập trước tập thể lớp; người nghe theo dõi nội dung bài nói và trao đổi lại sau khi người nói kết thúc bài nói. | - Người nói sẽ trình bày ý kiến bản thân trong nhóm nhỏ dưới sự điều hành của người chủ trì (nhóm trưởng)  - Sẽ có nhiều ý kiến của nhiều người để cùng nhau thảo luận về vấn đề.  - Người nói và người nghe luân phiên thay đổi lượt lời, đổi vai trong buổi thảo luận. |

### 3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã hình thành từ các hoạt động đọc, viết, nói và nghe để giải quyết các nhiệm vụ cụ thể.

**b. Nội dung**: Luyện đề tổng hợp

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

**\*Trước tiết ôn tập:**

**-** GV chia lớp thành 04 nhóm

- Yêu cầu:HS phải giải quyết các nhiệm vụ trong hai phiếu học tập 01, 02 (SGK) ở nhà theo nhóm.

+ **Nhóm 1, 2**: Thực hành Phiếu học tập số 01

+ **Nhóm 3, 4:** Thực hành Phiếu học tập số 02

**\* Trong tiết ôn tập tại lớp**: GV yêu cầu HS đại diện các nhóm trình bày. Tổ chức cho các nhóm thảo luận, đi đến thống nhất phương án giải quyết các câu hỏi trong phiếu học tập.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS thảo luận nhóm, hoàn thành các PHT trước tiết học.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đại diện các nhóm trình bày trước lớp.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

GỢI Ý SẢN PHẨM PHIẾU HỌC TẬP Ở SGK

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**

1. ĐỌC

**\* Đọc văn bản *Khóc Dương Khuê* (trích, Nguyễn Khuyến)**

**Trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 |
| **B** | **A** | **B** | **D** | **C** |

**Trả lời các câu hỏi:**

**Câu 1:** Trong đoạn trích, tác giả đã thể hiện nhiều cung bậc tâm trạng:

- Vui mừng vì ở lần gặp ba năm trước, thấy tinh thần của người bạn già vẫn ổn.

- Đau đớn rụng rời khi nghe tin bạn mất.

- Cảm thấy cô độc vì mất đi người bạn tri âm tri kỉ.

- Nén nỗi đau vào lòng vì không biết san sẻ cùng ai.

**Câu 2:** Những biểu hiện tình cảm sâu nặng giữa tác giả và người bạn:

- Quan tâm, hỏi han nhau khi gặp gỡ, vui vì bạn tuy đã già mà tinh hần vẫn chưa có chuyện gì đáng lo.

- Đau đớn, hụt hẫng khi biết tin bạn mất.

- Khi không còn người tri âm, chẳng màng đến cả những thú vui tao nhã.

- Bộc lộ nỗi nhớ thương sâu sắc trước nghịch cảnh kẻ mất người còn.

**Câu 3:** Các từ láy và hiệu quả của việc sử dụng từ láy trong đoạn trích:

- *Vội vàng (Vội vàng sao đã mải lên tiên):* Từ láy này thường dùng để nói về sự gấp gáp trong hành động. Ở đây được dùng để làm nổi bật ý: cái chết của bạn đột ngột đến vô lí.

- *Đắn đo (Câu thơ nghĩ đắn đo không viết):* làm thơ là bộc lộ cảm xúc một cách tự nhiên khi trong lòng có cảm hứng mãnh liệt, vậy mà giờ đây tác giả có sự cân nhắc giữa làm và không làm, chứng tỏ tin bạn mất đã chi phối sâu sắc mọi hoạt động trong lòng của nhà thơ.

- *Hững hờ (Giường kia treo cũng hững hờ):* cả câu thơ vốn nhắc điển tích nói về sự yêu quý, trân trọng đối với bạn của Trần Phồn thời Hậu Hán ở Trung Quốc; dùng từ hững hờ gắn với điển này, câu thơ hàm ý rằng, những điều dành cho nhau xưa nay ấm áp là thế, giờ đây khi bạn mất rồi, mọi thứ trở nên lạnh nhạt, không còn ý nghĩa.

*- Chứa chan (Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan):* tuổi già, không còn sức, đến nước mắt cũng chỉ “như sương”, nhưng không cần “ép” thì nó vẫn ứa ra tự nhiên, dù chẳng “chứa chan” thì tình cảm vẫn vô cùng sâu đậm.

**Câu 4**: Khi đọc VB, cần xem cước chú để biết những câu thơ nào có dùng điển tích. Đó là cước chú (3) giải thích điển tích trong câu thơ “Giường kia treo cũng hững hờ”; cước hú (4) giải thích điển tích “Đàn kia gẩy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn”. Hai điến tích này đều cùng chỉ trạng thái tinh thần của nhà thơ khi nghe tin bạn thân mất. Nguyễn Khuyến dùng điển tích rất sáng tạo khiến cho câu thơ hàm súc, trang nhã, mang màu sắc cổ điển nhưng vẫn không làm mất đi tính biểu cảm tinh tế, mới mẻ.

**Câu 5:**

- Phép điệp được sử dụng trong các câu thơ:

+ Điệp từ: *không* ***viết*** *–* ***viết*** *đưa ai;* ***không*** *có –* ***không*** *mua –* ***không*** *tiền –* ***không*** *viết*

+ Điệp cấu trúc: *giường kia treo cũng – đàn kia gẩy cũng*

- Tác dụng của phép điệp trong các câu thơ:

+ Nhấn mạnh cảm giác trống vắng và lạnh lẽo trong lòng như thế như xoáy vào lòng người.

+ Tăng liên kết khiến các câu thơ như cứ vấn vít, xoắn quyện lấy nhau; tạo ra giọng điệu ảo não trong đoạn thơ.

2. VIẾT

**Đề bài:** Viết bài văn phân tích trích đoạn bài thơ Khóc Dương Khuê ở phần Đọc.

**Gợi ý**

**1. Mở bài**

Tình bạn là một trong số nhưng đề tài có từ lâu đời trong lịch sử văn học Việt Nam. Bài thơ *Khóc Dương Khuê* của nhà thơ Nguyễn Khuyến được xếp vào hàng những tác phẩm xuất sắc nhất viết về đề tài tình bạn. Tác phẩm là dòng cảm xúc của nhà thơ đau xót khôn nguôi của tác giả khi hay tin người bạn tri âm tri kỉ qua đời. Đặc biệt, tình bạn sâu sắc cùng tâm trạng của tác giả được thể hiện rõ nét qua đoạn trích sau:

*[...] Bác già tôi cũng già rồi*

*[...]*

*Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!*

**2. Thân bài:**

**\*Khái quát:**

- Dương Khuê là bạn đồng khoa với Nguyễn Khuyến tại khoa thi Hương năm 1864. Dương Khuê đỗ tiến sĩ, làm quan to, để lại nhiều bài thơ hát nói tuyệt bút. Từ bạn đồng khoa đã phát triển thành bạn tri âm tri kỉ nên Nguyễn Khuyến mới có thơ khóc bạn cảm động và tha thiết như vậy khi hay tin bạn qua đời.

- Bài "***Khóc Dương Khuê***" lúc đầu viết bằng chữ Hán (Văn đồng niên Vân Đình tiến sĩ Dương Thượng thư), sau đó được chính Nguyễn Khuyến dịch ra chữ Nôm và bản chữ Nôm lại có phần phổ biến hơn bản chữ Hán. Có thể xem đây cũng là một bài văn tế được viết bằng thể thơ song thất lục bát, giọng thơ réo rắt thấm đầy lệ, gồm có 38 câu thơ.

- Đoạn trích phần sau tác phẩm đã bộc lỗ sâu sắc tâm trạng đau buồn, hụt hẫng của nhà thơ khi nghe tin bạn mất.

**\*Phân tích đoạn trích:**

**Luận điểm 1: Phân tích nội dung chủ đề của đoạn trích**

* **Trước tiên, những dòng thơ đầu đã tái hiện lại cuộc gặp lần cuối cùng của nhà thơ với bạn trong hồi tưởng của nhà thơ:**

*Bác già, tôi cũng già rồi*

*Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!*

*Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,*

*Trước ba năm gặp bác một lần;*

*Cầm tay hỏi hết xa gần,*

*Mừng rằng Bác vẫn tinh thần chưa can.*

Tác giả nuối tiếc vì lí do tuổi già, sức khỏe yếu đi nhiều nên không thể thường xuyên gặp bạn. Tác giả bày tỏ vui mừng vì ở lần gặp ba năm trước, thấy tinh thần của người bạn già vẫn ổn. Những chia sẻ trên cho thấy một tình bạn lâu bền, sâu sắc, thuỷ chung và vô cùng thắm thiết.

**-** Đoạn thơ cuối đã diễn tả thật cảm động nỗi đau mất bạn cùng nỗi hụt hẫng, chơi vơi khi đối diện với hiện thực phũ phàng:

*Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,*

*[...]*

*Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan.*

+ Giọng thơ kể lể, tự tình. Trong lời than thấm đầy lệ. Các tiếng “tôi” và “bác” xuất hiện nhiều lần trong đoạn thơ như hai linh hồn đang nương tựa vào nhau; nỗi đau buồn như được nhân lên gấp bội.

+ Nỗi đau đớn, trống vắng khi bạn mất:

++ Chân tay rụng rời khi nghe tin bạn mất

++ Rượu ngon không có bạn hiền

++ Câu thơ hay không có người bình luận

++ Đàn kia gảy cũng không ai thấu hiểu

=> Mất bạn, nhà thơ trở nên cô đơn: rượu không muốn uống, thơ không muốn làm, đàn không gảy,...

+ Kết cấu trùng điệp, điệp ngữ: “không có, không mua, không phải” (điệp từ “không” 5 lần) => cảm giác nức nở, sự trống vắng đến nghẹn ngào, chua xót.

+ Sử dụng điển tích Trung Quốc *giường kia, đàn kia* nói về tình bạn giữa Trần Phồn – Từ Trĩ, Bá Nha – Chung Tử Kì. Qua đó, tác giả muốn thể diễn tả tình bạn tri âm, tri kỉ gắn bó keo sơn bền chặt, cùng nỗi trống vắng, hụt hẫng khi bạn không còn.

- Từ “đàn” đầu câu láy lại cuối câu: trạng thái ngẩn ngơ chuyển sang thống thiết, tình cảm như đợt sóng trào dâng.

- Sự tinh tế ở hai câu thơ cuối “Tuổi già... chứa chan" cho thấy nhà thơ tuổi già không còn nước mắt để khóc bạn, nhưng kì thực câu thơ đầm đìa nước mắt.

**Luận điểm 2: Phân tích một số đặc sắc nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.**

- Thể thơ song thất lục bát với quy định rất chặt chẽ về vần, về nhịp.

+ Vần chân xen vần lưng, vần trắc xen lẫn vần bằng.

+ Nhịp thơ của cặp câu song thất chủ yếu nhịp lẻ trước chẵn sau (3/4).

+ Đặc biệt, thể thơ song thất lục bát rất phù hợp với việc biểu đạt nội dung của đoạn thơ. Đó là nỗi đau đớn khôn nguôi, trống vắng, hụt hẫng khi nhà thơ mất đi người bạn tri âm tri kỉ.

- Ngôn ngữ, hình ảnh thơ gần gũi, quen thuộc mà giàu giá trị biểu cảm. Sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ như điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc, dùng điển tích, nói giảm nói tránh,.... Tất cả đã diễn tả sâu sắc, thấm thía nỗi niềm của nhà thơ trước sự ra đi của bạn.

**\* Đánh giá; liên hệ, mở rộng:**

- Khái quát về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích: Bằng tài năng kiệt xuất, Nguyễn Khuyến đã để lại cho hậu thế một bài thơ khóc bạn chan chứa nước mắt, qua những lời diễn đạt chân tình thống thiết. Đoạn trích đã thể hiện thật sâu sắc nỗi đau đớn, tiếc thương của nhà thơ trước sự ra đi của bạn. Qua đoạn trích, ta thấy được tình bạn cao quý của tác giả đối với người bạn tri kỉ lâu năm của mình.

- Liên hệ mở rộng: Trong thơ Việt Nam đã có rất nhiều bài thơ hay thể hiện tình cảm đẹp đẽ chân thành. Cùng viết về đề tài này, cụ Tam nguyên Yên Đổ còn có nhiều bài thơ khác như *Bạn đến chơi nhà, Gửi bác Châu Cầu, Gửi thăm quan Thượng Thư họ Dượng.* Những vần thơ của Nguyễn Khuyến đã thể hiện thật chân thành, giản dị về tình bạn trọng tình cảm hơn vật chất, đến với nhau vì chữ tình. Tình bạn trong thơ Nguyễn Khuyến thật trong sáng và cao đẹp, hoàn toàn trái ngược với thái độ “*Còn bạc còn tiền còn đệ tử – Hết cơm hết rượu hết ông tôi*” mà Nguyễn Bỉnh Khiêm đã kịch liệt lên án.

**3. Kết bài:** Khái quát giá trị bài thơ và nêu tác động của bài thơ này đối với cá nhân người viết.

Đoạn trích trong bài thơ *Khóc Dương Khuê* thể hiện một tình bạn đẹp và cảm động của nhà nho thuở trước. Sau một thế kỉ, chúng ta vẫn thấy bùi ngùi xúc động khi đọc bài thơ này. Nguyễn Khuyến khóc bạn cũng là khóc cho một thế hệ nhà nho và cũng là tự khóc cho minh: “Ai chẳng biết chán đời là phải”...

3. NÓI VÀ NGHE

**Đề bài**: Thảo luận về vai trò của tình bạn trong cuộc sống.

a. Chuẩn bị nội dung để thảo luận về đề tài trên.

b. Tập luyện thảo luận trên cơ sở các nội dung đã chuẩn bị.

**Gợi ý**

\*GV là người điều hành thảo luận. Các nhóm tiến hành thảo luận trong nhóm nhỏ; sau đó cử đại diện báo cáo sản phẩm trước lớp.

\*Các ý kiến phát biểu cần tập trung làm rõ vấn đề thảo luận, cần thể hiện thái độ tôn trọng của các thành viên khác.

\*Gợi ý một số ý kiến thảo luận: Vai trò của tình bạn trong cuộc sống:

- Tình bạn là tình cảm khăng khít, gắn bó giữa hai con người. Tình bạn chân chính có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống mỗi chúng ta.

- Vai trò của tình bạn trong cuộc sống:

+ Tình bạn giúp ta có thêm động lực để vượt qua những khó khăn, thử thách: Một người bạn tốt sẽ luôn bên ta lúc ta buồn, chia sẻ những buồn vui, khó khăn với ta.

+ Tình bạn giúp ta hoàn thiện nhân cách: Một người bạn tốt cũng giống như một tấm gương tốt để ta nhìn vào học tập rèn luyện và phấn đấu, học những điều tốt của bạn và rút kinh nghiệm những thứ chưa tốt, dần dần sẽ giúp ta hoàn thiện nhân cách, hoàn thiện bản thân.

+ Nhờ tình bạn, ta trưởng thành hơn, giàu nghị lực hơn trong cuộc sống

+ Tình bạn giúp ta cảm thấy cuộc sống trở nên vô cùng ý nghĩa: Tình bạn mang lại sức mạnh tinh thần vô hạn cho chúng ta. Những người bạn tốt sẽ làm cho cuộc sống của ta thêm phong phú, tràn đầy tình yêu thương; giúp ta vơi bớt đi nỗi cô đơn. Thiếu bạn bè, cuộc sống trở nên cô đơn và khó khăn hơn.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02**

1. ĐỌC

**Trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 |
| **C** | **B** | **A** | **D** | **B** |

**Trả lời các câu hỏi:**

**Câu 1:** Có thể xem văn bản Một nét nổi bật trong sáng tác của Nam Cao thuộc loại văn bản nghị luận văn học vì:

* Luận đề của VB: Vấn đề nhân vật trong truyện của Nam Cao.
* Các luận điểm:

+ Sở trường của Nam Cao trong xây dựng nhân vật: miêu tả ngoại hình và khắc họa tính cách, nội tâm nhân vật.

+ Đặc điểm thế giới nhân vật trong truyện Nam Cao.

+ Cái nhìn đối với đời sống và tấm lòng đối với con người của Nam Cao thể hiện qua hệ thống nhân vật.

* Các luận điểm đều được làm sáng tỏ bởi lí lẽ và bằng chứng lấy từ tác phẩm của Nam Cao.

**Câu 2:** Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả trong văn bản:

**\* Nhận xét về lí lẽ được sử dụng trong văn bản:**

- Các lí lẽ mà người viết đưa ra: Nam Cao thật ra không miêu tả các thành phần xã hội, mà đi sâu vào các số phận, các kiếp người; các nhân vật của Nam Cao tô đậm thêm bộ mặt cùng quẫn, mất nhân tính của xã hội; thông thường, một tài năng tiểu thuyết thì sức mạnh tập trung ở hình tượng nhân vật; truyện của Nam Cao có sự kết hợp giữa năng lực quan sát, miêu tả với giọng trữ tình kín đáo, thiết tha,..

- Nhận xét: Các lí lẽ nêu trên là những nhận định rất có lí của người viết trên cơ sở vốn kiến thức về bối cảnh văn học, về thể loại truyện cũng như khả năng cảm thụ các tác phẩm của Nam Cao.

\* **Nhận xét về bằng chứng được sử dụng trong VB:**

- Các bằng chứng trong VB:

+ Các bằng chứng làm nổi bật sự mới mẻ của truyện Nam Cao, không chỉ trong thời đại nhà văn sống và sáng tác mà còn cả với thời đại ngày nay: Đó là *Chí Phèo, Lão Hạc, Sống mòn* – những truyện vào loại xuất sắc nhất của Nam Cao.

**+** Bằng chứng về một tác phẩm xây dựng nhân vật có những điểm đặc biệt: *Nghèo, Dì Hảo, Lão Hạc, Một bữa no, Từ ngày mẹ chết, Ở hiền,...*

+ Bằng chứng về các nhân vật trí thức thường băn khoăn về ý nghĩa cuộc sống, về giá trị làm người: Điền (*Trăng sáng*), Hộ (*Đời thừa*), Lộc (*Truyện người hàng xóm*), Thứ (*Sống mòn*),...

+ Bằng chứng về những nhân vật khiến người đọc không thể nào quên được: Chí Phèo, Thị Nở, lão Hạc, Thứ,...

* Nhận xét: Các bằng chứng gắn với luận điểm được triển khai, góp phần củng cố lí lẽ, tăng thêm tính thuyết phục cho luận điểm.

**Câu 3:** Sự thành công của Nam Cao trong sáng tác văn học được tác giả lí giải trên các khía cạnh:

* Sở trường về xây dựng nhân vật (chú ý đặc biệt với những hạng người cùng khổ dưới đáy xã hội, què quặt cả về thể xác lẫn tinh thần vì bị áp bức, hành hạ; những người có trình độ học vấn, có ý thức về thân phận và phẩm giá.
* Sức mạnh của tư duy nghệ thuật thể hiện qua hình tượng.
* Cái nhìn sâu sắc đối với đời sống và tấm lòng đối với con người.

**Câu 4**: Để đi đến kết luận “Đọc Nam Cao, con người muốn sống chu đáo hơn, nhân ái hơn”, tác giả đã triển khai hai nội dung cơ bản:

+ Thứ nhất, thế giới nhân vật trong truyện Nam Cao phần lớn là những người đau khổ, đáng cảm thương.

+ Thứ hai, Nam Cao đã thể hiện cái nhìn nhân hậu, tấm lòng xót thương đối với những kiếp người, phận người.

🡪 Hai điều đó có thể giúp người đọc tự rút ra bài học ứng xử trong cuộc sống.

**Câu 5:** Đọc VB trên giúp ta hiểu được một số khía cạnh cơ bản về nhà văn Nam Cao:

- Bối cảnh sống và sáng tác của Nam Cao (thông tin được nên ở cước chú (3) của VB cho biết Nam Cao chủ yếu sống và sáng tác trước năm 1945.

- Tầm vóc, vị trí của Nam Cao trong nền văn học hiện đại Việt Nam (một trong những nhà văn xuất sắc nhất trong nền văn học hiện đại Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX).

- Thể loại của yếu mà Nam Cao đã sáng tác: truyện.

- Nét đặc sắc trong sáng tác của nhà văn Nam Cao: xây dựng nhân vật.

2. VIẾT

**Đề bài:** Viết bài văn nghị luận phân tích một truyện ngắn được sáng tác trong những năm gần đây.

**Yêu cầu:** Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích truyện ngắn sau:

ÔNG NGOẠI

(Tóm tắt đoạn đầu**:** Ông ngoại ở cùng gia đình cậu mợ của Dung, nay cậu mợ đậu phỏng vấn và định cư nước ngoài. Mẹ Dung quyết định cho Dung sang ở với Ngoại để tiện bề trông nom ông. Dung dù không muốn nhưng vẫn vâng lời mẹ.)

*Sang bên ấy được hai hôm, Dung chạy về mẹ, than thở lướt sướt: "Ở với ông ngoại buồn muốn chết, đi học về, mở karaoke lại sợ ồn, nói chưa được mấy câu thì hết chuyện. Chẳng lẽ con lại nói chuyện tình yêu với ông ngoại à? Bọn bạn không dám lại nhà chơi. Ông khó lắm. Con mở nhạc cũng ngại, con nấu cơm khét ông mắng cả buổi. Suốt ngày ông cứ lo tỉa tót cho mấy chậu kiểng, mấy con cá vàng. Con hỏi:"Ngoại chăm sóc hoài không chán sao?",* *Ngoại nói "Cây cũng có linh hồn. Con không tin, ghé tai vào nghe thử, có cây nào than buồn, có cây nào thèm nghe Michael Jackson đâu".*

*Mẹ cười:*

*- Con vì ông một chút, ông cũng vì con thôi, thử xem.*

*[...]*

*Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà. Thế giới của ông là mấy ông bạn già, là mấy chồng nhựt báo, là cái radio đâu hồi còn đánh nhau, là trầm tư suy ngẫm, là mảnh sân hoa trái. Thế giới của Dung là tiếng nhạc gào thét xập xình, là sắc màu xanh đỏ, là quả đất như nằm gọn trong bàn tay. Sáng nó dậy thật sớm để nấu cơm, sau đó đi học, chiều lại học, buổi tối nó vù xe đến bạn chơi hoặc về nhà nghe mấy đứa em cãi nhau ỏm tỏi. Hai thế giới vừa giành giựt vừa hoà tan nhau.*

*[...]*

*Hôm bữa Dung nói với ông:*

*- Sao ông Chín bên nhà rủ ngoại đi tham gia câu lạc bộ gì đó, ngoại không đi?*

*Ông nhìn Dung thật lâu:"Ngoại sợ con ở nhà một mình buồn". Dung chột dạ, có bao giờ đi chơi mà mình nghĩ tới ông không.*

*[...]*

*Có những sự thay đổi Dung không thể ngờ được. Bây giờ mỗi đêm Dung trở mình nghe ông ngoại ho khúc khắc. Nghe cây mai nhỏ nứt mình, nảy chồi. Dung nghiện hương trầm tối tối ông thắp lên bàn thờ bà ngoại. Lắm khi lũ em Dung sang, chúng nó phá phách quậy tung cả lên, Dung mắng, chúng nó trề môi "Chị hai khó như một bà già", Dung giật mình. Có lẽ quen với cái tĩnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, cái khoảng không xanh lạc lõng trong khói bụi, đâu đó, trên tàng me già, dăm chú chim hót líu lo. Dung quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hõm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cọc cạch lên phường nhận lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc như lời kêu cứu. [...]*

*Ngày 18 tháng 12, Dung mở tờ lịch mới, hôm nay là sinh nhật của nó. Hôm qua, mẹ cho Dung một món tiền kha khá, bọn bạn reo lên inh ỏi: “Party nghe Dung, làm xôm tụ, tụi này kéo lại”. Dung nói với ông, ông gật đầu:*

*- Ừ thì sinh nhật mà, con có mua bánh kem chưa? Ông biết làm đấy.*

*Dung tròn mắt:*

*- Thật ư?*

*Ông khẽ cốc đầu nó.*

*- Đừng có khinh ngoại.*

*Nói rồi hai ông cháu lăn vào khuấy bột, trộn sữa. Tay ông nhẹ nhàng, nắn nót mười tám nụ hồng trên mặt bánh, Dung thòm thèm mãi. Buổi sinh nhật thật rôm rả, bọn Dung khiêu vũ với nhau ông ngoại cũng nhảy, ông mặc chiếc áo màu xanh thắt nơ hoa rất đẹp. Lúc ông nắm tay nó, nhạc dạo bài Tango “Xa vắng”. Dung ngạc nhiên và buồn cười đến nỗi giẫm lên cả chân ông. Bọn bạn reo ầm lên, chúng khen bánh kem ngon, khen ông nhảy giỏi, Dung hãnh diện lắm....*

(Trích ***Ông ngoại***, Nguyễn Ngọc Tư, <https://isach.info/story.php?story=ong_ngoai__nguyen_ngoc_tu&chapter=0000>***,***

*truy cập 25-10-2023)*

**Chú thích:**

Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976, quê ở Cà Mau. Giọng văn Nguyễn Ngọc Tư giàu chất Nam Bộ, lối kể nhẹ nhàng. Sáng tác của cô chủ yếu viết về những câu chuyện bình dị của con người vùng sông nước Nam Bộ - quê hương tác giả, mượn văn hóa Nam Bộ để bao bọc khát vọng đem tình người ấm áp hòa giải mọi ranh giới, mọi khoảng cách. Với trái tim nhân hậu, nhạy cảm, Nguyễn Ngọc Tư đã dành sự quan tâm yêu mến đặc biệt cho đối tượng trẻ em.

“Ông ngoại” là truyện ngắn đặc sắc của Nguyễn Ngọc Tư, trích từ tập truyện ngắn cùng tên, NXB Trẻ, 2001.

**Gợi ý**

\* **Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả...), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

\* **Thân bài:** Triển khai vấn đề nghị luận:

**- Phân tích nội dung chủ đề của truyện:**

Truyện kể về quá trình rút ngắn khoảng cách thế hệ để thấu hiểu, yêu thương giữa Dung và ông ngoại, từ đó hướng tới đề cao những giá trị nhân văn truyền thống: tình cảm gia đình, biết sống yêu thương trân trọng người thân và có tinh thần trách nhiệm, biết sẻ chia, gắn bó hi sinh.

Chủ đề được được thể hiện rõ qua các sự kiện xoay quanh hai nhân vật Dung và ông ngoại:

+ Hoàn cảnh sống của hai nhân vật: Ông ngoại ở cùng gia đình cậu mợ của Dung, nay cậu mợ đậu phỏng vấn và định cư nước ngoài nên mẹ Dung quyết định cho Dung sang ở với ngoại để tiện bề trông nom. Chính từ hoàn cảnh này, Dung có cơ hội tiếp xúc với ông ngoại nhiều hơn, từ đó những mâu thuẫn giữa hai con người thuộc hai thế hệ khác nhau bắt đầu xuất hiện và ngày càng gay gắt:

+ Nhân vật Dung với lối sống của một người trẻ tuổi: *thế giới của Dung là tiếng nhạc gào thét xập xình, là sắc màu xanh đỏ, là quả đất như nằm trong bàn tay,…*ấy vậy mà khi sống với ông, Dung *không dám mở karaoke vì sợ ồn, nói chưa được mấy câu lại hết chuyện, bạn không dám sang chơi* vì ông khó tính => Khoảng cách thế hệ khiến Dung cảm thấy mệt mỏi, chán nản, về than thở với mẹ.

+ Nhân vật ông ngoại thể hiện đầy đủ tính cách, lối sống của người già, thế giới của ông ngoại khác xa với thế giới của Dung: *Thế giới của ông là mấy ông bạn già, là mấy chồng nhựt báo, là cái radio đâu hồi còn đánh nhau, là trầm tư suy nghĩ, là mảnh vườn hoa trái,…*có phần khó tính và nghiêm khắc với cháu của mình.

=> Hai con người, hai thế giới khác biệt tưởng chừng như không thể hoà hợp. Ấy vậy mà nhờ tình yêu thương, bức tường ngăn cách ấy dần dần bị phá bỏ, cả ông ngoại và Dung đều đã có những thay đổi về suy nghĩ về lối sống để hoà hợp với nhau hơn:

+ Dung cảm nhận được tình yêu và sự quan tâm của ông dành cho mình qua chi tiết ông muốn tham gia câu lạc bộ gì đó dành cho người già nhưng không dám đi vì sợ Dung ở nhà một mình buồn. Lòng yêu thương đã xoá nhoà khoảng cách giữa hai con người thuộc hai thế hệ ấy: Dung đã thay đổi, Dung dần thích nghi cuộc sống thanh vắng, *nghiện hương trầm tối tối ông thắp hương lên bàn thờ bà ngoại, quát mắng lũ em khi chúng nó sang chơi mà chạy nhảy, phá phách, giúp ông tưới cây và biết lo lắng khi nghe tiếng ho của ông.*

+ Ông ngoại cũng cố gắng mở rộng lòng mình, thể hiện tình yêu thương một cách “hiện đại” hơn để hoà hợp với đứa cháu của mình: làm bánh kem sinh nhật cho Dung, lúc Dung và bạn kiêu vũ thì ông cũng nhảy,…làm cho *Dung hãnh diện lắm.*

=> Một sự thay đổi khiến người đọc thật bất ngờ, một bức tường vô hình tưởng chứng không thể phá bỏ thì bất ngờ lại được xoá nhoà một cách dễ dàng. Không gì khác, chỉ có sự cảm thông, yêu thương, bao dung của tình thân mới có thể có được cái kết có hậu và nhân văn như vậy. Và chỉ có tâm hồn nhạy cảm của Nguyễn Ngọc Tư mới có thể phát hiện được những điều kì diệu lớn lao ấy ngay giữa cuộc sống đời thường.

- **Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện:**

+ Cốt truyện đơn giản: xoay quanh hai nhân vật Dung và ông Ngoại với những sự kiện xảy ra trong cuộc sống hàng ngày nhưng mang đến cho chúng ta những bài học ý nghĩa.

+ Tình huống truyện: Tình huống truyện đưa các nhân vật có điều kiện tiếp xúc, nảy sinh mâu thuẫn và hoà giải mâu thuẫn. Tình yêu thương chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt để hoá giải mâu thuân, xoá nhoà khoảng cách của hai thế hệ.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Khắc hoạ tính cách, tâm lí nhân vật.

+ Ngôn ngữ bình dị, gần gũi.

+ Thủ pháp đối lập để thấy được sự thay đổi trong suy nghĩ, lối sống của Dung trước và sau khi hiểu về người ông của mình.

**- Đánh giá chung:** Bằng lối kể chuyện dung dị, Nguyễn Ngọc Tư đã gửi đến chúng ta một câu chuyện hay về mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình thời hiện đại. Truyện cũng gửi tới người đọc thông điệp về tình cảm gia đình.

**\* Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến về nội dung chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ, nêu cảm nghĩ hoặc tác động của tác phẩm với bản thân.

3. NÓI VÀ NGHE

*Đề bài: Chọn một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống của lứa tuổi học sinh, lập dàn ý cho bài nói* và tập trình bày.

**Gợi ý**

1. **HS lựa chọn một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống của lứa tuổi HS để làm đề tài của bài nói.** Có thể chọn một trong những đề tài sau:

+ Cách thức đối mặt và vượt qua vấn đề bạo lực mạng

+ Cách sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực trong giao tiếp ở môi trường học đường

+ Cách rèn luyện thói quen đọc sách

+ Cách để vượt qua căng thẳng và áp lực học tập

1. **HS lập dàn ý cho bài nói, tự luyện tập.**

**Ví dụ: Trình bày ý kiến của bản thân về cách thức để vượt qua căng thẳng và áp lực học tập**

\*Xác định vấn đề trình bày: *Cách thức để vượt qua căng thẳng và áp lực học tập*.

\* Xác định mục đích nói: Thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến của mình vềc cách giải quyết vấn đề; từ đó tác động tới nhận thức và hành động của người nghe.

\* Xác định đối tượng người nghe

\* Xác định không gian và thời gian nói

\* Lập dàn ý bài nói:

**a. Mở đầu:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Cách thức để vượt qua căng thẳng và áp lực học tập.

**b. Triển khai:**

**- Trình bày lí do lựa chọn vấn đề:**

+ Hiện nay, nhiều HS phải đối mặt với vấn đề căng thẳng và áp lực trong học tập: Theo một khảo sát gần đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hơn 70% học sinh Việt Nam cảm thấy áp lực học tập ở mức độ trung bình đến nặng. Tình trạng này đặc biệt nghiêm trọng ở các thành phố lớn và các trường chuyên, lớp chọn. Nhiều học sinh phải đối mặt với lịch học dày đặc, bài tập về nhà quá nhiều, và kỳ vọng quá cao từ phía phụ huynh.

+ Vấn đề áp lực và căng thẳng trong học tập gây ra những hậu quả không nhỏ đối với sức khỏe tâm lí, hiệu quả học tập của HS, trở thành một trong những vấn đề đáng báo động trong môi trường học đường.

- **Trình bày ý kiến về vấn đề**

+ Giải thích: Áp lực học tập là tình trạng căng thẳng, lo lắng, mệt mỏi về tinh thần và thể chất do khối lượng kiến thức quá lớn, kỳ vọng cao từ gia đình và xã hội, cũng như sự cạnh tranh gay gắt trong môi trường học đường.

+ Nguyên nhân gây ra vấn đề căng thẳng và áp lực học tập cho HS: Chương trình học quá tải; kì vọng quá cao từ gia đình và xã hội; do sự cạnh tranh giữa chính những HS trong một tập thể,...

+ Hậu quả của vấn đề:

++ Suy giảm sức khỏe: Căng thẳng kéo dài có thể dẫn đến các vấn đề về sức khỏe như mất ngủ, đau đầu, rối loạn tiêu hóa, thậm chí là suy nhược thần kinh.

++ Giảm hiệu quả học tập: Áp lực quá lớn khiến học sinh mất tập trung, khó tiếp thu kiến thức, dẫn đến kết quả học tập sa sút.

++ Các vấn đề về tâm lý: Áp lực học tập có thể gây ra các vấn đề tâm lý như lo âu, trầm cảm, thậm chí là suy nghĩ tiêu cực và hành vi tự hại.

- **Nêu giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề:**

+ ***Giải pháp từ phía học sinh:***

++ Xây dựng kế hoạch học tập hiệu quả: Chia nhỏ khối lượng kiến thức, đặt mục tiêu cụ thể và thực tế, ưu tiên những môn học quan trọng hoặc khó khăn hơn.

++ Quản lý thời gian hợp lý: Dành thời gian cho việc học, nghỉ ngơi, giải trí và các hoạt động khác.

++ Tìm hiểu phương pháp học tập phù hợp: Áp dụng các kỹ thuật ghi nhớ, tổng hợp kiến thức, luyện tập thường xuyên.

++ Tạo thói quen học tập tích cực: Học nhóm, trao đổi với bạn bè, thầy cô.

++ Chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần: Ăn uống đủ chất, ngủ đủ giấc, tập thể dục thường xuyên, tham gia các hoạt động giải trí, thư giãn.

++ Công cụ/phương pháp hỗ trợ: Sổ tay kế hoạch, ứng dụng quản lý thời gian, sách tham khảo, tài liệu học tập trực tuyến, các khóa học kỹ năng mềm.

***+ Giải pháp từ phía gia đình:*** Sự quan tâm, động viên và hỗ trợ từ gia đình là nguồn động lực lớn giúp học sinh vượt qua khó khăn. Khi có sự thấu hiểu và chia sẻ từ gia đình, học sinh sẽ cảm thấy an tâm, tự tin hơn và có thêm động lực để cố gắng.

++ Tạo không gian học tập thoải mái: Cung cấp đầy đủ sách vở, tài liệu, không gian yên tĩnh.

++ Động viên, khích lệ: Khen ngợi những thành tích của con, giúp con vượt qua những khó khăn.

++ Lắng nghe, chia sẻ: Tạo điều kiện để con chia sẻ những lo lắng, áp lực trong học tập.

++ Không tạo áp lực quá lớn: Không so sánh con với người khác, đặt mục tiêu quá cao.

++ Hỗ trợ con tham gia các hoạt động ngoại khóa: Giúp con phát triển toàn diện, giảm căng thẳng.

++ Công cụ/phương pháp hỗ trợ: Sách nuôi dạy con, các khóa học kỹ năng làm cha mẹ, tư vấn tâm lý.

**+ *Giải pháp từ phía nhà trường:*** Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên nhà trường.

++ Xây dựng môi trường học tập tích cực: Tạo không khí học tập thoải mái, thân thiện, khuyến khích sự sáng tạo, hợp tác.

++ Đổi mới phương pháp dạy và học: Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, tăng cường hoạt động trải nghiệm, thực hành.

++ Tổ chức các hoạt động ngoại khóa: Giúp học sinh thư giãn, giải trí, phát triển các kỹ năng mềm.

++ Cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý: Hỗ trợ học sinh giải quyết các vấn đề tâm lý, căng thẳng, áp lực.

++ Công cụ/phương pháp hỗ trợ: Chương trình đào tạo giáo viên, tài liệu dạy học, các khóa học kỹ năng sư phạm, phòng tư vấn tâm lý học đường.

**c. Kết luận**

Khẳng định lại ý nghĩa của việc vượt qua áp lực, căng thẳng trong học tập; đồng thời liên hệ bản thân, rút ra bài học.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS luyện đề tổng hợp tại nhà.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- HS hoàn thành các Phiếu học tập ở SGK.

- Tự hệ thống lại các kiến thức ở học kì I để chuẩn bị làm bài kiểm tra học kì I.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

NHIỆM VỤ VỀ NHÀ

1. Hoàn thành các bảng hệ thống kiến thức học kì I.

2. Chuẩn bị kiểm tra chất lượng cuối học kì I.

**TIẾT 62,63: KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

*1. Năng lực:*

Nhận biết được bài kiểm tra cuối kỳ I có hai phần:

\* *Phần đọc hiểu* :- Nhận biết được đặc điểm thể loại thơ tự do**.** Chỉ ra BPTT trong câu thơ.

Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ trong ngữ liệu. Làm rõ được tình cảm của nhà thơ trong đoạn thơ.

- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với bản thân.

\* *Phần Viết*:**-** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết ( trong đời sống HS hiện nay) có bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy.

*2. Phẩm chất*: Trung thực, trách nhiệm

- Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh.

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/**  **đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ tự do | **0** | **2** | **0** | **1** | **0** | **1** | **0** | **0** | 40 |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn nghị luận văn học | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 20 |
| Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống HS hiện nay) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | **0** | ***20*** | ***0*** | ***40*** | ***0*** | ***25*** | ***0*** | ***15*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **25 %** | | **15%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60 %** | | | | **40%** | | | |

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chủ đề/Nội dung** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Nhận biết:**  + Thể thơ, nội dung đoạn thơ.  + Chỉ ra BPTT trong câu thơ.  **Thông hiểu:**  + Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ trong ngữ liệu.  **Vận dụng** :  + Làm rõ được tình cảm của nhà thơ trong đoạn thơ.  + Liên hệ để thấy được ý nghĩa của tuổi thơ đối với cuộc đời mỗi người. | **2** | **1** | **1** |  |
| **2** | **Phần 2:Viết**  Viết đoạn văn nêu cảm nhận về một đoạn thơ tự do | **Nhận biết:** đặc trưng thể loại của khổ thơ…  **Thông hiểu:**  + Hiểu đặc trưng của kiểu bài cảm nhận về một đoạn thơ tự do  + Hiểu đúng nội dung đề yêu cầu.  **Vận dụng:**  + Viết đoạn văn nêu được cảm nghĩ của bản thân.  **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo trong cách viết. |  |  |  | **1TL\*** |
|  | Viết bài văn NLXH về một vấn đề cần giải quyết | **Nhận biết:** vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:**  + Hiểu đặc trưng của kiểu bài văn NLXH về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống HS hiện nay).  + Hiểu đúng nội dung đề yêu cầu.  **Vận dụng:**  + Viết được bài văn nghị luậnvề một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống HS hiện nay)  **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo về cách bày tỏ quan điểm, cách phân tích, chứng minh, dùng từ, diễn đạt,...biết so sánh đối chiếu để tăng sức thuyết phục. |  |  |  | **1TL\*** |

III. ĐỀ BÀI

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

**Nhớ cơn mưa quê hương**

( Trích)

Ôi cơn mưa quê hương

Đã ru hồn ta thuở bé,

Đã thấm lặng lòng ta những tình yêu chớm hé

Nghe tiếng mưa rơi trên tàu chuối, bẹ dừa

Thấy mặt trời lên khi tạnh những cơn mưa

Ta yêu quá như lần đầu mới biết

Ta yêu mưa như yêu gì thân thiết

Như tre, dừa, như làng xóm quê hương

Như những con người – biết mấy yêu thương

Ôi tuổi thơ, ta dầm mưa ta tắm

Ta lội tung tăng trên mặt nước mặt sông

Ta lặn xuống nghe vang tiếng sấm

Nghe mưa rơi tiếng ấm tiếng trong

(Lê Anh Xuân, in trong *Thơ Việt Nam 1945-1975*, NXB *Tác phẩm mới,* Hà Nội, 1976, tr 379)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1 (1,0 điểm).** Xác định thể thơ của văn bản trên.

**Câu 2 (1,0 điểm).** Những hình ảnh nào thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương của tác giả? Nêu nội dung chính của đoạn trích?

**Câu 3 (1,0 điểm).** Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong các câu thơ sau:

*“Ta yêu quá như lần đầu mới biết*

*Ta yêu mưa như yêu gì thân thiết”*

**Câu 4 (1,0 điểm).** Theo em những năm tháng tuổi thơ có ý nghĩa gì đối với cuộc đời của mỗi con người ?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

**Câu 1 (2,0 điểm).** Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích tám câu thơ cuối trong văn bản trên để làm rõ tình cảm của nhà thơ đối với quê hương.

**Câu 2 (4.0 điểm)**

Viết bài văn (khoảng 600 chữ) nêu suy nghĩ của em về cách ứng xử của con cái khi xảy ra bất đồng quan điểm với cha mẹ.

HƯỚNG DẪN CHẤM

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **1** | 1. - Thể thơ: Tự do | 1,0 |
| **2** | 2.– Những hình ảnh thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương của nhà thơ: tiếng mưa rơi trên tàu chuối bẹ dừa,, tre, làng xóm, những con người nơi quê hương tác giả.  – Nội dung của đoạn thơ: nhà thơ thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương qua những hình ảnh gần gũi, thân thuộc. | 0,5  0, 5 |
| **3** | 3.- Biện pháp tu từ điệp ngữ: “ ta yêu…như…”  **-** Tác dụng;  + Tạo nhịp điệu thiết tha, tăng giá trị biểu đạt cho câu thơ.  + Nhấn mạnh tình cảm, cảm xúc của nhà thơ đối với cơn mưa ở quê hương. Đó là tình cảm chân thật, thân thương, gần gũi dành cho những gì quen thuộc.  + Bộc lộ sự gắn bó sâu sắc, tình yêu quê thương thắm thiết của nhà thơ. | 0,5  0,25  0,25  0,25 |
| **4** | 4.Ý nghĩa của những năm tháng tuổi thơ:  + Tuổi thơ là giai đoạn của sự vô tư, hồn nhiên và niềm vui tràn đầy. Đây là thời gian mà mỗi người được sống trong tình yêu thương của gia đình và tận hưởng những niềm vui giản dị từ những trò chơi và hoạt động thường ngày.  +Những trải nghiệm, giáo dục và tình cảm nhận được trong tuổi thơ đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tính cách, tư duy và phẩm chất đạo đức của mỗi người.  + Những ký ức về quê hương trong tuổi thơ góp phần xây dựng tình yêu và sự gắn bó với quê hương, cội nguồn.  + Những năm tháng tuổi thơ là thời gian mà mỗi người có thể tự do mơ ước, tưởng tượng và khám phá thế giới xung quanh mà không bị giới hạn bởi những ràng buộc của người lớn. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu 1  (2.0 điểm) | \*Hình thức đoạn văn: 200 chữ, là đoạn văn phối hợp, có sử dụng câu phủ định.  \* Nội dung đoạn văn:  - Làm rõ được nội dung của đoạn thơ:  *+ Đoạn thơ gợi nhắc lại những kỉ niệm đẹp ngày thơ ấu từ đó bộc lộ nỗi nhớ quê hương. Những kỉ niệm gắn với quê hương hiện về trong tâm trí nhà thơ bình dị mà thân thương, chan chứa nghĩa tình.*  *+ Kỉ niệm gắn với cơn mưa, tàu chuối, bẹ dừa, hàng tre, xóm làng,... Nơi quê hương còn có bóng hình của "những con người" - đó là ông bà, cha mẹ, anh chị em, bạn bè, hàng xóm láng giềng,...biết mấy yêu thương. Những ký ức tuổi thơ luôn thường trực trong lòng của tác giả và chính ký ức đó đã nuôi dưỡng tâm hồn, chắp cánh những ước mơ tương lai.*  *+ Từ đó, ta cảm nhận được sâu sắc tình yêu, ý thức luôn nhớ về cội nguồn của nhà thơ.*  - Khai thác những chi tiết nghệ thuật: biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ, liệt kê, từ ngữ, giọng thơ , hình ảnh… | 0,5đ  1,5 đ |
| Câu 2  (4,0 điểm) | **Viết bài văn (khoảng 600 chữ) nêu suy nghĩ của em về cách ứng xử của con cái khi xảy ra bất đồng quan điểm với cha mẹ.** | ***4,0*** |
| *a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài*  Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Cách ứng xử của con cái khi xảy ra bất đồng quan điểm với cha mẹ. | 0,5 |
| *c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:*  - Xác định được các ý chính của bài viết  - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận.  *\* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.*  *\* Triển khai vấn đề nghị luận:*  *- Giải thích:*  + Bất đồng quan điểm là trường hợp mỗi người mỗi ý, không thống nhất được quan điểm, giải pháp chung, vì đôi bên đều cho rằng mình đúng, nghe không quan điểm của đối phương, bắt họ phải nghe theo quan điểm của mình.  + Giữa cha mẹ và con cái nhiều khi xảy ra bất đồng quan điểm, khiến cho mối quan hệ trong gia đình trở nên căng thẳng.  *- Thực trạng của vấn đề*  + Hiện nay, vấn đề bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái đang diễn ra khá phổ biến và có xu hướng ngày càng gia tăng. Nhiều bạn trẻ cảm thấy khó khăn trong việc chia sẻ, bày tỏ quan điểm của mình với cha mẹ vì sợ bị phản đối, trách mắng.  *- Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái:*  + Do sự khác biệt về thế hệ dẫn đến sự khác biệt về quan niệm sống, giá trị, cách nhìn nhận vấn đề giữa cha mẹ và con cái.  + Do xã hội ngày càng phát triển, kéo theo những thay đổi về văn hóa, lối sống, khiến cho khoảng cách thế hệ ngày càng lớn.  + Do một số cha mẹ áp đặt trong cách giáo dục con cái, không cho con cái bộc lộ suy nghĩ riêng.  + Nhiều bạn trẻ muốn thể hiện cái tôi mà không nghe theo lời dạy bảo của cha mẹ, dẫn đến xung đột với cha mẹ.  *- Bất đồng quan điểm nếu không được giải quyết sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng:*  + Mâu thuẫn, xung đột kéo dài sẽ khiến cho tình cảm giữa cha mẹ và con cái rạn nứt, mất đi sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau.  + Ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái.  + Gia đình bất hòa sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển chung của cộng đồng.  *- Giải pháp*: Cách ứng xử của con cái khi xảy ra bất đồng quan điểm với cha mẹ:  + Khi bất đồng xảy ra, thay vì phản ứng gay gắt, con cái nên bình tĩnh lắng nghe cha mẹ trình bày quan điểm. Con cái hãy cố gắng đặt mình vào vị trí của cha mẹ để hiểu được nỗi lòng của cha mẹ.  + Sau khi đã lắng nghe cha mẹ, con cái nên trình bày quan điểm của mình một cách rõ ràng, mạch lạc. Con cái cần thể hiện sự tôn trọng cha mẹ, tránh chỉ trích.  + Con cái cũng cần cư xử chín chắn để tạo được niềm tin của cha mẹ để khi có những mâu thuẫn, cha mẹ sẽ bình tĩnh tạo cơ hội cho con cái nói ra quan điểm của mình và tôn trọng ý kiến của con.  + Con cái có thể tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người đáng tin cậy như ông bà, cô dì chú bác, thầy cô giáo,…để tìm ra hướng giải quyết bất đồng quan điểm với cha mẹ.  …  **-** Nêu ý kiến trái chiều và phản bác ý kiến đó:  Có ý kiến cho rằng cha mẹ luôn đúng, con cái cần phải luôn nghe theo lời cha mẹ. Tuy nhiên, quan điểm này không hoàn toàn đúng. Cha mẹ tuy có nhiều kinh nghiệm sống hơn con cái, nhưng không phải lúc nào họ cũng đúng. Con cái cần có chính kiến riêng và biết cách bảo vệ quan điểm của mình một cách lịch sự, tôn trọng cha mẹ.  \* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: Xung đột hay mâu thuẫn là do cách ứng xử của các thành viên trong gia đình. Con cái hãy lắng nghe và thấu hiểu nỗi lòng của cha mẹ và hãy cư xử đúng mực để làm tròn chữ hiếu. | 1,0 |
| *d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:*  - Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.  - Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận.  - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.  - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. |  |
| *đ. Diễn đạt*  Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| Tổng điểm | | 10,0 |

**\* Cách tính điểm:**

**- Điểm 4,0:** Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên; bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, thuyết phục; không sai sót về lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

**- Điểm 3,0 - 3,5:** Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu nêu trên; bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát; mắc ít lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, …

**- Điểm 2,0 - 2,5:** Đáp ứng một nửa các yêu cầu nêu trên; bố cục đầy đủ, diễn đạt được; mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, …

**- Điểm 1,0 – 1,5:** Bài làm chung chung, diễn đạt lan man, không rõ ý, không nắm được yêu cầu của đề, mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, diễn đạt

**- Điểm 0 – 0,5:** Không làm bài được hoặc hoàn toàn lạc đề.

--------------------------------------------------

**TIẾT 64,65: VĂN BẢN 2: LƠ XÍT**

**(***Trích Cooc – nây)*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại trong bi kịch được thể hiện qua đoạn trích.

- Nêu được những nhận thức về giá trị nhân văn trong văn học, những suy nghĩ về hành động và cách ứng xử để có hạnh phúc.

*2. Phẩm chất*

Coi trọng những giá trị nhân văn cao đẹp; lựa chọn hành động và cách ứng xử phù hợp để có được hạnh phúc chân chính.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Câu hỏi:**  - *Khi gia đình Kiều gặp tai biến, cha và em trai bị bắt giam, Kiều đã phải đưa ra lựa chọn nào? Để đưa ra lựa chọn đó, theo em, Thúy Kiều đã phải trải qua xung đột đấu tranh giữa cảm xúc và lí trí ra sao?*  *- Từ hành động của Kiều ở trên, em hãy chia sẻ một trải nghiệm cá nhân của em khi phải kiềm chế cảm xúc và dùng lí trí để quyết định hành động của mình.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV mời một số HS chia sẻ quan điểm.  **-** Các HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | **Dự kiến câu trả lời của HS:**  - Khi gia đình Kiều gặp tai biến, Kiều đã phải đưa ra lựa chọn bán mình để chuộc cha và em trai, hi sinh hạnh phúc cá nhân vì gia đình.  - Kiều đã trải qua xung đột giữa cảm xúc và lí trí: Một mặt, nàng yêu Kim Trọng và muốn nên duyên với Kim Trọng; mặt khác, nàng phải bán mình, lấy Mã Giám Sinh để làm tròn chữ hiếu. “Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn”. Cuối cùng, Kiều phải hành động theo lí trí – chọn chữ hiếu.  - HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân, ví dụ: kiềm chế một cơn giận, kiềm chế sự tò mò và thích thú khi bị rủ rê làm việc không tốt, kiềm chế lòng tham để trả lại đồ của người đánh rơi,... |

**=> GV dẫn vào bài mới:** Trong cuộc sống có muôn vàn tình huống đặt ta vào tình thế mâu thuẫn, xung đột giữa tình cảm và lí trí. Khi đó, em sẽ nghe theo cảm xúc hay hành động theo lí trí? Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu cách mà con người ở thế kỉ XVII giải quyết xung đột này.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Hoạt động 2.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** HS đọc văn bản và tìm hiểu chung văn bản *Lơ Xít.*

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn đọc văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phân vai cho 2 HS đọc diễn cảm đoạn trích.  - Yêu cầu:  + Giọng đọc thể hiện những cũng bậc cảm xúc khác nhau của các nhân vật.  + Các HS khác lắng nghe, lưu ý trong quá trình đọc chú ý các thẻ chỉ dẫn như *theo dõi, chú ý* bám sát đặc trưng của văn bản kịch.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc VB.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số HS đọc VB.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | I. ĐỌC – KHÁM PHÁ CHUNG  **1. Đọc văn bản**  **-** Đọc  - Tìm hiểu từ khó (nếu có). |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu tác giả Coóc-nây và vở kịch *Lơ Xít***  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nêu những hiểu biết của về tác giả Coóc-nây.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, tìm hiểu chung về tác phẩm *Lơ Xít* theo các câu hỏi sau:  *+ Nêu thể loại*  *+ Đề tài*  *+ Tóm tắt*  *+ Nội dung chính*  Thời gian thảo luận cặp đôi: **03 phút** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận cặp đôi.  + Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức về tác giả, văn bản. | **2. Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **2.1. Tác giả Coóc-nây**  Chân dung Coóc-nây (1606-1684) - Lịch sử 6 - Nguyễn Tiến Dũng - Website  Trường THCS Nghi Yên  Coóc-nây (1606 - 1684)  - Là nhà viết kịch xuất sắc của nền bi kịch cổ điển Pháp thế kỉ XVII.   * Kịch của ông có tính duy lí, thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội thông qua sự đấu tranh giữa lí trí và dục vọng của con người. * Tác phẩm tiêu biểu: *Mê-đê* (1635); *Lơ Xít* (1636), *Xin-na* (1640),...   **2.2. Tác phẩm *Lơ Xít***  - **Thể loại**: Bi kịch  - **Đề tài**: dựa trên biến cố lịch sử có thật ở Tây Ban Nha thế kỉ XI về người anh hùng - hiệp sĩ Rô-đri-gơ Đi-a-dờ. Nhan đề vở kịch là danh hiệu giặc Mô gọi Rô-đri-gơ một cách kính trọng.  - **Tóm tắt vở kịch**: chú thích (1), SHS/Tr.123.  + Rô-đri-gơ yêu Si-men. Hai ông bố cãi nhau, bố Rô-đri-gơ bị bố Si-men tát. Rô-đri-gơ thách đấu với bố Si-men.  + Rô-đri-gơ đến gặp Si-men sau khi giết chết cha của nàng. Si-men đòi trả thù.  + Nhà vua cử Rô-đri-gơ ra trận. Rô-đri-gơ chiến thắng giặc Mô.  + Rô-đri-gơ đấu kiếm với Đông Xăng. Nhà vua tuyên bố Si-men có thể chắp duyên với Rô-đri-gơ.  => *Lơ Xít* là vở kịch đặc sắc, có nhiều khác biệt so với những vở bi kịch khác cùng thời. Vở kịch không tuân thủ theo lối “sân khấu trắng” (các nhân vật chính bị chết hoặc hoá điên, bỏ đi biệt xứ,...) mà kết thúc bằng sự hoà hợp của hai nhân vật chính.  - **Nội dung chính:** Thể hiện cuộc đấu tranh nội tâm của con người thế kỉ XVII giữa một bên là danh dự, bổn phận, với một bên là tình yêu nam nữ. |
| **Thao tác 3: Tìm hiểu đoạn trích *Lơ Xít* ở SHS**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để trả lời nhanh các câu hỏi sau:  *- Nêu vị trí của đoạn trích*.  - *Đoạn trích xoay quanh cuộc đối thoại của những nhân vật nào và sự kiện gì??* | **3. Tìm hiểu đoạn trích**  - **Vị trí của đoạn trích**: thuộc hồi 3 lớp IV của vở kịch.  - **Nhân vật:** Chàng Đông Rô-đri-gơ và nàng Si-men.  - **Sự việc:** Đông Rô-đri-gơ đến nạp mình cho Si-men sau khi đã giết cha của nàng trong cuộc đấu kiếm.  🡪Đoạn trích là cao trào của vở kịch (đỉnh điểm). |

**2.2. Hoạt động 2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Hướng dẫn HS tìm hiểu những giá trị về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Lơ Xít* (Coóc-nây).

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu nhân vật và xung đột kịch**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Suy nghĩ cá nhân**: Tìm hiểu mục đíchRô-đri-gơ tìm đến gặp Si-men sau khi đã giết cha của nàng.  (Gợi ý:  + *Theo em, chàng Rô-đri-gơ có nên xuất hiện trước mặt Si-men sau khi đã giết chết cha nàng hay không?*  *+ Chàng có thể thú nhận hành động đó với Si-men theo cách nào?*  *+ Việc Rô-đri-gơ tìm đến gặp Si-men sau khi đã giết cha của nàng cho thấy Rô-đri-gơ là người như thế nào?*  **- Thảo luận nhóm, hoàn thành PHT số 02 sau:**   |  | | --- | | PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02  1.Phân tích sự giằng xé nội tâm của hai nhân vật *(Rô-đri-gơ và Si-men đứng trước những lựa chọn nào?)*  ..............................................................  2. Mỗi người đã đưa ra lựa chọn nào cho bản thân? Hãy so sánh sự lựa chọn hành động của Rô-đri-gơ và Si-men với Rô-mê-ô và Giu-li-ét.  ...............................................................  3. Qua những lựa chọn hành động trên, em hãy nhận xét về phẩm chất của hai nhân vật.  ..............................................................  4. Rút ra những xung đột chính trong vở kịch được thể hiện trong đoạn trích.  ................................................................ |   Thời gian thảo luận nhóm: **07 phút.**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  + HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.  + Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định** | II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN  **1. Nhân vật và xung đột kịch**  **1.1. Mục đích Rô-đri-gơ tìm gặp Si-men**  **-** Hành động Rô-đri-gơ giết cha của Si-men trong cuộc đấu kiếm là hành động Rô-đri-gơ thực hiện bổn phận bảo vệ danh dự cho cha và dòng họ.  - Sau khi giết chết cha của Si-men, Rô-đri-gơ đã tìm gặp Si-men, cũng là con gái của người mình vừa giết để xin được chết dưới tay nàng.  🡪 Hành động đó của Rô-đri-gơ chứng tỏ sự chính trực của Rô-đri-gơ.  - Khi đến gặp Si-men, chàng bày tỏ những giằng xé nội tâm của mình, khẳng định tình yêu dành cho nàng, đồng thời thể hiện sự đồng cảm sâu sắc với nỗi đau của Si-men cũng như đứng về phía nàng để thôi thúc nàng hành động trả thù cho cha.  **1.2. Giằng xé nội tâm của hai nhân vật**  Hai nhân vật đều có sự đấu tranh nội tâm dữ dội:   * ***Về phía Rô-đri-gơ***: Chàng đứng trước sự lựa chọn hoặc chấp nhận đấu kiếm với cha của người yêu hoặc không.   + Chàng đứng trước bi kịch của sự lựa chọn: nghe theo tiếng gọi tình yêu hay phục tùng lí trí. Chàng đã dằn vặt, đau đớn trong cuộc va chạm giữa tình yêu nồng nhiệt của mình và danh dự gia đình.  + Chàng vừa bày tỏ tình yêu, muốn được chết dưới tay người yêu, vừa khẳng định hành động đúng của mình khi quyết định đấu kiếm. Trước đoạn trích này, ở Hồi I, Lớp VI, Rô-đri-gơ có đoạn độc thoại diễn tả những giằng xé nội tâm trước khi quyết định thách đấu với cha của Si-men để bảo toàn danh dự gia đình (*Hận lòng đôi ngả đấu tranh/ Nửa là danh dự, nửa tình khó theo; Não nề đứng giữ hai đường/ Sống đời ô nhục? Phũ phàng tơ duyên*). Có lúc chàng đã định “một thác là yên”, tìm đến cái chết.  - ***Về phía Si-men:*** Si-men đứng trước sự lựa chọn trả thù cho cha, đồng nghĩa với việc phải giết người yêu hoặc không.  + Si-men không trách cứ Rô-đri-gơ vì nàng hiểu hành động của chàng là để bảo vệ danh dự, để xứng với tình yêu của nàng. Những câu thoại thể hiện tình yêu của Si-men với Rô-đri-gơ: *Nếu phụ thân em chết vì điều bất hạnh khác/ Em đã thấy nơi chàng niềm an ủi lòng duy nhất/ Và giữa đau thương đôi cảm giác êm đềm/ Được ngón tay chàng lau nước mắt cho em*.  + Si-men cũng nhận thức được rằng: *Để xứng chàng, em cũng phải đòi chàng thế mạng. 🡪* Câu thoại cho thấy Si-men rất hiểu Rô-đri-gơ và nàng cũng theo cách của người yêu, bảo vệ danh dự của mình  **1.3. Lựa chọn hành động của các nhân vật**  **- *Về phía Rô-đri-gơ:*** Chàng quyết định đấu kiếm và đã giết chết cha của Si-men. Chàng khẳng định mình hành động đúng, không hối hận, nếu phải làm lại thì vẫn làm như vậy. Đối với Rô-đri-gơ, nếu mất danh dự là mất hết, sẽ không còn phẩm giá, không có tư cách để yêu một người cao quý như Si-men.  🡪 Rô-đri-gơ đã không đặt tình yêu đôi lứa lên trên danh dự, không nghe theo tiếng gọi con tim mà hành động theo bổn phận và nghĩa vụ, bảo toàn danh dự cho chính mình và dòng họ.  - ***Về phía Si-men:*** Si-men quyết định đòi mạng Rô-đri-gơ. Nàng cũng chọn hành động theo nghĩa vụ, bổn phận, bảo toàn danh dự.  **=> Nhận xét về lựa chọn hành động của hai nhân vật:**  **+** CảRô-đri-gơ và Si-menđều lựa chọn hành động theo bổn phận và nghĩa vụ, bảo toàn danh dự. Bởi nếu Rô-đri-gơ và Si-men lựa chọn hành động theo tiếng gọi của tình yêu thì họ mất đi danh dự quý tộc, bị khinh rẻ, không xứng đáng với người mình yêu.  + Sự song trùng ở hai nhân vật thể hiện quan niệm của tác giả cũng như quan niệm của thời đại Coóc-nây: tôn sùng lí trí, đề cao nghĩa vụ, bổn phận, để lí trí chiến thắng cảm xúc. Lí trí soi sáng mọi hành động của hai nhân vật. Vở kịch này viết về những quý tộc cung đình Tây Ban Nha, mà đối với người quý tộc, danh dự lớn hơn tất cả.  **1.4. Phẩm chất của các nhân vật**  - Hai nhân vật Rô-đri-gơ và Si-men đều là những con người đề cao nghĩa vụ thiêng liêng với gia đình và Tổ quốc. Họ là những con người cao thượng, có ý chí mãnh liệt, có tình cảm nồng nhiệt.  + Nhân vật Rô-đri-gơ: Tác giả chú trọng xây dựng nhân vật có tính cách anh hùng, hào hiệp. Đoạn trích cho thấy sự thẳng thắn, quả cảm, tình cảm và ý chí đều mãnh liệt, vừa trọng tình cảm vừa trọng nghĩa vụ, trong đau thương vẫn rất hào hùng của Rô-gri-gơ. Đó là con người xuất chúng, đẹp đẽ, mẫu mực - con người lí tưởng của thời đại.  + Nhân vật Si-men: Lí trí cũng chiến thắng. Nàng rất yêu Rô-đri-gơ, sẵn sàng chết theo chàng, nhưng cũng rất phân minh khi giải quyết mối quan hệ cá nhân và gia đình, gác tình riêng để làm tròn bổn phận với gia đình.  **1.5. Xung đột kịch**  **-** Vở kịch *Lơ Xít* thể hiện xung đột nội tâm, khác với kiểu xung đột trong vở *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (xung đột giữa tình yêu và hoàn cảnh).   * Đoạn trích đã góp phần thể hiện xung đột xuyên suốt tác phẩm: xung đột giữa dục vọng và danh dự, giữa tình yêu và bổn phận. * Coóc-nây còn đẩy xung đột đến mức cao hơn, đó là xung đột giữa thù riêng và nghĩa vụ với Tổ quốc:   + Rô-đri-gơ ra trận, đánh đuổi kẻ thù, thực hiện bổn phận với đất nước, là bổn phận cao nhất của mỗi con người.  + Si-men đồng ý tác hợp cùng Rô-đri-gơ cũng có nghĩa là thực hiện nghĩa vụ với mệnh lệnh của nhà vua - nàng là phần thưởng cho người anh hùng chiến thắng giặc Mô.  🡪 Về lô-gíc, các nhân vật vẫn nhất quán trong tính cách đề cao bổn phận, và chính điều này dẫn đến sự hoá giải xung đột, làm cho vở kịch kết thúc có hậu. |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu lời thoại trong đoạn trích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu**: Hãy nêu nhận xét của em về lời thoại của nhân vật trong đoạn trích.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận theo cặp.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức**.** | **2. Lời thoại của nhân vật**  - Lời thoại có nhịp điệu: Lơ Xít (cũng như các bi kịch khác thời đại này) được viết bằng thơ, bản dịch cố gắng diễn tả bằng hình thức thơ, do vậy, lời thoại có nhịp điệu.  - Lời thoại của các nhân vật đều toát lên sự trang trọng, thống thiết, phù hợp với tính cách và tâm lí nhân vật.  - Lời thoại mang tính triết lí, thể hiện tinh thần duy lí.  - Lời thoại kịch nói chung và bi kịch nói riêng có sự đối nghịch, tạo kịch tính:  + Khi Rô-đri-gơ xuất hiện và cầu xin Si-men kết liễu đời mình thì Si-men yêu cầu chàng đi khỏi và bày tỏ nàng không muốn sống (cầu xin - từ chối).  + Rô-đri-gơ mang gươm ra cho Si-men nhìn thấy để khích lệ ý chí trả thù của Si-men thì nàng yêu cầu chàng cất gươm và biểu lộ sự đau đớn của mình (thôi thúc hành động – lảng tránh). |

**2.3. Hoạt động 2.3. Hướng dẫn Tổng kết**

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật đoạn trích.

**b. Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS rút ra những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động thảo luận theo cặp.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.  GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức. | III. TỔNG KẾT  *1. Chủ đề*  - Đoạn trích thể hiện xung đột nội tâm của hai nhân vật Rô-đri-gơ và Si-men khi họ đấu tranh giữa tình cảm và lí trí.  - Sự lựa chọn hành động theo bổn phận, nghĩa vụ, trách nhiệm đã khiến các nhân vật trở thành mẫu mực của con người của thời đại duy lí.  *2. Nghệ thuật*  - Xây dựng xung đột kịch giàu kịch tính.  - Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc qua những lời thoại.  - Lời thoại của bi kịch có tính chất tính chất đối nghịch thể hiện sự giằng xé nội tâm nhân vật, tính trang trọng, tính triết lí. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Thực hành bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:**

**1.** Chỉ ra những đặc trưng của thể loại bi kịch thể hiện qua đoạn trích *Lơ Xít* ở SHS.

**2. Viết kết nối với đọc**

Đề bài: Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 7-9 câu) phân tích một chi tiết mà em thích trong đoạn trích vở kịch *Lơ Xít*.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tổng hợp kiến thức để chỉ ra những đặc trưng của thể loại bi kịch thể hiện qua đoạn trích

- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn.

Gợi ý: HS có thể trả lời các câu hỏi sau để tìm ý cho đoạn văn:

*+ Em thích chi tiết nào nhất trong đoạn trích?*

*+ Chi tiết đó nói lên điều gì về tình thế của nhân vật?*

*+ Chi tiết đó thể hiện điều gì về tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật?*

*+ Chi tiết đó có vai trò như thế nào trong toàn bộ đoạn trích?*

*+ Chi tiết đó thể hiện đặc điểm gì của bi kịch?*

*...*

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi một số HS đoạn văn (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.

- Học sinh tự đánh giá đoạn văn qua bảng kiểm mà GV cung cấp.

**Gợi ý sản phẩm**

**1. Những đặc trưng của thể loại bi kịch được thể hiện qua VB *Lơ Xít*:**

* Xung đột nảy sinh do mâu thuẫn giữa mong muốn chủ quan và điều kiện khách quan, giữa tình yêu và bổn phận.
* Nhân vật là những con người có phẩm chất cao quý
* Lời thoại có tính triết lí, thống thiết, thể hiện sự giằng xé nội tâm.
* Đề tài lấy trong lịch sử.

**2. Đoạn văn tham khảo:**

Đọc đoạn trích vở kịch *Lơ Xít*, em đặc biệt ấn tượng với câu nói của nàng Si-men ở cuối đoạn trích: “*Giết cha em, chàng chứng tỏ cùng em xứng đáng/ Để xứng chàng, em cũng phải đòi chàng thế mạng”*. Mặc dù Rô-gri-đơ giết cha nàng song nàng không trách cứ Rô-đri-gơ vì nàng hiểu hành động của chàng là để bảo vệ danh dự, để xứng với tình yêu của nàng. Đến lượt mình, nàng cũng muốn hành động theo theo cách của người yêu để bảo vệ danh dự của mình. Như vậy giống như Rô-đri-gơ, nàng Si-men cũng lựa chọn hành động theo bổn phận và nghĩa vụ để bảo toàn danh dự cho bản thân và gia đình. Nếu như nàng Si-men lựa chọn hành động theo tiếng gọi của tình yêu thì nàng sẽ mất đi danh dự quý tộc, bị khinh rẻ, không xứng đáng với người mình yêu. Hành động của Si-men thể hiện đặc điểm nổi bật của nhân vật bi kịch, thể hiện quan niệm của tác giả cũng như quan niệm của thời đại Coóc-nây: tôn sùng lí trí, đề cao nghĩa vụ, bổn phận, để lí trí chiến thắng cảm xúc; lí trí soi sáng mọi hành động của nhân vật.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập sáng tạo

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** Chia sẻ theo kĩ thuật **Think – pair – share** + **kĩ thuật 1 phút**

Câu hỏi:

- Hành động của các nhân vật trong vở kịch thể hiện quan niệm về danh dự, nghĩa vụ của con người ở thế kỉ XVII. Theo em, cách giải quyết xung đột trong vở kịch có còn phù hợp với thời đại ngày nay không? Vì sao?

- Nếu rơi vào tình cảnh như các nhân vật, em sẽ giải quyết như thế nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ cá nhân, sau đó chia sẻ cặp đôi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** GV gọi một số HS trình bày trước lớp ý kiến của mình theo kĩ thuật 1 phút.

- Các HS khác lắng nghe, tham gia hoạt động thảo luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV kết luận, nhận định về các ý kiến, nhận xét về cách HS thực hiện thảo luận.

**Gợi ý sản phẩm**

\* **HS chia sẻ về ý kiến của bản thân:**

Sự lựa chọn hành động của nhân vật bị trói buộc bởi những lề luật, phép tắc, phụ thuộc vào quan niệm đạo đức xã hội và thế giới quan của nhà văn.

- Trong tác phẩm kịch *Lơ Xít*, mâu thuẫn giữa 2 ông bố đặt 2 người con trước lựa chọn phải đặt lí trí lên trên tình cảm cá nhân, phải chọn hành động theo bổn phận, nghĩa vụ với gia đình, dòng họ. Hành động của cả Rô-đri-gơ và Si-men đều phù hợp với quan niệm thời đại ở thế kỉ XVII khi mà nghĩa vụ và bổn phận được coi là thước đo cao nhất của giá trị con người. Do đó, việc hành động theo nghĩa vụ và bổn phận sẽ được miễn trừ phán xét khi hành động đó có thể gây oan trái cho người khác.

- Trong thời đại ngày này, nếu hai ông bố có xích mích, xúc phạm nhau thì những đứa con có thể có cách giải quyết khác:

+ Có thể gặp mặt trực tiếp để hòa giải hai gia đình, hóa giải mâu thuẫn.

+ Có thể khởi kiện tội xúc phạm danh dự, xâm phạm thân thẻ người khác để pháp luật trừng trị người có tội, chứ không nên tước đoạt mạng sống của người khác vì xích mích, mâu thuẫn đó.

RÚT KINH NGHIỆM

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 66: THTV CÂU ĐẶC BIỆT**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của câu đặc biệt để sử dụng một cách hiệu quả.

*2. Phẩm chất*

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- HS có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

-Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:**  **-** Em hãy đặt một câu đơn có đủ thành phần chủ ngữ - vị ngữ.  - Em có xác định được chủ ngữ - vị ngữ của câu in đậm trong đoạn văn sau hay không? *“****Trước ga Hàng Cỏ. Chặp tối****. Chuyến tàu Nam vừa lên, người chen lấn đông nghịt.” không?* (Theo Tô Hoài)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **Dự kiến câu trả lời của HS:**  - HS đặt được câu đơn có đủ thành phần chủ ngữ, vị ngữ.  -Những câu in đậm trong đoạn văn không xác định được chủ ngữ - vị ngữ bởi đây là các câu đặc biệt. |

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: HS Nhận biết được đặc điểm và chức năng của câu đặc biệt.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, cặp đôi để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Theo dõi phần **Tri thức Ngữ văn** (tr 117/ SHS) và bảng nhận biết (tr 130-131/SHS).  Thảo luận cặp đôi thực hiện những yêu cầu sau:  **-** Nêu khái niệm , chức năng và dấu hiệu nhận biếtcâu đặc biệt bằng cách hoàn thành **Phiếu học tập số 01** sau:   |  |  | | --- | --- | | **Câu đặc biệt** | | | Khái niệm | .......... | | Chức năng |  | | Dấu hiệu nhận biết | .......... |   - GV cho HS nêu thêm ví dụ về câu đặc biệt trong một số ngữ cảnh và nêu tác dụng.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1- 2 cặp đôi trả lời miệng, trình bày kết quả.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chuẩn hóa kiến thức. | I. LÝ THUYẾT VỀ CÂU ĐẶC BIỆT   |  |  | | --- | --- | | **Câu đặc biệt** | | | **1. Khái niệm** | Câu đặc biệt là câu không được cấu tạo theo mô hình câu hai thành phần. | | **2. Chức năng** | - Dùng để gọi – đáp  - Dùng để nhấn mạnh cảm xúc.  - Dùng để liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng.  - Dùng để xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc | | **3. Dấu hiệu nhận biết** | - Câu đặc biệt được cấu tạo bởi một từ hoặc một cụm từ. Trong một số ngữ cảnh cụ thể, câu đặc biệt được sử dụng để nêu bật thông tin hoặc nhấn mạnh nội dung cần biểu đạt.  - Lưu ý: Cần phân biệt câu đặc biệt với câu sai ngữ pháp. Chỉ nên dùng câu đặc biệt trong những ngữ cảnh phù hợp. | |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**

**-** Củng cố kiến thức về câu đặc biệt.

- Thực hành các bài tập trong SHS.

**b. Sản phẩm:** Nội dung trả lời các bài tập 1, 2, 3, 4 (tr 130-131/SHS).

### c. Tổ chức hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Bài tập 1,2:** Thảo luận theo cặp.  **- Bài tập 3, 4:** Thảo luận theo nhóm  + Nhóm 1,2: Bài tập 3  + Nhóm 3,4: Bài tập 4  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện các yêu cầu mà GV đã phân công.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện HS/ đại diện nhóm trình bày sản phẩm.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **II. THỰC HÀNH**  **1. Bài tập 1 (Tr 130/SHS)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trường hợp** | **Câu đặc biệt** | **Tác dụng** | | **a** | *Rầm rầm* | Mô tả âm thanh; được lặp lại 3 lần nhằm gợi tả tiếng mưa rơi mau và nặng hạt trên mái tôn. | | **b** | *Bộp!* | Nhằm thông báo về hiện tượng. | | *Hắn! Và một cuốn sách!* | Nhằm liệt kê những sự vật. | | **c** | *Ôi!* | Dùng để nhấn mạnh cảm xúc của người nói (Si-men) | | *Mũi kiếm!* | Nhằm thông báo về sự tồn tại của sự vật. | | *Si-men em!* | Dùng để gọi đáp. |   **2. Bài tập 2 (Tr 130/SHS)**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Trường hợp** | **Câu đặc biệt** | **Tác dụng của câu đặc biệt** | | | | | **Bộc lộ cảm xúc** | **Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng** | **Xác định thời gian, nơi chốn** | **Gọi - đáp** | | **a** | *Ôi chao!* | X |  |  |  | | Ôi Rô-mê-ô, hỡi Rô-mê-ô! |  |  |  | X | | **b** | Choáng váng. |  | X |  |  | | Và màn đêm. |  | X |  |  | | **c** | Đêm! |  |  | X |  |   **3. Bài tập 3 (Tr 131/SHS):** Tìm câu đặc biệt trong văn bản “Bí ẩn của làn nước” và chỉ ra tác dụng của chúng.   |  |  | | --- | --- | | **Các câu đặc biệt trong VB** | **Tác dụng** | | Con trai... con trai mà... con trai... | Thông báo về sự tồn tại của sự vật | | Con tôi...!; Con tôi...; Con tôi! | Bộc lộ cảm xúc |   4**. Bài tập 4 (Tr 131/SHS)**  **-** Câu rút gọn: *Trời ơi, chỉ còn có năm phút.*  - Câu đặc biệt: *Ôi!*  - Sự khác nhau giữa câu rút gọn và câu đặc biệt:  + Câu rút gọn có thể khôi phục đầy đủ các thành phần câu: *Trời ơi, chúng ta chỉ còn có năm phút.*  + Câu đặc biệt không thể khôi phục các thành phần câu. |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

### c. Tổ chức hoạt động

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**1.** Chỉ ra và nêu tác dụng của các câu đặc biệttrong một đoạn trích truyện đã học.

**2**. Sáng tạo một đoạn hội thoại ngắn, trong đó có sử dụng câu đặc biệt.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân, hoàn thành các nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* GV gọi một số HS trả lời.
* Các HS khác nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức.

RÚT KINH NGHIỆM:

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 67**

**VĂN BẢN 3: BÍ ẨN CỦA LẦN NƯỚC**

*(Bảo Ninh)*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- Kết nối về chủ đề *Đối diện với nỗi đau.*

*-* Củng cố kĩ năng đọc hiểu tác phẩm truyện (nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như sự kiện, người kể chuyện, chi tiết, nhân vật,...).

- Nêu được những nhận thức về giá trị nhân văn trong văn học, những suy nghĩ về hành động

và cách ứng xử để có hạnh phúc.

**2*.* Phẩm chất**

Biết lựa chọn hành động và có cách ứng xử phù hợp để có được hạnh phúc chân chính.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Câu hỏi:**  - Em hãy khái quát lại những nỗi đau và cách đối diện với nỗi đau của các nhân vật trong văn bản 1, 2.  - Em hãy kể thêm tên một số tác phẩm viết về nỗi đau của con người. Chia sẻ ngắn gọn nội dung các tác phẩm đó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1 số HS chia sẻ câu trả lời.  - HS lắng nghe, bổ sung ý kiến.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | \* **Những nỗi đau và cách đối diện với nỗi đau của các nhân vật trong văn bản 1, 2**:  + VB 1: Rô-mê-ô và Giu-li-et phải đối diện với nỗi đau bị ngăn cấm tình yêu vì mối thù của hai dòng họ. Họ đã nghe theo tiếng gọi của tình yêu, bất chấp thù hận của hai gia đình.  + VB 2: Rô-đri-gơ và Si-men phải đối diện với nỗi đau khi phải lựa chọn giữa tình yêu cá nhân và bổn phận, trách nhiệm với gia đình, dòng họ. Cả hai đều lựa chọn hành động theo nghĩa vụ, bổn phận, bảo toàn danh dự, phù hợp với quan niệm đạo đức của thời đại lúc bấy giờ.  **\* Một số tác phẩm viết về nỗi đau của con người:**  **-** *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh)  - *Chí Phèo* (Nam Cao)  -*Số phận con người* (Sô-lô-khốp)  - **...**  **Ví dụ:** Tác phẩm *Chí Phèo* (Nam Cao) nói lên bi kịch tha hóa của người nông dân trước cách mạng tháng Tám năm 1945. Xã hội phong kiến thực dân vô nhân đạo đã đẩy người nông dân vào bước đường cùng, khiến họ phải bán đi cả nhân hình lẫn nhân tính, cuối cùng bị cự tuyệt quyền làm người, phải tìm đến cái chết. |

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Hoạt động 2.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS tìm hiểu các kiến thức chung về tác giả và văn bản.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin để tìm hiểu về tác giả Bảo Ninh và văn bản *Bí ẩn của làn nước.*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn đọc văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc VB: đọc to rõ ràng, phân biệt được lời thoại của các nhân vật.  - GV gọi 01 HS đọc VB. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | **I. ĐỌC – KHÁM PHÁ CHUNG**  **1. Đọc văn bản** |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cung cấp tư liệu về nhà văn Bảo Ninh qua trang web (hoặc in trước tài liệu cho HS).  https://www.youtube.com/watch?v=2lSVLxiDlc4  - HS nêu những hiểu biết về tác giả Bảo Ninh qua phần chuẩn bị ở nhà.  - Trao đổi theo cặp đôi:  + *Nêu thể loại và xuất xứ của tác phẩm.*  *+ Xác định ngôi kể*  *+ Xác định các nhân vật và vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các nhân vật trong truyện*.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, thảo luận trong bàn. * GV quan sát, động viên.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS lần lượt trả lời các câu hỏi. * Các HS chia sẻ, lắng nghe, nhận xét và bổ sung.   **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức | **2. Tác giả Bảo Ninh**  Nhà văn Bảo Ninh: NẾU KHÔNG CẦM SÚNG ĐÁNH TRẬN, TÔI KHÔNG THỂ VIẾT ĐƯỢC NHƯ  VẬY - Nhịp Cầu Thế Giới Online   * Bảo Ninh sinh năm 1952, quê ở Quảng Binh. * Ông vào bộ đội năm 1969 và bắt đầu viết văn sau giải ngũ vào năm 1975. * Tác phẩm tiêu biểu:   + Tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* (lúc đầu có tên gọi *Thân phận tình yêu*, 1990) được dư luận trong nước và ngoài nước đánh giá cao.  + Một số tác phẩm khác: *Trại bảy chú lùn* (truyện ngắn, 1987); *Truyện ngắn Bảo Ninh* (2002); *Tạp bút Bảo Ninh* (2015);...  **3. Văn bản *Bí ẩn của làn nước***  - **Thể loại**: truyện ngắn  - **Xuất xứ**: In trong tập “Những truyện ngắn”, NXB Trẻ.  - **Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất – người kể chuyện là nhân vật *tôi.*  - **Nhân vật:** |

**2. Hoạt động 2.2. Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu :**

- Tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản truyện

- Hiểu được tính chất kết nối chủ đề của văn bản.

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu cốt truyện và sự kiện chính**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Câu hỏi:** *Cốt truyện xoay quanh sự kiện nào? Sự kiện đó có tác động như thế nào đến cuộc đời nhân vật “tôi”?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân để trả lời.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số HS trả lời.  - Các HS khác lắng nghe, giải thích.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chuẩn kiến thức. | II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT  **1. Cốt truyện và sự kiện chính**  ***-*** Truyệnkhông có cốt truyện phức tạp.  - Sự kiện chính: sự kiện đêm Rằm tháng Bảy, thời điểm vừa đỉnh lũ lại vừa vỡ đê.  - Tác động của sự kiện đối với cuộc đời nhân vật “tôi”: Sự việc xảy ra đêm ấy khiến nhân vật “tôi” mất vợ, mất con; vớt được một đứa trẻ từ dòng nước.  🡪 Sự kiện đã tạo một sự thay đổi lớn trong cuộc đời nhân vật “tôi”: một gia đình bị xé tan, một bí mật được cất giấu cả đời, một nỗi đau không người chia sẻ. |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu nỗi đau và cách đối diện nỗi đau của nhân vật “tôi”**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia HS thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:  - Hoàn thành **Phiếu học tập 2.1**; **2.2** theo kĩ thuật Khăn trải bàn.  **+ Nhóm 1, 2:** Tìm hiểu nỗi đau của nhân vật “tôi”**(Phiếu học tập 2.1)** + Nhóm 3, 4: Tìm hiểu về cách đối diện nỗi đau của nhân vật “tôi” (Phiếu học tập 2.2)GV phát PHT riêng cho từng nhóm.  |  | | --- | | Phiếu học tập 2.1:Tìm hiểu nỗi đau của nhân vật “tôi”1. Nêu tác dụng của ngôi kể thứ nhất trong truyện.2. Nhân vật “tôi” đã phải trải qua những nỗi đau nào trong cơn lũ lịch sử?Điều gì đã khiến nhân vật “tôi” chết lặng? Phân tích vai trò của chi tiết này trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm. |  |  | | --- | | Phiếu học tập 2.2:Tìm hiểu cách đối diện nỗi đau của nhân vật “tôi”1. Vì sao nhân vật “tôi” giữ điều bí mật cho riêng mình? Hãy nêu nhận xét của em về hành động này của nhân vật.2. Nêu suy nghĩ của em về nhan đề tác phẩm. Em hãy đề xuất một nhan đề khác và giải thích ý nghĩa nhan đề do em đề xuất. |   - Thời gian thảo luận: 05 phút.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0.  - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, thảo luận.  + Nhóm 1 thuyết trình, nhóm 2 phản biện  + Nhóm 3 thuyết trình, nhóm 4 phản biện  + Các nhóm bổ sung ý kiến (dù không cùng nhiệm vụ)  GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các các nhóm và cho điểm. | **2. Nỗi đau và cách đối diện nỗi đau của nhân vật “tôi”**  **2.1. Nỗi đau của nhân vật *tôi***  ***-*** Người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi” (vai kể - người cha) là người tham dự vào câu chuyện, trải nghiệm trực tiếp nỗi kinh hoàng trong trận lũ, cũng là người duy nhất biết đứa bé được vớt lên từ dòng nước không phải con của mình.  🡪 Ngôi kể thứ nhất giúp thể hiện chân thực những cảm xúc cùng nỗi đau của nhân vật.  - Nỗi đau của nhân vật *tôi:* Chỉ sau một cơn lũ trong đêm tối, làn nước đã cướp đi tất cả những gì quan trọng nhất với anh: nhà cửa, vợ anh cùng đứa con mới sinh mà anh chưa kịp nhìn mặt. Nỗi đau càng lên đến tận cùng khi anh phải tận mắt chứng kiến tất cả sự thật khủng khiếp đó: “*Tôi đã vật lộn điên dại quyết sống mái một phen với làn nước giết người, nhưng tôi thua cuộc. Ứa ra cả máu tai máu mũi mà không những không cứu nổi vợ, đến thi thể cô ấy tôi cũng bất lực không tìm thấy”.*  - Chi tiết tiêu biểu: phút “chết lặng” của nhân vật *tôi* lúc nhìn và đón đứa con khi chị phụ nữ bế và thay tã cho nó.  + Ở đoạn trước, vợ anh thông báo đứa bé mình sinh ra là con trai.  + Ở đoạn sau, anh kể “con gái tôi” đã thành một thiếu nữ và suy nghĩ “*vợ tôi, con tôi và người đàn bà vô danh nhìn tôi từ đáy nước*”.  🡪 Như vậy, phút “chết lặng” kia đã chất chứa bao nỗi đau, tan nát trong lòng người cha khi cứ ngỡ đã cứu được con mình nhưng không phải. Cái sự nhầm lẫn kia thật xót xa biết bao. Chỉ mình anh biết đứa bé do anh cứu không phải con anh.  **2.2. Cách đối diện nỗi đau của nhân vật *tôi***  - Từ vai người cha, nhân vật “tôi” đã tự nguyện nuôi đứa trẻ khôn lớn. Với lòng nhân từ, vị tha của người cha, nhân vật “tôi” đã không nói ra sự thật về đứa con. Đó là điều bí ẩn của làn nước, cũng chính là điều bí mật của chính anh.  - Nhân vật “tôi” - người cha không nói ra sự thật vì muốn cho đứa bé gái được cứu tin rằng nó có một người cha thật sự, một gia đình thật, không bị mặc cảm là đứa con mồ côi, không ai biết nguồn gốc. Anh không muốn đứa trẻ phải chịu đựng nỗi đau đớn về tinh thần.  🡪 Nhân vật *tôi* im lặng chịu đựng nỗi đau để đánh đổi cuộc đời bình yên của đứa con. Điều đó đã cho thấy sự bao dung, đức hi sinh vì người khác của nhân vật “tôi”. Đây là một sự “dối lừa” cao cả.   * Ý nghĩa nhan đề*: Bí ẩn của làn nước* cũng là bí mật của đứa bé, cũng là bí mật của chính người kể chuyện (người cha – nhân vật *tôi*). Nhan đề này thể hiện chủ đề của tác phẩm, gợi sự ẩn giấu nỗi niềm, thể hiện sự chịu đựng nỗi đau, hi sinh thầm lặng vì người khác.   (Căn cứ chủ đề của tác phẩm (ca ngợi lòng vị tha của con người), có thể đặt cho truyện một nhan đề khác, chẳng hạn: *Trái tim người cha*.) |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Thực hành một số bài tập củng cố kĩ năng đọc hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chuẩn bị khoảng 40 thẻ bìa cứng, phát cho 4 nhóm mỗi nhóm 10 thẻ.  GV nêu yêu cầu:  - Mỗi nhóm soạn 10 câu đố xoay quanh tác giả Nguyễn Dữ và nội dung, nghệ thuật tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*.  - Thiết kế và viết câu đố vào thẻ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo nhóm, soạn câu hỏi và thiết kế thẻ đố tri thức.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn HS chia 10 thẻ đố thành 02 bộ nhỏ: Mỗi bộ gồm 05 thẻ đố.  - GV tổ chức cho các nhóm bốc thăm và thi đố.  + Mỗi nhóm sẽ có 02 lượt thi.  + Mỗi lượt sử dụng 01 bộ thẻ đố.   |  |  | | --- | --- | | **Lượt thi đố** | **Kết quả** | | Nhóm 1 |  | | Nhóm 2 |  | | Nhóm 3 |  | | Nhóm 4 |  |   - Các nhóm trả lời câu đố theo các bộ thẻ đố  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét các câu đố và cách thiết kế các thẻ đố tri thức. | Bộ thẻ đố tri thức của các nhóm học sinh. |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

### a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập sáng tạo

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:**  **1.** Chia sẻ ý kiến: Theo em, im lặng chịu đựng nỗi đau có phải là sự lựa chọn tốt nhất cho mỗi con người không?  **2.** Viết đoạn văn ngắn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của lòng vị tha trong cuộc sống.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV khích lệ, giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **1.** **HS chia sẻ ý kiến**: Im lặng chịu đựng nỗi đau có phải là sự lựa chọn tốt nhất cho mỗi con người không?  - Việc giữ im lặng và chịu đựng nỗi đau riêng mình sẽ có ý nghĩa cao cả khi việc nói ra sẽ làm nhiều người tổn thương, đau lòng.  - Tuy nhiên, nếu cứ mãi giữ im lặng và chịu đựng nỗi đau một mình, không chia sẻ nỗi đau đó với ai thì nỗi đau đó sẽ mãi còn trong lòng, không thể nguôi ngoai.  Do đó, mỗi chúng ta hãy cân nhắc, có thể im lặng chịu đựng nỗi đau hoặc nói ra vào thời điểm thích hợp.  **2.** **Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của lòng vị tha trong cuộc sống**:  - **Hình thức**: Đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng 7 – 9 câu; chính tả, dùng từ.  - **Nội dung**: Ý nghĩa của lòng vị tha trong cuộc sống:  + Lòng vị tha giúp chúng ta chiến thắng được  lòng vị kỉ, chủ nghĩa cá nhân, từ đó hoàn thiện nhân cách mỗi ngày.  + Lòng vị tha giúp ta sống bình an và thanh thản tâm hồn.  + Người có lòng vị tha được mọi người yêu mến, nể trọng.  + Lòng vị tha của mỗi người góp phần xây dựng cộng đồng xã hội lành mạnh, giàu tình người. |

RÚT KINH NGHIỆM

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 68,69,70**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (KỊCH)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết và hiểu được những yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm kịch.

- Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (kịch): phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

*2. Phẩm chất*

- Cảm phục ngưỡng mộ vẻ đẹp tài năng, trí tuệ, tâm hồn con người; biết hướng tới những giá trị cao cả.

- Chăm đọc sách, siêng năng, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  Kĩ thuật Chia sẻ 1 phút  **Yêu cầu**:  - Hãy chia sẻ nhanh cảm nhận của em về một vở kịch mà em ấn tượng nhất.  Chia sẻ theo cấu trúc sau:  *Em ấn tượng với vở kịch... bởi....*  *-* HS chia sẻ vòng tròn (bạn phát biểu sẽ được mời bạn tiếp theo chia sẻ. Mời khoảng 3 – 4 bạn).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và chia sẻ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | HS chia sẻ cảm nhận về tác phẩm kịch mà bản thân ấn tượng nhất. |

**GV dẫn vào bài mới:** Mỗi tác phẩm kịch chứa đựng những đặc sắc riêng về nội dung tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật. Phần Viết hôm nay sẽ hướng dẫn các em cách viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm kịch.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS nhận biết và hiểu được những yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (kịch).

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (kịch)**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Theo dõi SHS/ tr132, cho biết:  *? Bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (kịch) cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ và thảo luận nhóm.  - GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi một số HS phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | I. LÝ THUYẾT  **1. Yêu cầu của kiểu bài**   * Giới thiệu khái quát về tác phẩm kịch (tên tác phẩm, tên tác giả, thể loại), nêu được nhận định chung về tác phẩm. * Làm rõ được nội dung chủ đề của tác phẩm. * Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm kịch (cốt truyện, nhân vật, hành động, xung đột, lời thoại,...) và hiệu quả thẩm mĩ của chúng; tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật nhất của tác phẩm. * Triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ, bằng chứng xác đáng từ tác phẩm kịch để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.   - Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  **\*Lưu ý:**  + Khi phân tích tác phẩm kịch, cần bám sát đặc trưng của thể loại, chú ý tính chất của xung đột, đặc trưng về cốt truyện kịch, kiểu nhân vật kịch, nét đặc sắc về lời thoại.  + Trong bài viết, HS có thể phân tích tất cả các yếu tố trong kịch bản, cũng có thể chỉ đi sâu một vài khía cạnh nổi bật; cũng có thể chỉ chọn để phân tích một đoạn trích, không nhất thiết phải phân tích một vở kịch trọn vẹn. |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo, lưu ý các thẻ chỉ dẫn để xác định bố cục.  - HS thảo luận theo bàn, hoàn thành **Phiếu học tập 01 sau:**   |  | | --- | | PHIẾU HT 01: Phân tích bài viết tham khảo | | 1. Xác định bố cục của bài viết.  2. Phần *Mở bài* của bài viết tham khảo giới thiệu về tác giả, tác phẩm và nêu nhận xét chung vể tác phẩm như thế nào?  3. Phần *Thân bài*:  + Bài viết nêu lên chủ đề gì của vở kịch “Lưu Ly” (Lưu Quang Thuận)?  + Bài viết xác định các phương diện đặc trưng của vở kịch như thế nào?  + Bài viết phân tích phương diện nổi bật nào của vở kịch? Em học được điều gì qua cách phân tích của tác giả bài viết tham khảo?  4. Trong phần *Kết bài*, bài viết xác định ý nghĩa, giá trị của vở kịch như thế nào?  5. Bài viết tham khảo đã đáp ứng được những yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm văn học (kịch) hay không? Em học hỏi được những gì từ bài viết tham khảo để viết một bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm kịch? |   - Qua việc phân tích bài viết tham khảo, em học hỏi được gì trong việc viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm kịch?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận trong bàn.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số bàn phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chốt lại và tổng kết vấn đề.  GV có thể dùng sơ đồ để minh họa dàn ý của bài viết. | **2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bài viết tham khảo:** *Phân tích vở bi kịch “Yêu Ly” của Lưu Quang Thuận* **(**Nhóm biên soạn)  **\* Mở bài:** Giới thiệu được những thông tin:  - Vở kịch *Yêu Ly* của tác giả Lưu Quang Thuận.  - Vở kịch lấy đề tài từ lịch sử Trung Quốc nhưng đã nói được những vấn đề chung của con người ở mọi thời đại.  **\*Thân bài:**  **- Nêu chủ đề vở kịch:** Bài viết nêu chủ đề về sự xung đột giữa các giá trị ngang bằng nhau: tình chồng vợ, cha con và khát vọng lập công; thân thể, tình tri kỉ và ý chí phụng sự minh chủ.  - **Xác định các phương diện đặc trưng của vở kịch**:  + Nhân vật bi kịch  + Xung đột nội tâm của nhân vật  + Kết cục bi kịch.  **- Những phương diện nổi bật của vở kịch:**  + Động cơ hành động của nhân vật  + Mâu thuẫn nội tâm của nhân vật  + Tính lô-gíc của hành động kịch  **\*Kết bài:** Khẳng định giá trị và ý nghĩa của tác phẩm:  Qua nỗi khiếp sợ và xót thương, vở kịch khiến cho người đọc hướng đến những giá trị nhân văn, cảm nhận sâu sắc các mối quan hệ đời sống, tự nhận ra đâu là điều chúng ta coi trọng và lựa chọn.  => Như vậy, bài viết tham khảo đã đáp ứng được những yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm văn học (kịch).  **\*Những điều học hỏi được từ bài viết tham khảo**:  + Cần giới thiệu được tác giả, tác phẩm và nêu nhận định chung về tác phẩm kịch  + Cần phân tích làm rõ được nội dung chủ đề tác phẩm kịch.  + Cần phân tích được đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm kịch theo đặc trưng thể loại.  + Cần triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ và bằng chứng xác đáng.  + Cần khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm kịch. |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn HS về quy trình viết bài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS đọc lướt các bước trong quy trình viết (SHS/ tr. 135 - 136), sau đó, thảo luận trong bàn về những thao tác cần làm và lưu ý trong từng bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một tác phẩm kịch.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS thảo luận trong bàn.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số bàn phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **3. Quy trình viết bài văn phân tích một tác phẩm kịch**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** | | **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết** | *Lựa chọn đề tài*  - Chọn một kịch bản văn học đã học hoặc đã đọc (hài kịch hoặc bi kịch).  - Có thể lựa chọn một vở kịch hay trích đoạn kịch thuộc bất kì thể loại nào. | Đề tài phù hợp với yêu cầu của đề bài. | | *Xác định mục đích viết, người đọc*  *- Mục đích:* Phân tích để làm rõ một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một kịch bản văn học.  *-* Người đọc: Những người quan tâm đến thể loại văn học kịch và có nhu cầu tìm hiểu sâu hơn về tác phẩm được phân tích. | *...* | | *Thu thập tư liệu*  - Những ghi chép của bản thân sau khi đọc tác phẩm (giấy ghi chú, nhật kí đọc, sản phẩm sáng tạo,…)  - Những bài phê bình, phỏng vấn, tư liệu báo chí,…liên quan đến tác phẩm. | Cần thu thập tư liệu từ các nguồn tài liệu tin cậy, uy tín. | | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** | ***Tìm ý:***  - Xác định nội dung chủ đề qua xung đột kịch.  - Xác định các phương diện đặc trưng của thể loại kịch thể hiện qua VB.  - Chọn một số phương diện nổi bật của văn bản kịch để đi sâu phân tích (hành động, lời thoại, nhân vật,...).  - Xác định hiệu quả thẩm mĩ của văn bản kịch. | *...* | | ***Lập dàn ý****:* Sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý:  - **Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm kịch; nêu nhận định chung về tác phẩm kịch.  **- Thân bài:**  + Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm.  + Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại,…).  **Kết bài:** Khẳng định hiệu quả thẩm mĩ và ý nghĩa của tác phẩm. | - Khi triển khai lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm, cần tránh sự trùng lặp về ý giữa các luận điểm. Một số bằng chứng có thể dùng làm sáng tỏ cho nhiều luận điểm, nhưng với mỗi luận điểm, cách triển khai lí lẽ để phân tích, lí giải cần khác nhau.  - Không nhất thiết phải phân tích tất cả các nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm, mà nên đi sâu khai thác những yếu tố tiêu biểu thể hiện đặc trưng thể loại. | | **Bước 3: Viết bài** | *Thực hiện viết bài:* Viết bài văn dựa trên dàn ý đã lập. | Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài, bám sát đặc trưng thể loại truyện. | | **Bước 4: Chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** | *Xem lại và chỉnh sửa:* Đọc lại bài viết và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm. Chỉnh sửa theo mẫu phiếu chỉnh sửa bài viết.  (xem bên dưới) | *...* | | *Rút kinh nghiệm:* Ghi lại những điều cần lưu ý về cách viết kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (kịch). | ***...*** | |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**:

+ HS xác định được yêu cầu của đề, thu thập tư liệu cho bài viết.

+ Biết tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.

+ Viết được bài viết hoàn chỉnh và tự kiểm tra, chỉnh sửa lại bài viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP 02: PHIẾU TÌM Ý | |
| **Gợi ý: Hãy đọc kĩ lại đoạn trích “Rô-mê-ô và Giu-li-ét” (SHS/tr 118) để xác định các phương diện nội dung chủ để và nghệ thuật cần phân tích:** | |
| **\*Thông tin cơ bản về tác giả Sếch-xpia, vở kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét.*** | … |
| **\*Tìm hiểu về đoạn trích “*Rô-mê-ô và Giu-li-ét*”:** | … |
| Nêu nhận định chung về đoạn trích. |  |
| Nội dung chủ đề của đoạn trích là gì? Nội dung chủ đề ấy được thể hiện qua các lí lẽ và dẫn chứng nào? | … |
| Đoạn trích có những đặc sắc gì về hình thức nghệ thuật theo đặc trưng thể loại kịch? Em sẽ chọn đi sâu phân tích kĩ lưỡng những phương diện nổi bật nào của đoạn trích kịch? | … |
| Nêu hiệu quả thẩm mĩ và giá trị của đoạn trích | … |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| Thao tác 1: TRƯỚC KHI VIẾT  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 4 nhóm, tiến hành thảo luận nhóm.  **\*GV hướng dẫn HS xác định vấn đề nghị luận, mục đích viết, người đọc:**  Các nhóm đọc kĩ đề bài và trả lời các câu hỏi sau:  *- Xác định vấn đề nghị luận mà đề bài yêu cầu.*  *- Bài viết của em nhằm mục đích gì và em hướng tới người đọc sẽ là ai?*  Thời gian thực hiện: 02 phút.  Hết 02 phút quy định, GV mời đại diện các nhóm phát biểu.  **\* GV yêu cầu HS tìm ý theo** **Phiếu HT số 2.** Thời gian: 05 phút  Hết 05 phút, GV mời đại diện các nhóm chia sẻ sản phẩm.  \***GV hướng dẫn HS lập dàn ý:** HS sử dụng kết quả của phần Tìm ý để Lập dàn ý cho bài viết.  HS cần chú ý những yêu cầu đối với kiểu bài để tập trung vào trọng tâm.  - GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm phát biểu.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá chéo và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Dựa trên câu trả lời của HS, GV góp ý, định hướng cho HS.  ***Lưu ý:*** GV có thể hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ này trước khi đến lớp để các em có thời gian tìm tư liệu. | | II. LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC  **Đề bài: Viết bài văn nghị luận phân tích đoạn trích “*Rô-mê-ô và Giu-li-ét*” (trích, Uy-li-am Sếch-xpia).**  1. TRƯỚC KHI VIẾT  **a. Xác định đề tài**  **\*Xác định vấn đề nghị luận:** phân tích đoạn trích *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (trích, Uy-li-am Sếch-xpia).  **\*Xác định mục đích viết:** Làm rõ nội dung chủ đề và những đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*; thuyết phục người khác đồng tình với những ý kiến của em.  **\*Người đọc:** Những người quan tâm, có nhu cầu tìm hiểu sâu hơn về đoạn trích *Rô-mê-ô và Giu-li-ét.*  **b. Tìm ý:**  - Tác giả Uy-li-am Sếch-xpia(vị trí, đặc điểm sáng tác), vở kịch “*Rô-mê-ô và Giu-li-ét*” (hoàn cảnh ra đời, nội dung...), đoạn trích (vị trí, nội dung chính...).  **- Nội dung chủ đề của đoạn trích:** Ca ngợi tình yêu tự do trong sự đối đầu với sự thù hận, với những hà khắc của xã hội phong kiến.  - **Các phương diện đặc trưng của thể loại kịch thể hiện qua đoạn trích:**  **+** Cốt truyện và xung đột kịch: Đoạn trích xoay quanh sự việc Rô-mê-ô gặp Giu-li-ét sau đêm hội hoá trang và hai người bày tỏ tình yêu. Đây là điểm “thắt nút” (tạo tình huống kết nối các nhân vật) của cốt truyện cả vở bi kịch. Xung đột trong đoạn trích cũng là xung đột của cả vở kịch: xung đột giữa hai dòng họ, xung đột giữa lễ giáo phong kiến và quyền tự do yêu đương.  + Nhân vật và lời thoại:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Lời độc thoại của từng nhân vật |  | **Rô-mê-ô**  **&**  **Giu-li-ét** |  | Lời đối thoại của hai nhân vật |   **- Một số phương diện nổi bật của đoạn trích có thể đi sâu phân tích:** HS có thể phân tích kĩ hơn về xung đột kịch qua phân tích tình thế gặp gỡ của hai nhân vật. HS cũng có thể lựa chọn phân tích sâu hơn về lời thoại của các nhân vật để làm rõ đặc điểm lời thoại của bi kịch, đó là tính chất mĩ lệ, trau chuốt.  **c. Lập dàn ý**  **\*Mở bài:** Giới thiệu tác giả Uy-li-am Sếch-xpia, vở kịch “*Rô-mê-ô và Giu-li-ét*” và đoạn trích.  Uy-li-am Sếch-xpia là tác gia tiêu biểu của nền văn học châu Âu thời kì Phục hưng. Sống vào giai đoạn quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản, ông đã nhanh nhạy nắm bắt được hơi thở, mạch đập của thời đại và đưa vào tác phẩm của mình. “*Rô-mê-ô và Giu-li-ét”* là vở kịch tiêu biểu của Sếch-xpia được coi là kiệt tác của văn học thời kì Phục hưng. Tác phẩm ngợi ca tình yêu trong sáng, chân thành, chung thủy, dám vượt lên hận thù để giành lấy quyền tự do và hạnh phúc. Điều đó phần nào được làm nổi bật qua đoạn trích cùng tên.  **\*Thân bài:**  **- Chỉ ra chủ đề của đoạn trích** *Rô-mê-ô và Giu-li-ét:*Đoạn trích ca ngợi tình yêu tự do trong sự đối đầu với sự thù hận, với những hà khắc của xã hội phong kiến.  - **Phân tích cốt truyện và xung đột kịch:**  + Đoạn trích xoay quanh sự việc Rô-mê-ô gặp Giu-li-ét sau đêm hội hoá trang và hai người bày tỏ tình yêu. Đây là điểm “thắt nút” (tạo tình huống kết nối các nhân vật) của cốt truyện cả vở bi kịch.  + Xung đột trong đoạn trích cũng là xung đột của cả vở kịch: xung đột giữa hai dòng họ, xung đột giữa lễ giáo phong kiến và quyền tự do yêu đương.  ++ Rô-mê-ô là con trai nhà Môn-ta-ghiu, còn Giu-li-ét là con gái nhà Ca-piu-let. Hai người thuộc về hai dòng họ thù địch, có mối thâm thù với nhau.  ++ Rô-mê-ô biết rõ gia đình và dòng họ mình vốn có mối thâm thù với nhà Ca-piu-lét nhưng chàng vẫn không quản ngại, vượt tường đến đứng dưới ban công phòng Giu-li-ét mong gặp được người mình yêu. Giu-li-ét cũng đã dự cảm được tình thế ngay trong đêm dạ hội khi biết danh tính Rô-mê-ô nhưng khi gặp Rô-mê-ô trong đêm, nàng vẫn đi theo tiếng gọi của trái tim, bày tỏ tình yêu với chàng. Hai nhân vật đã bất chấp mối thù dòng họ để gặp nhau và bày tỏ tình yêu.  ++ Sự kiện Rô-mê-ô gặp Giu-li-ét trong vườn nhà Ca-piu-lét, hai người bày tỏ tình yêu mặc dù biết hai gia đình có mối thâm thù sẽ dẫn đến những sự kiện khác như: bí mật làm lễ thành hôn; Giu-li-ét chấp nhận uống thuốc ngủ giả chết để cưỡng lại sự sắp đặt hôn nhân của gia đình và chờ đợi Rô-mê-ô trở về; Rô-mê-ô bí mật trở về, tưởng Giu-li-ét chết thật nên tự sát; Giu-li-ét tự sát khi thấy Rô-mê-ô chết.  ++ Kết cục của vở kịch: Cái chết của hai nhân vật là kết cục tất yếu khi hai dòng họ vẫn giữ mối thù hận mà đôi trẻ thì lại chẳng thể từ bỏ tình yêu. Vở kịch kết thúc bằng cái chết của đôi uyên ương, nhưng cái chết của họ khẳng định một chân lí cao đẹp: không gì có thể ngăn cản được tình yêu. Tình yêu và sự quên thân của họ khiến cho hai dòng họ tỉnh ngộ và đi đến hoà giải. Cái chết của Rô-mê-ô và Giu-li-ét khích lệ con người tin tưởng vào sức mạnh của tình yêu, khẳng định cuộc sống không nên hận thù.  **- Phân tích lời thoại và tâm trạng nhân vật:**  ++ Đoạn trích xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại và độc thoại. Người đọc nhận thấy tình yêu nồng nhiệt của Rô-mê-ô khi nhìn thấy Giu-li-ét xuất hiện trên cửa sổ. Lời độc thoại này cũng cho ta hình dung được vẻ kiều diễm của nàng Giu-li-ét. Đây là sự khác biệt của kịch so với truyện. Sự miêu tả trong truyện thường thuộc về lời người kể chuyện. Miêu tả trong kịch thuộc về lời nhân vật.  ++ Cách nói của nhân vật: hoa mĩ, nhiều hình ảnh (mặt trời, trăng, sao), nhiều thán từ (dùng khá nhiều câu cảm thán thể hiện cảm xúc trào dâng), nhiều so sánh ví von... Điều này thể hiện tính chất mĩ lệ, trau chuốt của ngôn từ bi kịch.  ++ Tâm trạng của các nhân vật: Rô-mê-ô ngất ngây, say đắm, quyết tâm vượt mọi trở ngại để đến với tình yêu. Còn Giu-li-ét có tình yêu cháy bỏng, ý thức vượt lên mối thù dòng họ, quyết tâm đến với tình yêu, sẵn sàng từ bỏ dòng họ vì tình yêu, lo lắng, sợ Rô-mê-ô bị bắt. 🡪 Như vậy, đoạn trích ca ngợi tình yêu trong sáng diễn ra trên cái nền của thù hận; thù hận bị đẩy lùi chỉ còn lại tình đời tình người bao la, phù hợp với lí tưởng nhân văn.  **\*Kết bài**: **Khẳng định hiệu quả thẩm mĩ và giá trị của đoạn trích**  **-** Mối tình Rô-mê-ô và Giu-li-ét đã trở thành một huyền thoại tình yêu thật đẹp, là tình yêu lí tưởng cho toàn nhân loại. Cho đến nay, con người vẫn khao khát một tình yêu như thế.  - Đoạn trích đã hướng người đọc đến những giá trị nhân văn cao cả, giúp con người hiểu hơn ý nghĩa của tình yêu đối lứa và cổ vũ con người mọi thế hệ hãy dám đấu tranh cho tình yêu chân chính. |
| Thao tác 2: VIẾT BÀI  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV hướng dẫn HS theo dõi SHS/tr 136 và trả lời câu hỏi:  *? Để viết triển khai đầy đủ các ý trong dàn ý, em cần viết từng phần như thế nào?*  \*GV nêu lưu ý chung cho HS khi viết phải đảm bảo.  \*GV yêu cầu HS trên cơ sở dàn ý đã lập thực hành viết với các yêu cầu khác nhau:  + Viết đoạn văn mở bài  + Viết đoạn kết bài  + Viết đoạn văn phát triển một ý ở thân bài  \*GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành bài viết.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát hướng dẫn trong SGK để trả lời câu hỏi.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | | 2. VIẾT BÀI  Dựa vào dàn ý, viết một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm kịch, cần chú ý các hướng dẫn trong SHS. |
| Thao tác 3: CHỈNH SỬA BÀI VIẾT  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS sau khi viết xong bài viết sẽ kiểm tra và chỉnh sửa theo **Bảng kiểm đánh giá bài viết**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc lại bài viết và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | | 3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT  - Đọc kĩ bài viết của mình và đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước để kiểm tra và chỉnh sửa theo Bảng kiểm đánh giá bài viết. HS có thể ghi phần chỉnh sửa bài viết vào Phiếu chỉnh sửa bài viết.  - HS có thể tráo đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau. |
| Tiết 3: TRẢ BÀI | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu của kiểu bài phân tích một tác phẩm kịch.  - GV gọi 2 – 3 HS đọc bài viết của mình. Các HS khác căn cứ vào **bảng kiểm** để đánh giá bài viết của bạn.  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, rút ra những gì cần phát huy, chỉnh sửa hoặc bổ sung.  - GV yêu cầu các em dựa vào **bảng kiểm** để chỉnh sửa theo những điều GV vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc chỉnh sửa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS nhận xét các bài viết được đọc qua **bảng kiểm.**  - HS tự đánh giá bài viết và chỉnh sửa bài viết của mình theo **bảng kiểm.**  - HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | **a. Yêu cầu của kiểu bài**  **b. Nhận xét**  - Ưu điểm:  ………….  - Hạn chế:  …………..  **c. Chỉnh sửa và hoàn thiện**  Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm kịch và dàn ý đã lập để chỉnh sửa các phần. Việc chỉnh sửa cần chú ý các vấn đề sau:  - Nếu thiếu các thông tin giới thiệu tác giả, tác phẩm (đoạn trích) thì cần bổ sung.  - Nếu việc phân tích nội dung chủ đề và các yếu tố nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm kịch chưa đủ rõ, chưa chính xác thì cần chỉnh sửa.  - Nếu các luận điểm chưa chặt chẽ, lí lẽ và bằng chứng chưa đạt yêu cầu, thiếu sức thuyết phục thì cần chỉnh sửa.  - Điều chỉnh dung lượng các ý để đảm bảo bài viết có bố cục hợp lí.  - Rà soát và chỉnh sửa lỗi chính tả, diễn đạt để đảm bảo chuẩn mực về ngôn ngữ. | |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:**

**-** Chỉnh sửa được bài viết của bản thân.

- Tự lập dàn ý và viết bài phân tích một tác phẩm/ đoạn trích kịch khác.

**b.** **Nội dung**: Chỉnh sửa bài viết của bản thân hay góp ý bài viết cho bạn. Tự thực hành viết bài phân tích một tác phẩm/ đoạn trích kịch khác.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã chỉnh sửa, phần góp ý cho bài viết của bạn; bài viết cá nhân.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

- Dựa vào những góp ý của bạn theo nhóm đôi, hãy tự chỉnh sửa bài viết của bản thân.

- Nhận bài viết của một bạn khác trong lớp, đọc, góp ý dựa trên bảng kiểm GV cung cấp.

- Tự thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý rồi viết bài phân tích một tác phẩm/ đoạn trích kịch khác mà em tự tìm đọc.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc bảng tin học tập của lớp.

- Gửi cho bạn những ý kiến góp ý cho bài viết của bạn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

RÚT KINH NGHIỆM

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |
| --- |
| **Tiết 71 NÓI VÀ NGHE:**  **THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI (ĐƯỢC GỢI RA TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC)** |

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

**1. Năng lực**

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- HS biết xác định vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

- HS nêu được ý kiến thảo luận về vấn đề.

- Nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

**2*.* Phẩm chất**

- Tự tin trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

- Biết lắng nghe ý kiến của bạn.

- Có ý thức vận dụng vấn đề vào đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC THỰC HIỆN | SẢN PHẨM |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** Em ấn tượng nhất với văn bản đọc hiểu nào trong bài học 5? Văn bản đó gợi ra cho em vấn đề gì khiến em ấn tượng hay trăn trở?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi. * GV động viên, khuyến khích.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày ý kiến.  - Các HS khác góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân. HS có thể chia sẻ về vấn đề được gợi ra trong mỗi văn bản đọc hiểu ở bài học 5 như sau:  Ví dụ:  + Khát vọng tình yêu tự do của con người (qua vở kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*).  + Cách ứng xử của con người khi đối diện với nghịch cảnh/ Lòng vị tha của con người trong cuộc sống (qua truyện ngắn *Bí ẩn làn nước* – Bảo Ninh).  ... |

**GV giới thiệu bài mới:**

Mỗi tác phẩm văn học được viết ra thường đề cập những vấn đề cuộc sống mà mọi người quan tâm. Trước một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học, mỗi người có thể có những ý kiến khác nhau do vấn đề phức tạp hoặc do góc nhìn, cách suy nghĩ,… không giống nhau. Trước vấn đề ấy, các em có thể tham gia thảo luận nhóm để phát biểu ý kiến, nêu lên những suy nghĩ, nhận xét; đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể để thuyết phục mọi người về ý kiến của mình. Tiết học hôm nay sẽ hướng dẫn các em kĩ năng thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi được gợi ra trong tác phẩm văn học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học).

**b. Nội dung**: HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC THỰC HIỆN | SẢN PHẨM |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Theo em, mục đích của buổi thảo luận hôm nay là gì?  - Theo em, khi tham gia thảo luận cần chú ý những yêu cầu gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **I. LÝ THUYẾT**  **1.**  **Mục đích thảo luận**   * Làm cho những người tham gia thảo luận hiểu vấn đề một cách đầy đủ, sâu sắc. * Có giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề.   - Các thành viên thảo luận thấu hiểu lẫn nhau  **2. Yêu cầu chung:** Để tham gia thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi, các em cần:  - Thành lập nhóm, phân công người điều hành (chủ trì) và thư kí.  - Xác định vấn đề thảo luận.  - Xác định mục đích thảo luận và người nghe  - Xác định quy mô và thời gian thảo luận.  - Mỗi thành viên tham gia thảo luận cần chuẩn bị ý tưởng và nội dung thảo luận, chuẩn bị dàn ý cho phần trình bày ý kiến của bản thân, tránh viết thành văn để đọc.  - Thống nhất nguyên tắc thảo luận:  + Các thành viên tham gia thảo luận tuân thủ sự điều hành của người chủ trì.  + Phát biểu ngắn gọn, rõ ràng, không lặp lại ý của người nói trước.  + Người nghe cần tôn trọng, lắng nghe, không ngắt lời người nói.  - Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video……… |

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

**a) Mục tiêu:**

HS có khả năng phát hiện vấn đề qua việc đọc tác phẩm văn học, hiểu và trình bày được ý kiến của mình về vấn đề.

**b)** **Nội dung:**

- GV phân chia HS thành nhóm nhỏ.

- Nhóm trưởng điều khiển buổi thảo luận, đảm bảo từng thành viên đều được phát biểu ý kiến cá nhân về vấn đề được nêu ra.

- Thư kí cần ghi chép nội dung cuộc thảo luận.

- Các thành viên trong tổ lắng nghe và phản hồi, ghi chép lại ý kiến của bạn mình.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm thảo luận nhóm do thư kí ghi chép.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Vấn đề thảo luận:**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
|  | II. THỰC HÀNH NÓI - NGHE |
| Bước 1: TRƯỚC KHI THẢO LUẬN | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. GV phân công nhiệm vụ thảo luận theo tiến trình sau:**  **\*Vòng 1: Thảo luận vấn đề trong nhóm**  - GV chia lớp thành 04 nhóm.  - Các nhóm ngồi theo vị trí, cử ra nhóm trưởng, thư kí và phân công công việc cho các thành viên (có biên bản ghi lại).  + Thống nhất mục đích thảo luận và thời gian thảo luận.  **\*Vòng 2: Thảo luận vấn đề trong phạm vi lớp**  - GV cử người chủ trì và thư kí chung khi thảo luận cả lớp.  **2. Các nhóm thống nhất lựa chọn vấn đề thảo luận dựa trên nội dung những tác phẩm đã học hoặc đã đọc.**  - Trong trường hợp các nhóm không thống nhất được vấn đề thảo luận chung thì GV sẽ là người chốt vấn đề thảo luận dựa trên các đề tài mà HS các nhóm đề xuất.  - Các thành viên trong các nhóm suy nghĩ về vấn đề thảo luận chung, ghi lại ý kiến của mình để chuẩn bị tham gia thảo luận.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện yêu cầu của GV.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | \***Phân chia nhiệm vụ:**  + Mỗi thành viên suy nghĩ, chuẩn bị cho phần trình bày ý kiến riêng của mình trong thời gian tối đa 2 phút (dựa trên phần chuẩn bị trước tiết học ở nhà).  + Nhóm trưởng điều hành thảo luận, trao đổi trong thời gian 10 phút.  + Thư kí ghi chép những ý kiến của các thành viên, thống nhất những hiểu biết toàn diện về vấn đề thảo luận.  **\*Thống nhất vấn đề thảo luận và chuẩn bị nội dung thảo luận:**  + Các nhóm đề xuất và thống nhất vấn đề thảo luận chung trong phạm vi cả lớp.  **=> Ví dụ vấn đề thảo luận chung**: Qua tìm hiểu truyện ngắn *Bí ẩn làn nước* (Bảo Ninh), hãy bày tỏ ý kiến về cách ứng xử của con người khi đối diện với nghịch cảnh.  + Các nhóm xác định được bản chất của vấn đề thảo luận.  + Từng thành viên chuẩn bị các ý kiến để trao đổi trong nhóm. |
| Bước 2: THỰC HÀNH THẢO LUẬN | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*Vòng 1: Thảo luận vấn đề trong nhóm**  + Nhóm trưởng nêu vấn đề thảo luận.  + Các thành viên tham gia thảo luận phát biểu ý kiến theo chỉ định của nhóm trưởng.  Các thành viên lắng nghe, ghi chép ý kiến của bạn và có sự phản hồi theo mẫu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến của bạn** | **Những điều tôi muốn trao đổi với bạn** | **Những điều bạn trao đổi lại với tôi** | | Ghi ngắn gọn ý kiến | Ghi ngắn gọn những ý định trao đổi bằng cách tự hỏi: *Điều gì tôi muốn bạn làm rõ hơn? Điều gì tôi không đồng ý với bạn?* | Ghi ngắn gọn các lí lẽ, dẫn chứng mà bạn phản hồi ý kiến của mình |   + Thư kí ghi chép ý kiến của các thành viên.  + Nhóm thống nhất các ý kiến đánh giá chung.  Thư kí đọc tóm tắt những ý kiến của từng thành viên để nhóm đưa ra đánh giá cuối cùng về vấn đề thảo luận.  + Sau khi kết thúc thảo luận trong nhóm, mỗi nhóm cử đại diện tham gia thảo luận ở **vòng 2.**  **\*Vòng 2: Thảo luận vấn đề trong phạm vi lớp**  ***+*** Người chủ trì giới thiệu trước lớp đại diện các nhóm tham gia thảo luận.  + Đại diện mỗi nhóm trình bày ý kiến dựa trên kết quả thảo luận đã thực hiện ở vòng 1.  + Các thành viên trong lớp lắng nghe, nêu ý kiến góp ý hoặc đặt câu hỏi cho bất kì đại diện của nhóm nào; đại diện các nhóm trao đổi, trả lời.  + Thư kí chung ghi chép nội dung thảo luận ở vòng 2 thành một biên bản.  + Kết thúc cuộc thảo luận, người chủ trì tổng kết các nội dung chính đã thảo luận; khẳng định ý nghĩa của việc thảo luận; cảm ơn sự đóng góp của các thành viên tham gia.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS tiến hành thảo luận theo tiến trình 2 vòng dưới sự hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **Vấn đề thảo luận**: Qua tìm hiểu truyện ngắn *Bí ẩn làn nước* (Bảo Ninh), hãy bày tỏ ý kiến về cách ứng xử của con người khi đối diện với nghịch cảnh.  **\*Vòng 1: Thảo luận vấn đề trong nhóm**  Các nhóm tiến hành thảo luận:   * Mở đầu: Nhóm trưởng nêu vấn đề thảo luận:   VD: Truyện ngắn *Bí ẩn làn nước* là một trong những truyện ngắn đặc sắc của Bảo Ninh. Bằng nghệ thuật xây dựng tình huống truyện đặc sắc, truyện đã phản ánh được diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi” trước những biến cố bất ngờ đầy đau thương của cuộc đời. Qua đó, truyện đã gửi gắm tới người đọc thông điệp ý nghĩa về cách ứng xử của con người khi đối diện với nghịch cảnh.  - Triển khai: Các thành viên tham gia thảo luận phát biểu ý kiến:  + Nghịch cảnh là những hoàn cảnh trớ trêu, éo le, rủi ro không mong muốn trong cuộc sống. Tuy nhiên, nghịch cảnh lại là phép thử để ta hiểu thêm về trái tim, tình cảm của người khác, trân trọng tình cảm chân thành; đó cũng là phép thử để ta chứng tỏ tầm vóc trí tuệ và bản lĩnh, khẳng định sức mạnh ý chí của bản thân.  + Khi đối diện với nghịch cảnh, mất mát, khổ đau, mỗi người sẽ có cách ứng xử khác nhau: có người thể hiện nỗi đau đớn của bản thân và tìm đến mọi người để được an ủi, sẻ chia; có người lại âm thầm chịu đựng nỗi đau một mình,...; có những người mạnh mẽ vượt qua, song có những người rơi vào đáy vực tuyệt vọng để không bao giờ thoát khỏi nỗi đau mất mát đó.  + Để có thể vượt qua được nghịch cảnh thì chúng ta cần phải:  ++ Cần bình tĩnh đối mặt với nghịch cảnh, không trốn chạy.  ++ Tỉnh táo để đưa ra giải pháp và cách khắc phục, xử lí một cách khéo léo, thông minh.  ++ Tìm đến sự giúp đỡ của những người xung quanh mình.  ++ Cho dù bản thân rơi vào nghịch cảnh nhưng hãy hành động vì hạnh phúc của những người thân yêu và người khác.  ...  **\*Vòng 2: Thảo luận vấn đề trong phạm vi lớp**  Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình đã thực hiện ở vòng 1 trước lớp. |
| Bước 3: ĐÁNH GIÁ | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV để các nhóm tự đánh giá kết quả thảo luận ở vòng 1 theo các tiêu chí trong bảng kiểm.  - GV mời 1 số HS đánh giá kết quả thảo luận ở vòng 2 theo các tiêu chí trong bảng kiểm.  - GV hướng dẫn HS trao đổi trực tiếp về vấn đề được đặt ra trong buổi thảo luận. Có thể đặt những câu hỏi như:  + *Vấn đề lựa chọn để thảo luận có phù hợp với lứa tuổi không?*  *+ Vấn đề đã được nhìn nhận một cách toàn diện chưa?*  *+ Các giải pháp đưa ra để giải quyết vấn đề có thiết thực, khả thi không?*  *+ Việc thảo luận về vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của học sinh và giới trẻ hiện nay?*  *...*  - GV giúp HS rút ra một số kinh nghiệm khi thực hiện thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | - Đánh giá nội dung đạt/ chưa đạt của buổi thảo luận.  - Rút ra kinh nghiệm khi thực hiện thảo luận một vấn đề |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:**

- Hãy lựa chọn một vấn đề mà em quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi gợi ra từ một tác phẩm văn học mà em yêu thích.

- Quay sản phẩm video (dài 5 – 7 phút) phỏng vấn ý kiến của một số bạn trong lớp để thu thập thêm những ý kiến khác nhau về vấn đề đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS chọn vấn đề đáng quan tâm và quay video phỏng vấn các bạn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

RÚT KINH NGHIỆM:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC Ở NHÀ

**1. GV hướng dẫn HS phần Củng cố, mở rộng bài học 5**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố các yêu cầu cần đạt của toàn bài.

**b. Nội dung**: Vận dụng kiến thức đã học vào việc hoàn thành các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm, phần tự tìm hiểu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS hoàn thành nhanh các bài tập SHS (tr 138):

- Bài tập 1, 3: Làm việc cá nhân

- Bài tập 2: Thảo luận theo nhóm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS hoàn thành các bài tập theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**1.1. Bài tập 1 (SHS/ Tr 138):**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Nguồn gốc, đề tài** | **Xung đột** | **Phẩm chất của nhân vật chính** | **Hành động chính trong đoạn trích** | **Tính chất lời thoại** |
| ***Rô-mê-ô và Giu-li-ét*** | Dựa trên câu chuyện có thật về mối hận thù giữa hai dòng họ Môn-ta-ghiu và Ca-piu-lét, tại thành Vê-rô-na (I-ta-li-a) thời Trung cổ. | Xung đột giữa tình yêu và hoàn cảnh: Xung đột giữa hai dòng họ, xung đột giữa lễ giáo phong kiến và quyền tự do yêu đương | Khát khao tình yêu mãnh liệt, chân thành, thủy chung, dám vượt lên hận thù để giành lấy quyền tự do và hưởng hạnh phúc. | Bất chấp mối thù dòng họ để gặp nhau và bày tỏ tình yêu. | Tính chất mĩ lệ, trau chuốt. |
| ***Lơ Xít*** | Dựa trên biến cố lịch sử có thật ở Tây Ban Nha thế kỉ XI về người anh hùng - hiệp sĩ Rô-đri-gơ Đi-a-dờ | Xung đột nội tâm: Xung đột giữa dục vọng và danh dự, giữa tình yêu và bổn phận. | Mang trong mình trách nhiệm bảo vệ danh dự nhưng cũng rất muốn có được tình yêu. | Lựa chọn hành động theo bổn phận và nghĩa vụ, bảo toàn danh dự. | Tính chất đối nghịch, sự giằng xé nội tâm, tính trang trọng, tính triết lí. |

**1.2. Bài tập 2 (SHS/ Tr 138):** Tìm đọc một số vở bi kịch của Việt Nam và thế giới. Chọn trong số đó một tác phẩm em yêu thích và trả lời câu hỏi.

**Gợi ý**

**\*Một số vở bi kịch của Việt Nam và thế giới:**

- Việt Nam: *Vũ Như Tô* (Nguyễn Huy Tưởng); *Hồn Trương Ba da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ); *Yêu Ly* (Lưu Quang Thuận*); Rừng trúc* (Nguyễn Đình Thi),..

- Thế giới: *Hăm-lét*; *Ô-ten-lô; Vua Lear* (Uy-li-am Sếch-xpia); *Âm mưu và tình yêu* (F.Sile);...

\***Tìm hiểu một vài nét về vở bi kịch *Hồn Trương Ba da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ):**

***a. Nhân vật chính***: Trương Ba khao khát được sống với cái “tôi” toàn vẹn, mong muốn vượt lên trên những giả dối, những nhu cầu, dục vọng tầm thường.

***b. Xung đột chính trong vở kịch***: Xung đột nội tâm khi phải sống trong hoàn cảnh “bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo”, không được sống là mình trọn vẹn.

***c. Chi tiết đặc sắc trong vở bi kịch:***

- Màn đối thoại giữa Trường Ba và Xác Hàng thịt: Dù không muốn thừa nhận nhưng Trương Ba đã nhận ra những thay đổi của bản thân khi sống trong thân xác anh hàng thịt phàm tục.

- Màn đối thoại giữa Trương Ba và Đế Thích: Thể hiện rõ khát vọng hoàn thiện nhân cách của Trương Ba. Con người là 1 thể thống nhất, hồn xác phải hài hòa đồng thuận. Dù khiếm khuyết về tinh thần hay thể xác cũng là một cuộc sống không trọn vẹn.

- Lựa chọn cuối cùng của Trường Ba: Trả lại thân xác cho vợ anh hàng thịt, bản thân sẽ ra đi mãi mãi => Trương Ba không chấp nhận tái diễn lại bi kịch sống trong thân xác người khác. Quyết định đó cho thấy Trương Ba là con người nhân hậu, sáng suốt, giàu lòng tự trọng và có ý thức cao về ý nghĩa cuộc sống.

**1.3. Bài tập 3 (SHS/ Tr 138):** Viết đoạn văn (khoảng 10-12 câu) với câu chủ đề: *Nhân vật bi kịch vừa có tội lại vừa không có tội.*

**Gợi ý**

**\*GV cung cấp bảng kiểm đánh giá đoạn văn cho HS.**

**\* Đoạn văn tham khảo:**

Nhân vật bi kịch vừa có tội lại vừa không có tội. Trước tiên, nhân vật bi kịch, đứng từ một góc nhìn nào đó, sẽ là những người gây ra tội lỗi. Hành động của họ đôi khi gây ra đau khổ cho người khác. Đó là hành động Rô-mê-ô giết chết anh họ của Giu-li-ét là Ti-bân để trả thù cho dòng họ; Rô-đri-gơ thách đấu và giết chết cha của người yêu. Những hành động đó đều là những hành động có tội và cả Rô-mê-ô và Rô-đri-gơ đều sẽ phải chịu sự trừng trị của luật pháp. Tuy nhiên, đứng từ một góc nhìn khác, ta lại thấy nhân vật bi kịch là những người cao thượng, hành động của họ đem lại những cảm xúc mạnh mẽ, hướng đến những điều tốt đẹp. Cả Rô-mê-ô và Rô-đri-gơ đều là những con người có tình cảm mãnh liệt, biết hành động để bảo vệ tình yêu cao đẹp hoặc bảo vệ danh dự. Trước những lựa chọn của cuộc đời, họ không bao giờ là kẻ yếu hèn, dối trả. Họ dám đương đầu với những thử thách, cho dù phải trả giá bằng cả tính mạng để theo đuổi mục tiêu của bản thân. Chính điều đó làm nên sức hút của những hình tượng nhân vật bi kịch khi hội tụ sức mạnh lớn lao, phẩm chất cao cả, có lí tưởng, khát vọng cao đẹp.

**2. Hướng dẫn HS thực hành đọc: Văn bản *“Âm mưu và tình yêu”* (Trích, Ph. Si-lơ)**

**a. Mục tiêu:** Thực hành kĩ năng đọc hiểu kịch bản văn học ở nhà.

**b.** **Nội dung**: GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu trong SHS.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn HS đọc, khám phá chung về tác giả, văn bản**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản (tự đọc khoảng 2 lần)  - Ngoài các thông tin trong chú thích (SHS/ Tr 139), HS tự tìm hiểu thêm về tác giả Phri-dơ-rích Si-lơ.  - Cho biết thể loại, tóm tắt vở kịch *Âm mưu và tình yêu*; vị trí đoạn trích SHS.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **I. Đọc – khám phá chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả Phri-dơ-rích Si-lơ**  - Sinh năm 1759, mất 1805.  - Là nhà viết kịch nổi tiếng người Đức, được mệnh danh là "[Shakespeare](https://vi.wikipedia.org/wiki/William_Shakespeare) của [văn học Đức](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc_%C4%90%E1%BB%A9c)".  - Các vở bi kịch tiêu biểu: *Lũ cướp* (1791), *Âm mưu của Fiesco ở Genua* (1783), *Âm mưu và tình yêu* (1784), *Trinh nữ ở thành phố Orléans* (1801),...  **3. Vở kịch *“Âm mưu và tình yêu”***  - Là bi kịch gồm 5 hồi được sáng tác năm 1784.  - Tóm tắt vở kịch:chú thích (1) - SHS/tr 139  - **Đoạn trích**: Trích hồi II của vở bi kịch “Âm mưu và tình yêu” |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn HS khám phá văn bản**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Để tìm hiểu VB, GV yêu cầu HS tự hoàn thành **Phiếu học tập sau:**   |  | | --- | | 1. Chỉ ra những dấu hiệu cho biết văn bản thuộc thể loại bi kịch.  2. Phân tích diễn biến hành động của nhân vật Phéc-đi-năng trong VB.  3. Dựa vào phần tóm tắt vở kịch, nêu sự phát triển của cốt truyện kịch xuất phát từ mâu thuẫn giữa Tể tướng và Phéc-đi-năng. |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **II. Khám phá văn bản**  **1. Những dấu hiệu của thể loại bi kịch được thể hiện qua văn bản**  **-** Đoạn trích cho thấyxung đột không thể hoà giải giữa cha và con, giữa âm mưu và tình yêu (mâu thuẫn giữa tình yêu trong trắng, thắm thiết của một đôi trai tài, gái sắc và những âm mưu xấu xa, đen tối của triều đình phong kiến cùng bọn quan lại.)  - Kết cục của vở kịch là cái chết của hai nhân vật chính  **2. Diễn biến hành động của nhân vật Phéc-đi-năng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thứ tự hành động** | **Hành động của Phéc-đi-năng** | **Hành động của Tể tướng Van-te và bọn tay chân** | | 1 | - Lơ lắng, chạy lại đỡ Luy-đơ, vội vàng kêu cứu nàng. | Tể tướng Van-te: sai bọn tay sai, bắt Phéc-đi-năng tránh xa Luy-đơ. | | 2 | - Giận dữ, đứng ngăn giữa Luy-đơ với bọn lính tay sai.  - Xin cha không làm hại tới Luy-đơ. | Đe dọa, sai bọn lính tới bắt Luy-đơ đi. | | 3 | Giận dữ, quát tháo bọn lính tay sai và thề độc, đồng thời tiếp tục xin cha. | Sôi sục giận dữ, chửi bới bọn lính tay sai và ra lệnh chúng xông lên. | | 4 | Chỉ trích hành động của Tể tướng. | Bảo binh lính lối đi. | | 5 | Nói rằng mình sẽ lên giá cùng Luy-dơ. | Không quan tâm và lôi đi. | | 6 | Dùng thanh kiếm sĩ quan để xin cha. | Bảo binh lính lôi cả hai đi. | | 7 | Thà tự đâm lưỡi kiếm qua xác vợ. | Khiêu khích Phéc-đi-năng. | | 8 | Xin chúa chứng giám và uy hiếp tể tướng. | Thả Luy-đơ. |   => Trước bạo quyền của người cha, Phéc-đi-năng vẫn một mực chống trả, đứng lên đấu tranh vì tình yêu chân chính của mình, sẵn sàng chết cùng người yêu chứ không chịu thỏa hiệp với cha.  **3. Sự phát triển của cốt truyện kịch xuất phát từ mâu thuẫn giữa Tể tướng và Phéc-đi-năng**  + Tể tướng ngăn cản Phéc-đi-năng đến với người yêu, tìm cách bắt con trai lấy bà Min-pho.  + Phéc-đi-năng doạ tố cáo việc cha giết người.  + Tể tướng lập mưu chia rẽ Phéc-đi-năng và Luy-dơ.  + Phéc-đi-năng mắc mưu, đem thuốc độc cho người yêu uống, khi nhận ra sự thật, Phéc-đi-năng uống thuốc độc chết. |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn HS tổng kết**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS tự rút ra ngắn gọn những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản *Âm mưu và tình yêu.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Đoạn trích thể hiện xung đột gay gắt giữa cha và con, giữa âm mưu và tình yêu.  - Phecđinăng là hiện thân của con người lí tưởng, rất đẹp đẽ và cao cả. Chàng đấu tranh không phải vì lợi ích cá nhân thấp hèn mà vì tự do, vì hạnh phúc, vì công lí.  **2. Nghệ thuật**  - Xây dựng xung đột kịch giàu kịch tính.  - Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc qua những lời thoại.  - Lời thoại của bi kịch có tính chất đối nghịch, đầy kịch tính, góp phần đẩy xung đột kịch lên cao trào trong VB. |

RÚT KINH NGHIỆM

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 72:TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

*1. Về kiến thức*

- Kiến thức chung: Thông qua tiết trả bài, giúp học sinh nhận ra những ưu điểm, nhược điểm của mình trong khâu phân tích đề, phương pháp làm bài, kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết yêu cầu đề ra.

*-*  Qua giờ trả bài giáo viên giúp học sinh củng cố các kĩ năng làm bài, nhất là biết vận dụng các kiến thức tích hợp về văn, tiếng Việt và tập làm văn để làm bài kiểm tra tổng hợp.

- Kĩ năng bài học: Rèn kĩ năng phân tích, tổng hợp, sửa sai.

- Kĩ năng sống: Nhận thức, giải quyết vấn đề, ra quyết định.

*2. Về phẩm chất:* HS có ý thức nghiêm túc nhận lỗi và sửa lỗi trong bài viết.

B. CHUẨN BỊ

1.GV: soạn bài, chấm bài.

2.HS**:** vở ghi.

C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh.** | **Nội dung cần đạt** |
| --- | --- |
| **HĐ 1: Khởi động. (5’)**  **B 1**. GV nêu yêu cầu HS nhắc lại những đơn vị kiến thức đã sử dụng trong bài kiểm tra .  **B 2.3.** HS trao đổi đưa ra câu trả lời, bổ sung cho nhau.  **B 4.** GV gợi đẫn vào bài.  Trong bài kiểm tra giữa học kì I này, các em đã có những tiến bộ đáng kể về kiến thức. Hôm nay chúng ta sẽ cùng đánh giá kết quả đó và chỉ ra những mặt mạnh, mặt yếu của từng bài viết để các em rút kinh nghiệm cho bài làm sau đạt kết quả tốt hơn nữa. |  |
| **HĐ 2,3: Nhận xét, chữa bài.**  - **GV nhận xét** ưu, nhược điểm bài làm của học sinh. GV đưa dẫn chứng cụ thể các bài làm còn mắc lỗi để HS nhận biết.  - **Chữa bài**  **B1. GV:** Nêu các câu hỏi và bài tập trong đề kiểm tra.  - Giao câu hỏi cho các nhóm  **B 2.** Các nhóm bàn luận trả lời câu hỏi.  **B 3**. HS trình bày kết quả hoạt động nhóm.  **B 4**. *GV chốt giảng, nâng cao.*  *GV đưa đáp án*  **GV trả bài** cho HS  - Học sinh đọc lại bài viết, đối chiếu với đáp án và sửa chữa, rút kinh nghiệm về bài làm của mình, trao đổi bài với nhau.  - GV gọi HS đọc bài làm tốt cho cả lớp nghe và tham khảo. | **I. Nhận xét chung**  - Ưu điểm:  + Đọc – hiểu văn bản:  + Tạo lập văn bản:  - Nhược điểm  + Hình thức: Trình bày, chữ viết.  + Nội dung: lỗi về diễn đạt, nội dung, bố cục ài viết, kiểu bài.  **II. Chữa bài theo đáp án**  **Đề, đáp án ở tiết**  **Đề đáp án của PGD**  I. Đọc – hiểu văn bản  II. Tạo lập văn bản  **III. Trả bài** |

**Hoạt động 4. Vận dụng. (3’)**

Về nhà làm lại bài kiểm tra

**Ngày tháng năm 2024**

**BGH ký**